

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI KỲ THI HỌC SINH GIỎI LỚP 9 CẤP THÀNH PHỐ  
NĂM HỌC 2016 - 2017**

| STT | MÔN  | HỌ              | TÊN    | TRƯỜNG                      | QUẬN, HUYỆN                 | GIẢI |
|-----|------|-----------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 1   | Toán | Tiêu Vĩnh       | Khang  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 2   | Toán | Nguyễn Cao      | Duy    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 3   | Toán | Nguyễn Hữu      | Danh   | THCS Ngô Quyền              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 4   | Toán | BÙI TRẦN ĐĂNG   | KHOA   | THCS Tân Tạo                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Nhất |
| 5   | Toán | Nguyễn Quốc     | Lập    | THCS Trần Quang Khải        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 6   | Toán | Tạ Huỳnh Tuấn   | Phúc   | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 7   | Toán | NGUYỄN MẠC NAM  | TRUNG  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 8   | Toán | Nguyễn Ngô Duy  | Vinh   | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 9   | Toán | Quách Minh      | Anh    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 10  | Toán | Đặng Đức        | Trường | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 11  | Toán | Lê Anh          | Vy     | THCS Trần Văn Ôn            | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 12  | Toán | Lê Quang        | Huân   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 13  | Toán | Nguyễn Duy      | Khang  | THCS Tân Thông Hội          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Nhất |
| 14  | Toán | Lê Trần Hoàng   | Lan    | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 15  | Toán | Phạm Phong      | Vũ     | THCS Thanh Đa               | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 16  | Toán | Võ Minh         | Hiếu   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 17  | Toán | Võ Kế           | Huy    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 18  | Toán | Phạm Đình Anh   | Khoa   | THCS Hà Huy Tập             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 19  | Toán | Nguyễn Thuý Kim | Ngân   | THCS Ngô Quyền              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 20  | Toán | Phạm Thành      | Tài    | THCS Văn Đôn                | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Nhất |
| 21  | Toán | Hoàng Minh      | Trí    | THCS Bình Chiểu             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 22  | Toán | Bùi Khánh       | Vĩnh   | THCS Tân Thới Hòa           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 23  | Toán | Lê Gia          | Hân    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 24  | Toán | Trần Ngọc Minh  | Khoa   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 25  | Toán | Lê Minh         | Quân   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 26  | Toán | Nguyễn Thị Mỹ   | Linh   | THCS Đào Duy Anh            | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhất |
| 27  | Toán | Nguyễn Phú      | Đạt    | THCS Lam Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhất |
| 28  | Toán | Nguyễn Đức Anh  | Khoa   | THCS Nguyễn Trãi            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |

|    |      |                   |        |                             |                              |      |
|----|------|-------------------|--------|-----------------------------|------------------------------|------|
| 29 | Toán | Nguyễn Hữu        | Thuận  | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 30 | Toán | Lương Thiện       | Trí    | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 31 | Toán | Lê Công           | Tú     | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 32 | Toán | Lê Bá             | Dũng   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhất |
| 33 | Toán | Nguyễn Tuấn       | Kiệt   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhất |
| 34 | Toán | Trần Lê Trọng     | Nhân   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhất |
| 35 | Toán | Phùng Hoàng       | Phú    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhất |
| 36 | Toán | Lê Ngọc Minh      | Thư    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhất |
| 37 | Toán | Lê Quang          | Hạ     | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 38 | Toán | Bùi Trung         | Hải    | THCS Ngô Quyền              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 39 | Toán | Nguyễn Minh       | Tâm    | THCS Bình Quới Tây          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì  |
| 40 | Toán | Phạm Nguyễn Quỳnh | Như    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhì  |
| 41 | Toán | Nguyễn Thanh      | Thảo   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhì  |
| 42 | Toán | Nguyễn Hoàng Anh  | Thư    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhì  |
| 43 | Toán | NGUYỄN THÀNH      | CÔNG   | THCS Tân Túc                | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì  |
| 44 | Toán | Lê Trịnh Như      | Khang  | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì  |
| 45 | Toán | VŨ THẾ            | BAO    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì  |
| 46 | Toán | Lê Hoàng          | Phúc   | THCS Linh Đông              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì  |
| 47 | Toán | Phan Minh         | Đạt    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 48 | Toán | Nguyễn Hữu        | Thành  | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 49 | Toán | Lương Hoàng       | Châu   | THCS Tam Bình               | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì  |
| 50 | Toán | Lê Quang Nhật     | Hiếu   | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 51 | Toán | Vũ Huy            | Hiệu   | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì  |
| 52 | Toán | Dương Minh        | Khôi   | THCS Nguyễn Văn Bé          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì  |
| 53 | Toán | Bùi Thu           | Ngân   | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 54 | Toán | LƯƠNG NGỌC QUỲNH  | NHƯ    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì  |
| 55 | Toán | Nguyễn Hồ Khánh   | Phương | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 56 | Toán | Chung Phương      | Thùy   | THCS Thoại Ngọc Hầu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì  |
| 57 | Toán | Trịnh Thùy Ánh    | Tuyết  | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì  |
| 58 | Toán | Phùng Khánh       | Vy     | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì  |
| 59 | Toán | Trần Vũ           | Duy    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhì  |

|    |      |                   |        |                            |                           |     |
|----|------|-------------------|--------|----------------------------|---------------------------|-----|
| 60 | Toán | Khau Liên         | Kiệt   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                           | Nhì |
| 61 | Toán | Dương Quang       | Minh   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Nhì |
| 62 | Toán | Trần Lý           | Bằng   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Nhì |
| 63 | Toán | HÀ CÔNG           | CHÁNH  | THCS Bình Tân              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân | Nhì |
| 64 | Toán | Nguyễn Bá         | Đình   | TRƯỜNG THCS Lữ Gia         | Phòng GD-ĐT Quận 11       | Nhì |
| 65 | Toán | Bùi Lê            | Hải    | THCS Nguyễn Hữu Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 66 | Toán | Nguyễn Trung      | Kiên   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhì |
| 67 | Toán | Trần Ngọc         | Linh   | THCS Phạm Đình Hồ          | Phòng GD-ĐT Quận 6        | Nhì |
| 68 | Toán | Trương Hồ Hoài    | Nam    | THCS Nguyễn Gia Thiều      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 69 | Toán | Nguyễn Thiện      | Nhân   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Nhì |
| 70 | Toán | Nguyễn Thị Tuyết  | Nhi    | THCS Nguyễn Huệ            | Phòng GD-ĐT Quận 12       | Nhì |
| 71 | Toán | Trần Minh         | Quyết  | THCS Thị Trấn 2            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi  | Nhì |
| 72 | Toán | Trần Xuân         | Son    | THCS Nguyễn Hữu Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 73 | Toán | Nguyễn An         | Thịnh  | THCS Tân Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 74 | Toán | Trần Huỳnh Minh   | Trưởng | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè  | Nhì |
| 75 | Toán | Lê Trọng Anh      | Tú     | THCS Đồng Khởi             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Nhì |
| 76 | Toán | Nguyễn Thị Thảo   | Vy     | THCS Quang Trung           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 77 | Toán | Lý Nguyễn Như     | Chi    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                           | Nhì |
| 78 | Toán | Bùi Duy           | Khang  | THCS Nguyễn Gia Thiều      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 79 | Toán | Đặng Cửu Quốc     | Anh    | THCS Nguyễn An Ninh        | Phòng GD-ĐT Quận 12       | Nhì |
| 80 | Toán | Phan Minh         | Anh    | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Nhì |
| 81 | Toán | Nguyễn Duy        | Đông   | THCS Nguyễn Trãi           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhì |
| 82 | Toán | BÙI PHÚ           | KHOA   | THCS Nguyễn Văn Tổ         | Phòng GD-ĐT Quận 10       | Nhì |
| 83 | Toán | Hà Tuấn           | Lâm    | THCS Chánh Hưng            | Phòng GD-ĐT Quận 8        | Nhì |
| 84 | Toán | THÁI THÀNH        | NGUYỄN | THCS Thạnh Mỹ Lợi          | Phòng GD-ĐT Quận 2        | Nhì |
| 85 | Toán | Huỳnh Thanh       | Phúc   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhì |
| 86 | Toán | Trần Nguyễn Minh  | Phước  | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 11       | Nhì |
| 87 | Toán | Trương Hoàng Bình | Son    | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Nhì |
| 88 | Toán | Bùi Lâm           | Tiên   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Nhì |
| 89 | Toán | Trương Nguyễn     | Trân   | TRƯỜNG THCS Lữ Gia         | Phòng GD-ĐT Quận 11       | Nhì |
| 90 | Toán | Nguyễn Thành      | Trung  | THCS Tân Sơn               | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhì |

|     |      |                   |        |                             |                              |     |
|-----|------|-------------------|--------|-----------------------------|------------------------------|-----|
| 91  | Toán | Nguyễn Sơn        | Tùng   | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 92  | Toán | Nguyễn Minh       | Khang  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                              | Nhì |
| 93  | Toán | Nguyễn Thuỳ       | Dương  | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 94  | Toán | Trần Hồng         | Nguyễn | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Nhì |
| 95  | Toán | Nguyễn Thiện      | Nhân   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 96  | Toán | NGUYỄN NHƯ        | QUỲNH  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 97  | Toán | Vũ Cao            | Son    | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 98  | Toán | Luân Tường        | Vy     | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 99  | Toán | Lê Hữu            | Quân   | THCS Tân Kiên               | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 100 | Toán | Ngô Tấn           | Sang   | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 101 | Toán | Võ Đoàn Hoàng     | Anh    | THCS Lam Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 102 | Toán | Châu Thiên        | Ấn     | THCS Colette                | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 103 | Toán | Khắc Thị Ngọc     | Bình   | THCS Nguyễn Trãi            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 104 | Toán | Nguyễn Hoàng Đức  | Huy    | THCS Lý Thường Kiệt         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 105 | Toán | Nguyễn Nhật       | Hung   | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 106 | Toán | Trần Nguyễn Hà    | Khanh  | THCS Trần Quang Khải        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 107 | Toán | Đào Đức           | Mạnh   | THCS Nguyễn An Ninh         | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 108 | Toán | Nguyễn Quốc       | Nam    | THCS Trần Quang Khải        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 109 | Toán | NGUYỄN NỮ HẠNH    | NGUYỄN | THCS Nguyễn Văn Tố          | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 110 | Toán | Nguyễn Ngọc Thiên | Nhi    | THCS Hoàng Văn Thụ          | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 111 | Toán | Phạm Thị Ánh      | Phát   | THCS Tùng Thiện Vương       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 112 | Toán | Đào Thị Phương    | Thảo   | THCS Hoa Lư                 | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 113 | Toán | Phạm Trường       | An     | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba  |
| 114 | Toán | Trịnh Thế         | Anh    | THCS Lê Văn Hưu             | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba  |
| 115 | Toán | TRẦN BỬU          | CHÍ    | THCS Nguyễn Văn Tố          | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba  |
| 116 | Toán | Nguyễn Hiếu Gia   | Cường  | THCS Lý Thánh Tông          | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 117 | Toán | Huỳnh Ngọc        | Duy    | THCS Lam Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |
| 118 | Toán | Nguyễn Bích       | Giang  | THCS Thái Văn Lung          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba  |
| 119 | Toán | Nguyễn Quang      | Hiển   | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba  |
| 120 | Toán | Nguyễn Lê Gia     | Hình   | THCS Hoa Lư                 | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 121 | Toán | Dương Hoàng       | Huy    | THCS Đặng Trần Côn          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |

|     |      |                   |        |                        |                              |    |
|-----|------|-------------------|--------|------------------------|------------------------------|----|
| 122 | Toán | Huỳnh Quang       | Huy    | THCS Nguyễn Văn Luông  | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 123 | Toán | Lê Nhứt           | Huy    | THCS Nguyễn Văn Luông  | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 124 | Toán | Phan Nguyễn Thanh | Huy    | THCS Tô Ký             | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 125 | Toán | Võ Minh           | Huy    | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 126 | Toán | Huỳnh Minh        | Khải   | THCS Hoàng Hoa Thám    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 127 | Toán | Nguyễn Trọng      | Khang  | THCS Nguyễn Bình Khiêm | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 128 | Toán | Trần Đăng         | Khoa   | THCS Minh Đức          | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 129 | Toán | Đặng Thị Kim      | Ngân   | THCS Nguyễn Văn Quý    | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 130 | Toán | Phạm Ngọc Kim     | Ngân   | THCS Trường Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 131 | Toán | Lê Trung          | Nghĩa  | THCS Lương Thế Vinh    | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 132 | Toán | Nguyễn Bá Khôi    | Nguyên | THCS Nguyễn Văn Trỗi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 133 | Toán | Nguyễn Trần Tấn   | Phát   | THCS Lý Chinh Thắng 1  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 134 | Toán | LÊ MINH           | QUÂN   | THCS Nguyễn Văn Tổ     | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 135 | Toán | Nguyễn Phan Duy   | Tân    | THCS Huỳnh Văn Nghệ    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 136 | Toán | Nguyễn Đàm Thanh  | Thanh  | THCS Hồng Bàng         | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 137 | Toán | Lê Đức            | Thuận  | THCS Thị Trấn 2        | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 138 | Toán | NGUYỄN HỮU        | TIẾN   | THCS Tân Túc           | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 139 | Toán | Trần Nhật         | Triều  | THCS Thông Tây Hội     | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 140 | Toán | Nguyễn Hữu        | Thịnh  | THCS Nam Sài Gòn       | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 141 | Toán | Lý Bội            | Dung   | THCS Nguyễn Bình Khiêm | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 142 | Toán | Phạm Lý Hải       | Đăng   | THCS Đức Trí           | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 143 | Toán | Nguyễn Hoàng      | Hiếu   | THCS Nguyễn Huệ        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 144 | Toán | LỤC GIA           | HUY    | THCS Hậu Giang         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 145 | Toán | Đỗ Mai            | Linh   | THCS Phước Bình        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 146 | Toán | Hồ Đắc            | Minh   | THCS Thị Trấn 2        | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 147 | Toán | Trần Đức          | Nam    | THCS Nguyễn Văn Bá     | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 148 | Toán | Nguyễn Hà Phương  | Ngân   | THCS Nguyễn Hữu Thọ    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 149 | Toán | Đoàn Xuân Duy     | Phúc   | THCS Độc Lập           | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 150 | Toán | Lê Phan Minh      | Quân   | THCS Thái Văn Lung     | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 151 | Toán | Nguyễn Đắc        | Thịnh  | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 152 | Toán | Lương Ngọc        | Trâm   | THCS Ngô Quyền         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |

|     |      |                    |       |                                 |                              |    |
|-----|------|--------------------|-------|---------------------------------|------------------------------|----|
| 153 | Toán | Trần Nguyễn Quỳnh  | Trâm  | THCS Thái Văn Lung              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 154 | Toán | NGUYỄN MINH        | TRÍ   | THCS Tân Tạo                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 155 | Toán | Hoàng Thục         | Trinh | THCS Nguyễn Văn Quỳ             | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 156 | Toán | Nhâm Ngọc          | Anh   | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 157 | Toán | Huỳnh Ngọc         | Bích  | THCS Tùng Thiện Vương           | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 158 | Toán | Đào Minh           | Duy   | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 159 | Toán | Nguyễn Vĩnh        | Huy   | THCS Đào Duy Anh                | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 160 | Toán | Lê Quang           | Minh  | THCS Nguyễn An Khương           | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 161 | Toán | Lê Nguyễn Bảo      | Ngọc  | THCS Trần Phú                   | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 162 | Toán | Lâm Nhựt           | Phi   | THCS Chu Văn An                 | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 163 | Toán | Đặng Việt Minh     | Quân  | THCS Độc Lập                    | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 164 | Toán | Lê Nguyễn Như      | Quỳnh | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 165 | Toán | Nguyễn Ngọc Hoài   | Tâm   | THCS Lương Thế Vinh             | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 166 | Toán | Dương Phúc         | Thịnh | THCS Hoa Lư                     | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 167 | Toán | Phan Chí           | Thọ   | THCS Hồng Bàng                  | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 168 | Toán | Huỳnh Minh         | Thông | THCS Nam Sài Gòn                | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 169 | Toán | Trần Minh          | Trí   | THCS Kiến Thiết                 | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 170 | Toán | Trần Minh Thuận    | Trung | THCS Lam Sơn                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 171 | Toán | Trần Quốc Minh     | Quân  | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 172 | Toán | Võ Đỗ Hoàng        | Tín   | THCS Lê Anh Xuân                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 173 | Toán | Trương Bảo         | An    | THCS Hồng Bàng                  | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 174 | Toán | LÊ HOÀNG MINH      | HIỀN  | THCS Tân Túc                    | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 175 | Toán | Lê Đặng Minh       | Hòa   | THCS Nguyễn Huệ                 | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 176 | Toán | Tiêu Khánh         | Nam   | THCS Linh Đông                  | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 177 | Toán | Phạm Lê Bích       | Ngọc  | THCS Lương Định Của             | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 178 | Toán | Lê Bảo             | Phúc  | THCS Chánh Hưng                 | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 179 | Toán | Nhâm Ngọc Minh     | Quân  | THCS Lê Văn Việt                | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 180 | Toán | Nguyễn Vũ Đan      | Quỳnh | THCS Nguyễn Văn Bé              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 181 | Toán | Tô Đại             | Thịnh | THCS Tùng Thiện Vương           | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 182 | Toán | Nguyễn Ngọc Phương | Uyên  | THCS Nguyễn Trãi                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |

|     |      |                   |       |                       |                              |    |
|-----|------|-------------------|-------|-----------------------|------------------------------|----|
| 183 | Toán | LƯƠNG HOÀNG       | VIỆT  | THCS Nguyễn Văn Tố    | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 184 | Toán | Phạm Quốc         | Bảo   | THCS Trường Thọ       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 185 | Toán | Trần Gia          | Bảo   | THCS Chu Văn An       | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 186 | Toán | Nguyễn Huỳnh Bích | Châu  | THCS Nguyễn An Ninh   | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 187 | Toán | Phan Minh         | Châu  | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 188 | Toán | Cao Thanh         | Duy   | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 189 | Toán | Nguyễn Quốc       | Duy   | THCS Nguyễn Trãi      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 190 | Toán | Phạm Giang Thái   | Dương | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 191 | Toán | NGUYỄN HẢI        | ĐĂNG  | THCS Bình Tân         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 192 | Toán | Trần Ngọc An      | Đông  | THCS Ngô Chí Quốc     | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 193 | Toán | Nguyễn Ngọc Bảo   | Hân   | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 194 | Toán | Bùi Nguyễn Huy    | Hoàng | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 195 | Toán | Nguyễn Quốc       | Huy   | THCS Bình Trị Đông A  | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 196 | Toán | Trần Đỗ Đăng      | Khoa  | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 197 | Toán | Nguyễn Đình Anh   | Khôi  | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 198 | Toán | Lê Hoàng Nhật     | Linh  | THCS Nguyễn Huệ       | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 199 | Toán | Trần Huỳnh Phương | Linh  | THCS Nguyễn Hữu Thọ   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 200 | Toán | Nguyễn Tấn        | Lộc   | THCS Bình An          | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 201 | Toán | Bùi Hoàng         | Mai   | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 202 | Toán | Phạm Thị Xuân     | Mai   | THCS Lương Định Của   | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 203 | Toán | Đình Quang        | Minh  | THCS Chu Văn An       | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 204 | Toán | Đỗ Quỳnh          | Như   | THCS Bình Đông        | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 205 | Toán | Nguyễn Thuận      | Phát  | THCS Văn Đồn          | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |
| 206 | Toán | NGUYỄN LÊ THANH   | PHÚC  | THCS Tân Túc          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 207 | Toán | LÊ NGỌC           | PHỤNG | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 208 | Toán | LÂM THỊ THOẠI     | SƠN   | THCS Hậu Giang        | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 209 | Toán | Nguyễn Đức        | Tâm   | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 210 | Toán | HOÀNG THANH       | TẤN   | THCS Bình An          | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 211 | Toán | Lê Tiến           | Thuận | THCS Phú Mỹ           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 212 | Toán | PHÙNG LOAN        | THU   | THCS Tân Túc          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 213 | Toán | HỒ HUYỀN          | TRÂN  | THCS Tân Túc          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |

|     |        |                   |        |                            |                           |      |
|-----|--------|-------------------|--------|----------------------------|---------------------------|------|
| 214 | Toán   | Nguyễn Tuấn       | Triết  | THCS Nguyễn Hữu Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Ba   |
| 215 | Toán   | Diệp Kiều         | Trúc   | THCS Chánh Hưng            | Phòng GD-ĐT Quận 8        | Ba   |
| 216 | Toán   | HUỲNH PHƯỚC       | TRUNG  | THCS Phú Định              | Phòng GD-ĐT Quận 6        | Ba   |
| 217 | Toán   | Ngô Thành         | Trung  | THCS Nguyễn Hiền           | Phòng GD-ĐT Quận 12       | Ba   |
| 218 | Toán   | Nguyễn Đăng Mạnh  | Tú     | THCS Phạm Hữu Lầu          | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Ba   |
| 219 | Toán   | Bùi Ngọc Tâm      | Uyên   | THCS Thị Trấn 2            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi  | Ba   |
| 220 | Toán   | Huỳnh Hoàng       | Vũ     | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 11       | Ba   |
| 221 | Toán   | Trần Anh          | Vũ     | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Ba   |
| 222 | Vật lý | Phan Lê Minh      | An     | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhất |
| 223 | Vật lý | Nguyễn Tài        | Tuệ    | THCS Minh Đức              | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Nhất |
| 224 | Vật lý | Ôn Tuấn           | Phong  | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhất |
| 225 | Vật lý | Hà Minh           | Triết  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                    | Nhất |
| 226 | Vật lý | Vũ Lai Tùng       | Lâm    | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Nhất |
| 227 | Vật lý | Lưu Xuân          | Tùng   | THCS Minh Đức              | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Nhất |
| 228 | Vật lý | Trần              | Đông   | THCS Huỳnh Văn Nghệ        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhất |
| 229 | Vật lý | Võ Văn Thành      | Nhân   | THCS Trương Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhất |
| 230 | Vật lý | Lê Ngô Mỹ         | Duyên  | THCS Minh Đức              | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Nhất |
| 231 | Vật lý | Đỗ Cẩm Hoàng      | Hoa    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                    | Nhất |
| 232 | Vật lý | Phan Dương Bảo    | Lộc    | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhất |
| 233 | Vật lý | Nguyễn Vũ Nhật    | Minh   | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhất |
| 234 | Vật lý | Nguyễn Chí        | Hưng   | THCS Võ Thành Trang        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Nhất |
| 235 | Vật lý | Hồ Bùi Uy         | Kha    | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhất |
| 236 | Vật lý | Nguyễn Ngọc Thiên | Phúc   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                    | Nhất |
| 237 | Vật lý | Hoàng Lê Anh      | Tuấn   | THCS Nguyễn An Ninh        | Phòng GD-ĐT Quận 12       | Nhất |
| 238 | Vật lý | Lê Hồng Thanh     | Trúc   | THCS Hoàng Hoa Thám        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhất |
| 239 | Vật lý | Phạm Bá Tuấn      | Huy    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                    | Nhất |
| 240 | Vật lý | Phùng Tấn         | Phát   | THCS Sương Nguyệt Anh      | Phòng GD-ĐT Quận 8        | Nhất |
| 241 | Vật lý | Trần Ngọc Đông    | Phương | THCS Văn Đồn               | Phòng GD-ĐT Quận 4        | Nhất |
| 242 | Vật lý | Đoàn Trung        | Tín    | THCS Chánh Hưng            | Phòng GD-ĐT Quận 8        | Nhất |
| 243 | Vật lý | Nguyễn Lê Minh    | Triết  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                    | Nhất |
| 244 | Vật lý | Tô Tiến           | Đạt    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                    | Nhất |

|     |        |                    |         |                             |                             |      |
|-----|--------|--------------------|---------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 245 | Vật lý | Trần Quốc          | Thái    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 246 | Vật lý | Nguyễn Phan Phương | Nam     | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhất |
| 247 | Vật lý | Nguyễn Hùng        | Cường   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 248 | Vật lý | Đào Ngọc Liên      | Hương   | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 249 | Vật lý | Mai Quý            | Trung   | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 250 | Vật lý | Nguyễn Ngọc        | Lan     | THCS Đồng Đa                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 251 | Vật lý | Lương Bảo Thanh    | Khoa    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 252 | Vật lý | Trần Thiện         | Nhân    | THCS Phước Thạnh            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Nhì  |
| 253 | Vật lý | Trà Khánh          | Nam     | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 254 | Vật lý | Dương Quang        | Thành   | THCS Bình Tây               | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhì  |
| 255 | Vật lý | Nguyễn Huy         | Toàn    | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 256 | Vật lý | VŨ THỊ VI          | DIỆU    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 257 | Vật lý | Trương             | Mỹ Hạnh | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 258 | Vật lý | Nguyễn Ngọc Thanh  | Ngân    | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhì  |
| 259 | Vật lý | Trương Anh         | Tuấn    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 260 | Vật lý | Nguyễn Lê Khánh    | Uyên    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 261 | Vật lý | Trần Xuân          | Nghĩa   | THCS Nguyễn Hồng Đào        | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhì  |
| 262 | Vật lý | Bùi Mạnh           | Khang   | THCS Đồng Đa                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 263 | Vật lý | Nguyễn Huỳnh Tuấn  | Hưng    | THCS Nguyễn Văn Luông       | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhì  |
| 264 | Vật lý | Nguy Tuấn          | Khải    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 265 | Vật lý | Quan Ngọc Phương   | Ngân    | THCS Trần Bội Cơ            | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 266 | Vật lý | Nguyễn Hồng        | Sơn     | THCS Tân Phú                | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì  |
| 267 | Vật lý | LÊ HOÀNG KIM       | THANH   | THCS Nguyễn Văn Tổ          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì  |
| 268 | Vật lý | Nguyễn Lê          | Vy      | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 269 | Vật lý | Mộng Thế           | Sơn     | THCS Đồng Đa                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 270 | Vật lý | Lâm Gia            | Trúc    | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 271 | Vật lý | HUỲNH ĐẠI          | VINH    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 272 | Vật lý | Phan Thế           | Đặng    | THCS Võ Trường Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 273 | Vật lý | Lại Thiện          | Nhân    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 274 | Vật lý | Nguyễn Hữu         | Thắng   | THCS Nam Sài Gòn            | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì  |
| 275 | Vật lý | Nguyễn Đức         | Trung   | THCS Nam Sài Gòn            | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì  |

|     |        |                   |        |                                 |                             |     |
|-----|--------|-------------------|--------|---------------------------------|-----------------------------|-----|
| 276 | Vật lý | Nguyễn Minh       | Khiêm  | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhì |
| 277 | Vật lý | Nguyễn Hồ Đăng    | Khoa   | THCS Ba Đình                    | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 278 | Vật lý | Nguyễn Khánh      | Linh   | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 279 | Vật lý | CAO HOÀNG         | YÊN    | THCS Khánh Bình                 | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì |
| 280 | Vật lý | Lê Trí            | Dũng   | THCS Hoa Lư                     | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 281 | Vật lý | Nguyễn Đắc Mạnh   | Cang   | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 282 | Vật lý | Lăng Kim          | Hoàng  | THCS Nguyễn Gia Thiều           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 283 | Vật lý | Nguyễn Đăng       | Huy    | THCS Thăng Long                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 284 | Vật lý | Nguyễn Tuyết      | Nga    | THCS Trần Quốc Tuấn             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 285 | Vật lý | Nguyễn Ngọc Thủy  | Nguyên | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 286 | Vật lý | Đỗ Vũ Minh        | Quân   | THCS Gò Vấp                     | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 287 | Vật lý | Đào Nam Hồng      | Phúc   | THCS Lý Phong                   | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 288 | Vật lý | Trịnh Vĩ          | Triết  | THCS Đồng Khởi                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 289 | Vật lý | Nguyễn Tùng Song  | Phương | THCS Nguyễn An Ninh             | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Nhì |
| 290 | Vật lý | Hồ Vũ Phương      | Anh    | THCS Hồng Bàng                  | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 291 | Vật lý | Trần Thanh        | Hải    | THCS Nguyễn Bình Khiêm          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Nhì |
| 292 | Vật lý | Nguyễn Minh       | Huy    | THCS Cầu Kiệu                   | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhì |
| 293 | Vật lý | Lê Tấn            | Khoa   | THCS Bạch Đằng                  | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 294 | Vật lý | Nguyễn Đình       | Khôi   | THCS-THPT Đinh Thiện Lý         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 295 | Vật lý | Trần Thị          | Mai    | THCS Nguyễn Bình Khiêm          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Nhì |
| 296 | Vật lý | Trần Nguyễn Quỳnh | Như    | THCS Trường Chinh               | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 297 | Vật lý | ĐÀO MINH          | DUY    | TH, THCS, THPT Việt Úc          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 298 | Vật lý | Bùi Quốc          | Hưng   | THCS Trần Quốc Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 299 | Vật lý | Phạm Huy          | Khang  | THCS Võ Thành Trang             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì |
| 300 | Vật lý | Lê Đức Chí        | Nhân   | THCS Phan Tây Hồ                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 301 | Vật lý | Bùi Thiên         | Phúc   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa      | Quận 1                      | Nhì |
| 302 | Vật lý | Nguyễn Phương     | Duy    | THCS, THPT Ngôi Sao             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Ba  |
| 303 | Vật lý | Nguyễn Võ Song    | Kỳ     | THCS Đồng Đa                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba  |
| 304 | Vật lý | Lê Phúc           | Khởi   | THCS Lê Anh Xuân                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba  |
| 305 | Vật lý | Vũ Cẩm            | Linh   | THCS Trần Bội Cơ                | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba  |

|     |        |                    |        |                            |                             |    |
|-----|--------|--------------------|--------|----------------------------|-----------------------------|----|
| 306 | Vật lý | Nguyễn Hoàng Thanh | Ngân   | THCS Lê lợi                | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 307 | Vật lý | Nguyễn Phạm Minh   | Ngọc   | THCS Nguyễn Văn Nghi       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 308 | Vật lý | Tô Hoàng           | Ngọc   | THCS Võ Thành Trang        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 309 | Vật lý | Vương Hải          | Sơn    | THCS Chu Văn An            | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 310 | Vật lý | Lương Minh         | Triết  | THCS Tùng Thiện Vương      | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 311 | Vật lý | Nguyễn Trí         | Dũng   | THCS Hà Huy Tập            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 312 | Vật lý | Trần Chí           | Công   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                      | Ba |
| 313 | Vật lý | CAO HOÀNG ĐỨC      | HUY    | THCS Nguyễn Đức Cảnh       | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 314 | Vật lý | Nguyễn Tuấn        | Hưng   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                      | Ba |
| 315 | Vật lý | Huỳnh Quốc         | Nam    | THCS Nguyễn Gia Thiều      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 316 | Vật lý | Phan Đình Anh      | Quân   | THCS Tô Ký                 | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 317 | Vật lý | Thoòng Quốc        | An     | THCS Lê Lợi                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 318 | Vật lý | Phạm               | Khánh  | THCS Thoại Ngọc Hầu        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 319 | Vật lý | Nguyễn Trần Bảo    | Ngọc   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                      | Ba |
| 320 | Vật lý | Kha                | Sang   | THCS Trần Bội Cơ           | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 321 | Vật lý | Lê Ngọc Thanh      | Trang  | THCS Tân Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 322 | Vật lý | Huỳnh Trúc         | Anh    | THCS Lý Phong              | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 323 | Vật lý | NGUYỄN QUỐC        | DUY    | TH, THCS, THPT Việt Úc     | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 324 | Vật lý | Trần Văn Tiến      | Đạt    | THCS Phan Bội Châu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 325 | Vật lý | Lâm Khánh          | Hưng   | THCS Quang Trung           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 326 | Vật lý | Nguyễn Thành       | Long   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 327 | Vật lý | Trương Mạnh        | Nghĩa  | THCS Tăng Nhơn Phú B       | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 328 | Vật lý | Đàm Minh           | Quân   | THCS Trương Vĩnh Ký        | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 329 | Vật lý | Hoàng Đức          | Tự     | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 330 | Vật lý | Huỳnh Tấn          | Khải   | THCS Phan Sào Nam          | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 331 | Vật lý | Phan Ngân          | Sang   | THCS Hoàng Hoa Thám        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 332 | Vật lý | Nguyễn Lê Minh     | Trí    | THCS Sương Nguyệt Anh      | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 333 | Vật lý | Nguyễn Quốc        | Trung  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                      | Ba |
| 334 | Vật lý | Vũ Thành           | Đạt    | THCS Tân Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 335 | Vật lý | Huỳnh Ngọc         | Hà     | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 336 | Vật lý | NGUYỄN THANH       | PHƯƠNG | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |

|     |        |                       |        |                       |                             |    |
|-----|--------|-----------------------|--------|-----------------------|-----------------------------|----|
| 337 | Vật lý | Nguyễn Trịnh Vĩnh     | Tín    | THCS Bình An          | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 338 | Vật lý | Trần Tuấn             | Huy    | THCS Lam Sơn          | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 339 | Vật lý | Lê Hoàng              | Long   | THCS Võ Trường Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 340 | Vật lý | Nguyễn Phúc           | Lộc    | THCS Bàn Cờ           | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 341 | Vật lý | Trần Nguyễn Tấn       | Lộc    | THCS Nguyễn Văn Quý   | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 342 | Vật lý | Nguyễn Ngọc           | Nhân   | THCS Bình Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 343 | Vật lý | Lâm Duy               | Thiên  | THCS Bình Chiểu       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 344 | Vật lý | Nguyễn Đông           | Huy    | THCS Tân Phú Trung    | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Ba |
| 345 | Vật lý | Nguyễn Thị Thuý       | Linh   | THCS Võ Thành Trang   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 346 | Vật lý | Lê Hữu                | Khương | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 347 | Vật lý | Lê Hồ Bảo             | Nhật   | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 348 | Vật lý | Phùng Thị Hồng        | Nhung  | THCS Huỳnh Văn Nghệ   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 349 | Vật lý | Võ Lý Minh            | Tâm    | THCS Trần Quốc Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 350 | Vật lý | Nguyễn Thế            | Trung  | THCS Thái Văn Lung    | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 351 | Vật lý | Nguyễn Mai            | Trinh  | THCS Tân Tiến         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Ba |
| 352 | Vật lý | Dương Nguyễn Thị Ngọc | Tuyết  | THCS Võ Trường Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 353 | Vật lý | TRINH HOÀNG           | TÂM    | THCS Hậu Giang        | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 354 | Vật lý | Bùi Hoàng             | Anh    | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 355 | Vật lý | Nguyễn Hữu Nam        | Anh    | THCS Huỳnh Văn Nghệ   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 356 | Vật lý | Huỳnh Lê              | Châu   | THCS Nguyễn An Ninh   | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 357 | Vật lý | Nguyễn Đoàn Anh       | Khoa   | THCS Lê Lợi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 358 | Vật lý | Võ Tuyết              | Mai    | THCS Trần Quốc Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 359 | Vật lý | Đào Nguyễn Bảo        | Trâm   | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 360 | Vật lý | Văn Ngọc Huỳnh        | Thy    | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 361 | Vật lý | Phạm Sơn              | Trà    | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 362 | Vật lý | Trịnh Nam             | Long   | THCS Nguyễn Văn Bá    | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 363 | Vật lý | Nguyễn Hồng           | Quân   | THCS Đống Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 364 | Vật lý | Nguyễn Huy            | Thuận  | THCS Lý Thường Kiệt   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 365 | Vật lý | Lý Quốc Lê            | Trường | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 366 | Vật lý | Trần Nguyên           | Anh    | THCS Đống Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 367 | Vật lý | Võ Gia                | Khuyên | THCS Hoa Lư           | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |

|     |        |                     |        |                            |                             |    |
|-----|--------|---------------------|--------|----------------------------|-----------------------------|----|
| 368 | Vật lý | Đỗ Hồ Xuân          | Long   | THCS Tăng Bạt Hổ A         | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 369 | Vật lý | Phạm Đức            | Thịnh  | THCS Nguyễn Văn Bé         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 370 | Vật lý | Kiều Vân            | Thương | THCS Tân An Hội            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Ba |
| 371 | Vật lý | Lê Phạm Tuấn        | Anh    | THCS Đức Trí               | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 372 | Vật lý | Nguyễn Ngọc         | Hòa    | THCS Hồng Bàng             | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 373 | Vật lý | Trần Nhật           | Minh   | THCS Nguyễn Văn Luông      | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 374 | Vật lý | Phạm Nhật           | Minh   | THCS Nguyễn Hữu Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 375 | Vật lý | Văn Hưng            | Thịnh  | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 376 | Vật lý | Nguyễn Văn Tiên     | Phong  | THCS Trương Công Định      | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 377 | Vật lý | Nguyễn Thị Như      | Quỳnh  | THCS Quang Trung           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 378 | Vật lý | LÊ QUANG            | THỌ    | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 379 | Vật lý | Trần Ngọc Nhã       | Trân   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                      | Ba |
| 380 | Vật lý | Lý Quang            | Hung   | THCS Tô Ký                 | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 381 | Vật lý | Nguyễn Thị Lan      | Hương  | THCS Trần Quốc Toản        | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Ba |
| 382 | Vật lý | Lê Quang            | Khải   | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 383 | Vật lý | NGUYỄN KIM          | KHOA   | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 384 | Vật lý | Hồ Phạm Hoàng       | Long   | THCS Nguyễn Gia Thiều      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 385 | Vật lý | Hoàng Ngọc          | Lương  | THCS Nguyễn Gia Thiều      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 386 | Vật lý | Đoàn Nguyễn Minh    | Nhật   | THCS Chánh Hưng            | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 387 | Vật lý | Võ Nguyễn Huy       | Toàn   | THCS Tùng Thiện Vương      | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 388 | Vật lý | VÕ THUY PHƯƠNG      | TRÚC   | THCS Nguyễn Đức Cảnh       | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 389 | Vật lý | Lê Hoàng            | Dung   | THCS Lam Sơn               | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 390 | Vật lý | Liu Thuận           | Khả    | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 391 | Vật lý | Bùi Cảnh            | Kỳ     | THCS Trần Hưng Đạo         | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 392 | Vật lý | Phạm Nguyễn Thu     | Ngân   | THCS Trần Quốc Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 393 | Vật lý | Trần Văn            | Minh   | THCS Thông Tây Hội         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 394 | Vật lý | Nguyễn Phạm Huỳnh   | Như    | THCS Đặng Trần Côn         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 395 | Vật lý | Võ Trần Thiên       | Phúc   | THCS Phạm Văn Chiêu        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 396 | Vật lý | Nguyễn Hoàng Phương | Quyên  | THCS Cầu Kiệu              | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 397 | Vật lý | Nguyễn Thị          | Thu    | THCS Trần Quang Khải       | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 398 | Vật lý | Võ Thành            | Thắng  | THCS Phạm Văn Chiêu        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |

|     |         |                      |        |                             |                             |      |
|-----|---------|----------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 399 | Vật lý  | Nguyễn Thanh         | Thức   | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba   |
| 400 | Vật lý  | Nguyễn Thị Thảo      | Vân    | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba   |
| 401 | Vật lý  | Đinh Ngọc            | Tuấn   | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba   |
| 402 | Hóa học | Nguyễn Hoàng Tường   | Thy    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 403 | Hóa học | Nguyễn Lương Nguyên  | Hùng   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 404 | Hóa học | Bùi Đăng Cát         | Khánh  | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 405 | Hóa học | Ngô Mỹ               | Trân   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 406 | Hóa học | Hồ Gia               | Phong  | THCS Bình Trị Đông          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Nhất |
| 407 | Hóa học | Nguyễn Minh          | Phương | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 408 | Hóa học | Phạm Nhật            | Tiến   | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 409 | Hóa học | Bùi Vương Chấn       | Đông   | THCS Nguyễn Văn Luông       | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhất |
| 410 | Hóa học | Lê Nguyễn Quang Đăng | Khoa   | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhất |
| 411 | Hóa học | Nguyễn Thùy          | Nhung  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 412 | Hóa học | Nguyễn Hoàng Đông    | Nghi   | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 413 | Hóa học | Tô Thanh             | Toàn   | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 414 | Hóa học | Lê Chí               | Thành  | THCS Nguyễn Văn Bá          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 415 | Hóa học | Nguyễn Thành         | Trung  | THCS Đặng Trần Côn          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 416 | Hóa học | Lâm Hoàng            | Mạnh   | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 417 | Hóa học | LÊ HUỲNH ĐÔNG        | QUÂN   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 418 | Hóa học | Trần Quốc            | Thành  | THCS Phạm Văn Chiêu         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 419 | Hóa học | Nguyễn Lộc           | Thành  | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhất |
| 420 | Hóa học | Nguyễn Khánh         | Toàn   | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 421 | Hóa học | Bùi Thị Minh         | Châu   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 422 | Hóa học | Trần Trí             | Đạt    | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhất |
| 423 | Hóa học | Nguyễn Phi           | Hùng   | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhất |
| 424 | Hóa học | Trần Huy Nam         | Hưng   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 425 | Hóa học | Nguyễn Thế           | Thiện  | THCS Hoàng Văn Thụ          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhất |
| 426 | Hóa học | Nguyễn Minh          | Triều  | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 427 | Hóa học | Lê Hoàng             | Minh   | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 428 | Hóa học | Đỗ Hoàng             | Phúc   | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 429 | Hóa học | Phan Nguyễn Minh     | Thành  | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |

|     |         |                  |        |                             |                             |      |
|-----|---------|------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 430 | Hóa học | Nguyễn Lê        | Quang  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 431 | Hóa học | Đoàn Việt        | Đức    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 432 | Hóa học | Lê Hoàng Bảo     | Khánh  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 433 | Hóa học | Lê Thành         | Nam    | THCS Đặng Trần Côn          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 434 | Hóa học | Lâm Phước Song   | Nguyên | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhất |
| 435 | Hóa học | Kiều Gia         | Minh   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 436 | Hóa học | ÔNG MINH         | THỊNH  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 437 | Hóa học | Lê Ninh Đào      | An     | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 438 | Hóa học | Đỗ Đức           | Hùng   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhất |
| 439 | Hóa học | CAO KHẢ BẢO      | KHANG  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 440 | Hóa học | Trương Sanh Vĩ   | Khang  | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhất |
| 441 | Hóa học | Trần Khiết       | Mỹ     | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 442 | Hóa học | Võ Đăng          | Khoa   | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 443 | Hóa học | Trần Nguyễn Đăng | Khoa   | THCS Thị Trấn 2             | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Nhì  |
| 444 | Hóa học | Nguyễn Nhật      | Nam    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 445 | Hóa học | Phạm Nguyễn Xuân | Trường | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì  |
| 446 | Hóa học | Đặng Văn         | Trang  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì  |
| 447 | Hóa học | Phạm Hùng        | Dũng   | THCS Lê Lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 448 | Hóa học | Trịnh Ngọc Cẩm   | Ly     | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Nhì  |
| 449 | Hóa học | Nguyễn Trí       | Thanh  | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 450 | Hóa học | Nguyễn Huỳnh Thy | Trúc   | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Nhì  |
| 451 | Hóa học | PHẠM THIÊN       | ANH    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 452 | Hóa học | Nguyễn Đăng Minh | Hoàng  | THCS Nguyễn Hiền            | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Nhì  |
| 453 | Hóa học | Đồng Thanh       | Hùng   | THCS Quang Trung            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 454 | Hóa học | Châu Thái Bảo    | Huy    | THCS Quang Trung            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 455 | Hóa học | Võ Gia           | Hân    | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhì  |
| 456 | Hóa học | Võ Hoàng         | Nam    | THCS Phan Đăng Lưu          | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì  |
| 457 | Hóa học | Hoàng Sỹ         | Nhất   | THCS Lê Lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 458 | Hóa học | Trần Đăng        | Quang  | THCS Nguyễn Trãi            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 459 | Hóa học | Vũ Nam           | Thái   | THCS Ngô Quyền              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 460 | Hóa học | Vũ Nguyễn Bảo    | Trân   | THCS Lê Lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |

|     |         |                    |        |                             |                             |     |
|-----|---------|--------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|-----|
| 461 | Hóa học | NGUYỄN NGỌC KHÁNH  | VY     | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 462 | Hóa học | Nguyễn Anh         | Khoa   | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhì |
| 463 | Hóa học | Lê Thượng          | Nguyên | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Nhì |
| 464 | Hóa học | Bùi Diễm           | Quỳnh  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì |
| 465 | Hóa học | Hạ Lê Quốc         | Thái   | THCS Phạm Văn Chiêu         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 466 | Hóa học | Chu Quang          | Thắng  | THCS Thoại Ngọc Hầu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì |
| 467 | Hóa học | Phan Quang         | Thịnh  | THCS Võ Văn Tần             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 468 | Hóa học | Nguyễn Dương Kỳ    | Anh    | THCS Hà Huy Tập             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 469 | Hóa học | Trần Văn           | Anh    | THCS Ngô Sĩ Liên            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 470 | Hóa học | Nguyễn Nhật        | Huy    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì |
| 471 | Hóa học | Nguyễn Ngọc        | Hà     | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 472 | Hóa học | Hồ Nguyễn Thị Minh | Hà     | THCS-THPT Đinh Thiện Lý     | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 473 | Hóa học | Nguyễn Trung       | Hiếu   | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 474 | Hóa học | Lê Hồng Thanh      | Mai    | THCS Đồng Đa                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 475 | Hóa học | Đỗ Nguyễn Nguyên   | Khôi   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì |
| 476 | Hóa học | Trần Lê            | Minh   | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Nhì |
| 477 | Hóa học | Nguyễn Khánh       | Nhì    | THCS-THPT Đinh Thiện Lý     | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 478 | Hóa học | ĐỖ HOÀNG CÚC       | PHƯƠNG | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 479 | Hóa học | Nguyễn Song Như    | Ngọc   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                      | Nhì |
| 480 | Hóa học | Tạ Trương Minh     | Trí    | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 481 | Hóa học | PHẠM NGUYỆT        | VY     | THCS Nguyễn Văn Tố          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 482 | Hóa học | Trang Hiền         | Khang  | THCS Tùng Thiện Vương       | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì |
| 483 | Hóa học | Lê Thị Thu         | Ngọc   | THCS Nguyễn Văn Luông       | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhì |
| 484 | Hóa học | Nguyễn Thanh       | Vân    | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhì |
| 485 | Hóa học | Bùi Minh           | Châu   | THCS Nguyễn Trãi            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 486 | Hóa học | Thái Thanh         | Hà     | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 487 | Hóa học | Lý Trường          | Giang  | THCS Kim Đồng               | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 488 | Hóa học | Châu Đức           | Lâm    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 489 | Hóa học | Lê Ngọc            | Ngân   | THCS Quang Trung            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 490 | Hóa học | NGUYỄN HỮU         | SINH   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 491 | Hóa học | Nguyễn Hữu Minh    | Trí    | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |

|     |         |                       |        |                            |                              |     |
|-----|---------|-----------------------|--------|----------------------------|------------------------------|-----|
| 492 | Hóa học | Lê Nhựt               | Trường | THCS Phước Vĩnh An         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 493 | Hóa học | Trần Kim Thảo         | Vân    | THCS Chu Văn An            | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 494 | Hóa học | Lai Minh              | Huyền  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                       | Nhì |
| 495 | Hóa học | Phan Thị Ngọc         | Hân    | THCS Minh Đức              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 496 | Hóa học | Nguyễn Hữu            | Khang  | THCS Nguyễn Trãi           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 497 | Hóa học | Vĩnh Nguyễn Phước Bảo | Minh   | THCS Lê Lợi                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 498 | Hóa học | Nguyễn Hoàng Minh     | Khôi   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                       | Nhì |
| 499 | Hóa học | Nguyễn Lê Hồng        | Ngọc   | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 500 | Hóa học | Phan Thị Kim          | Nương  | THCS Phước Bình            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 501 | Hóa học | Trần Huy              | Phú    | THCS Lê Văn Việt           | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 502 | Hóa học | Tô Gia                | Phát   | THCS Tân Quý Tây           | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 503 | Hóa học | Nguyễn Trương Gia     | Thy    | THCS Trần Quốc Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 504 | Hóa học | Trần Trọng Quốc       | Tuấn   | THCS Nguyễn An Ninh        | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 505 | Hóa học | Nguyễn Trọng Anh      | Tuấn   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 506 | Hóa học | Nguyễn Quang          | Trung  | THCS Nguyễn Trãi           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 507 | Hóa học | Võ Nguyễn Phương Long | Vĩnh   | THCS Tam Đông 1            | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 508 | Hóa học | Tăng Hà Mai           | Anh    | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 509 | Hóa học | Lê Phan Kim           | Ánh    | THCS Ngô Sĩ Liên           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 510 | Hóa học | Huỳnh Tấn             | Đạt    | THCS Đa Phước              | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 511 | Hóa học | Hà Minh               | Đức    | THCS Nguyễn Văn Trỗi       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 512 | Hóa học | Nguyễn Đức            | Huy    | THCS-THPT Đinh Thiện Lý    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |
| 513 | Hóa học | Đỗ Minh               | Khang  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                       | Ba  |
| 514 | Hóa học | Trương Trần Tuấn      | Kiệt   | THCS Tùng Thiện Vương      | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 515 | Hóa học | Phạm Hoàng            | Nam    | THCS Tân Quý Tây           | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 516 | Hóa học | Trịnh Minh            | Phúc   | THCS Trần Quốc Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 517 | Hóa học | Nguyễn Đoàn           | Phú    | THCS Thanh Đa              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 518 | Hóa học | Phan Quỳnh            | Phương | THCS Quang Trung           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 519 | Hóa học | Nguyễn Bá             | Son    | THCS Phước Lộc             | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba  |
| 520 | Hóa học | NGUYỄN MỸ             | TIÊN   | THCS Nguyễn Văn Tổ         | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba  |
| 521 | Hóa học | Nguyễn Phan Phương    | Uyên   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa | Quận 1                       | Ba  |
| 522 | Hóa học | Lê Hoàng Thu          | Ánh    | THCS Phạm Hữu Lầu          | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |

|     |         |                 |        |                             |                              |    |
|-----|---------|-----------------|--------|-----------------------------|------------------------------|----|
| 523 | Hóa học | Nguyễn Thái     | Châu   | THCS Lê Văn Hưu             | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 524 | Hóa học | Lê Công         | Cường  | THCS Tân Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 525 | Hóa học | Phan Linh       | Đan    | THCS Chánh Hưng             | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 526 | Hóa học | Nguyễn Trần Hải | Đặng   | THCS Ngô Tất Tố             | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 527 | Hóa học | Nguyễn Thế Duy  | Khang  | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 528 | Hóa học | Phùng Quốc      | Huy    | THCS Lam Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 529 | Hóa học | Hồ Nguyễn Văn   | Khánh  | THCS Nguyễn Bình Khiêm      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 530 | Hóa học | Lê Tuấn         | Kiệt   | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 531 | Hóa học | Trần Yên        | Ngọc   | THCS Thị Trấn 2             | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 532 | Hóa học | Nguyễn Đình Gia | Lập    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                       | Ba |
| 533 | Hóa học | Ngô Thanh       | Phương | THCS Phạm Hữu Lầu           | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 534 | Hóa học | Lý Phước Thục   | Quyên  | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 535 | Hóa học | Lê Hoàng Phương | Thảo   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 536 | Hóa học | Nguyễn Vĩnh     | Thịnh  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  | Quận 1                       | Ba |
| 537 | Hóa học | Phạm Thùy       | Vy     | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 538 | Hóa học | Trần Ngọc Hồng  | Anh    | THCS Võ Trường Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 539 | Hóa học | Lê Hồng         | Huy    | THCS Thị Trấn 2             | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 540 | Hóa học | Phạm Thiên      | Hương  | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 541 | Hóa học | Nguyễn Thanh    | Hưng   | THCS Trương Vĩnh Ký         | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 542 | Hóa học | Nguyễn Trọng    | Nghĩa  | THCS Bình Trị Đông          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 543 | Hóa học | ĐỖ BẢO          | NGỌC   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 544 | Hóa học | Lê Vũ Minh      | Nguyệt | THCS Ngô Chí Quốc           | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 545 | Hóa học | Lê Hoàng Thanh  | Phụng  | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 546 | Hóa học | NGUYỄN HỒ       | QUANG  | THCS Phạm Văn Hai           | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 547 | Hóa học | Nguyễn Phúc     | Thành  | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 548 | Hóa học | PHÍ TIỀN        | THÀNH  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 549 | Hóa học | NGUYỄN THÚY     | VÂN    | THCS Bình Tân               | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 550 | Hóa học | Lý Hồng         | Anh    | TRƯỜNG THCS Lữ Gia          | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 551 | Hóa học | Ngô Võ Minh     | Anh    | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 552 | Hóa học | Phạm Ngọc Lan   | Anh    | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 553 | Hóa học | Nguyễn Ứng      | Bách   | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |

|     |         |                  |          |                       |                              |    |
|-----|---------|------------------|----------|-----------------------|------------------------------|----|
| 554 | Hóa học | Vũ Ngô Văn       | Anh      | THCS Nguyễn Huệ       | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |
| 555 | Hóa học | Nguyễn Lê Bảo    | Dung     | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 556 | Hóa học | Lê Hữu           | Đôn      | THCS Linh Đông        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 557 | Hóa học | Võ Chí           | Hiếu     | THCS Ngô Chí Quốc     | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 558 | Hóa học | Nguyễn Tuấn      | Khanh    | THCS Nguyễn Hồng Đào  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 559 | Hóa học | Phan Lê Anh      | Kiệt     | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 560 | Hóa học | NGUYỄN TIẾN      | MẠNH     | THCS Nguyễn Văn Tổ    | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 561 | Hóa học | Huỳnh Tuấn       | Nam      | THCS Tùng Thiện Vương | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 562 | Hóa học | Nguyễn Đình      | Nghĩa    | THCS Linh Trung       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 563 | Hóa học | Ngô Hồng         | Thị      | THCS Trần Văn Ơn      | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 564 | Hóa học | Hồ Bảo           | Trân     | THCS Tân Phú          | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 565 | Hóa học | Thái Văn         | Trung    | THCS Tân Tiến         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 566 | Hóa học | Nguyễn Tuấn      | Anh      | THCS Phan Tây Hồ      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 567 | Hóa học | Nguyễn Hà Thiên  | An       | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 568 | Hóa học | Trương Ngọc      | Ánh      | THCS Tùng Thiện Vương | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 569 | Hóa học | ĐÀO              | MỸ DUYỆT | THCS Tân Tạo          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 570 | Hóa học | Nguyễn Đức       | Hiếu     | THCS Lê Lợi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 571 | Hóa học | Nguyễn Hoàng     | Huỳnh    | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 572 | Hóa học | Trần Đăng        | Khoa     | THCS Lương Thê Vinh   | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 573 | Hóa học | Trần Thị Hương   | Trà      | THCS Tân Tiến         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 574 | Hóa học | Nguyễn Hà Châu   | Anh      | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 575 | Hóa học | Phạm Vũ Lan      | Anh      | THCS Lê Lợi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 576 | Hóa học | Lê Minh          | Khoa     | THCS Phong Phú        | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 577 | Hóa học | Phạm Ly          | Na       | THCS Quang Trung      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 578 | Hóa học | Nguyễn Thị Thanh | Ngân     | THCS Lý Thường Kiệt   | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 579 | Hóa học | Lê Quỳnh         | Như      | THCS Ngô Sĩ Liên      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 580 | Hóa học | Nguyễn Hồng      | Son      | THCS Nguyễn Thái Bình | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 581 | Hóa học | Ngô Đình Minh    | Trí      | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 582 | Hóa học | Phạm Võ Kiều Mỹ  | Trúc     | THCS Lê Văn Hưu       | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 583 | Hóa học | Nguyễn Vũ Thanh  | Xuân     | THCS Nguyễn Trãi      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 584 | Hóa học | Nguyễn Ngọc Minh | Anh      | THCS Hoa Lư           | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |

|     |         |                  |        |                                 |                             |    |
|-----|---------|------------------|--------|---------------------------------|-----------------------------|----|
| 585 | Hóa học | Lê Bùi           | Anh    | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 586 | Hóa học | Hứa Minh         | Bảo    | THCS Đồng Đa                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 587 | Hóa học | Lê Hữu           | Khôi   | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 588 | Hóa học | Phạm Thùy        | Linh   | THCS An Phú                     | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Ba |
| 589 | Hóa học | Huỳnh Công       | Nghĩa  | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 590 | Hóa học | Thái Bảo         | Phương | THCS Cầu Kiệu                   | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 591 | Hóa học | Mai Xuân Khánh   | Trân   | THCS Nguyễn Gia Thiều           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 592 | Hóa học | Phạm Tường       | Vy     | THCS Trần Quang Khải            | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 593 | Hóa học | Trần Gia         | Bảo    | THCS Lê Lai                     | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 594 | Hóa học | Hồ Phước Gia     | Bảo    | THCS Nguyễn Bình Khiêm          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 595 | Hóa học | Nguyễn Việt      | Hùng   | THCS Nguyễn An Khương           | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 596 | Hóa học | Bùi Tuấn         | Hung   | THCS Nguyễn Bình Khiêm          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 597 | Hóa học | Trần Phương      | Linh   | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 598 | Hóa học | Nguyễn Chiêu     | Minh   | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 599 | Hóa học | Trần Ngọc Gia    | Nghi   | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 600 | Hóa học | Nguyễn Thành     | Phát   | THCS Nguyễn Bình Khiêm          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 601 | Hóa học | NGUYỄN MINH      | QUÂN   | THCS Nguyễn Văn Tổ              | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 602 | Hóa học | Lê Như           | Thảo   | THCS Trần Phú                   | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 603 | Hóa học | Chu văn          | Đức    | THCS Nguyễn An Ninh             | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 604 | Hóa học | Trần Bùi Việt    | Đức    | THCS Lương Định Của             | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Ba |
| 605 | Hóa học | Lê Tuấn          | Hung   | THCS Trần Bội Cơ                | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 606 | Hóa học | Đoàn Hữu         | Lễ     | THCS Trần Văn Ôn                | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 607 | Hóa học | Hứa Gia          | Linh   | THCS Đồng Đa                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 608 | Hóa học | Nguyễn Thị Thanh | Ngân   | THCS Đồng Đa                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 609 | Hóa học | NGUYỄN VĨNH      | PHÚC   | THCS Nguyễn Văn Tổ              | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 610 | Hóa học | Trần Ngọc Như    | Quỳnh  | THCS Trường Chinh               | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 611 | Hóa học | Hồ Thụy Kim      | Thoa   | THCS Tăng Nhơn Phú B            | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 612 | Hóa học | Trương Kim       | Điền   | THCS Lý Thánh Tông              | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 613 | Hóa học | Nguyễn Hà Phúc   | Khải   | THCS Trần Quốc Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 614 | Hóa học | Phan Anh         | Huy    | THCS Bàn Cờ                     | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |

|     |          |                  |       |                       |                              |      |
|-----|----------|------------------|-------|-----------------------|------------------------------|------|
| 615 | Hóa học  | Vũ Hà            | My    | THCS Độc Lập          | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba   |
| 616 | Hóa học  | Nguyễn Đức       | Minh  | THCS Bạch Đằng        | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 617 | Hóa học  | Nguyễn Thị Kim   | Ngọc  | THCS Tùng Thiện Vương | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba   |
| 618 | Hóa học  | NGUYỄN THIÊN     | PHÚC  | THCS Thạnh Mỹ Lợi     | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba   |
| 619 | Hóa học  | Trần Đoàn Hoàng  | Phúc  | THCS Ba Đình          | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 620 | Hóa học  | Phan Thị Hiền    | Thảo  | THCS Lương Thế Vinh   | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba   |
| 621 | Hóa học  | Phạm Bùi Thủy    | Tiên  | THCS Ngô Quyền        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba   |
| 622 | Hóa học  | Lê Trương Thanh  | Uyên  | THCS Bàn Cờ           | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 623 | Hóa học  | Nguyễn Hoàng Mai | Anh   | THCS Hoàng Văn Thụ    | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba   |
| 624 | Hóa học  | Bùi Quang        | An    | THCS Tân Tiến         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba   |
| 625 | Hóa học  | Phạm Phi         | Bảo   | THCS Trung Mỹ Tây 1   | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba   |
| 626 | Hóa học  | Nguyễn Huy       | Hoàng | THCS Lương Định Của   | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba   |
| 627 | Hóa học  | Lê Nhật          | Minh  | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba   |
| 628 | Hóa học  | Nguyễn Hồng      | Son   | THCS Tam Bình         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba   |
| 629 | Hóa học  | Tăng Khánh       | Toàn  | THCS Bình Tây         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba   |
| 630 | Sinh học | Vĩnh Bảo Phúc    | Hưng  | THCS Minh Đức         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 631 | Sinh học | Nguyễn Hoàng     | Việt  | THCS Minh Đức         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 632 | Sinh học | Phạm Nguyễn Minh | Anh   | THCS Minh Đức         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 633 | Sinh học | Lương Gia        | Bảo   | THCS Minh Đức         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 634 | Sinh học | Hà Gia           | Huy   | THCS Minh Đức         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 635 | Sinh học | Nguyễn Hồ Uyên   | Thu   | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 636 | Sinh học | Nguyễn Vũ Kim    | Như   | THCS Võ Trường Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 637 | Sinh học | Nguyễn Thị Kiều  | Oanh  | THCS Tô Ký            | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhất |
| 638 | Sinh học | Hà Uyên          | Minh  | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 639 | Sinh học | Nguyễn Thị Thanh | Thúy  | THCS Tô Ký            | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhất |
| 640 | Sinh học | Trần Huỳnh Trọng | Hiếu  | THCS Hưng Long        | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 641 | Sinh học | NGUYỄN THỊ MINH  | THU   | THCS Đức Trí          | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 642 | Sinh học | Lê Phương Thảo   | Chi   | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 643 | Sinh học | Nguyễn Tân       | Tiếp  | THCS Tô Ký            | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhất |
| 644 | Sinh học | Nguyễn Minh      | Quang | THCS Võ Trường Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 645 | Sinh học | Đỗ Thị Tuyết     | Hoa   | THCS Đặng Công Bình   | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhất |

|     |          |                   |        |                             |                             |      |
|-----|----------|-------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 646 | Sinh học | Bùi Khải          | Linh   | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                             | Nhất |
| 647 | Sinh học | Phan Hoàng        | Tuấn   | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhất |
| 648 | Sinh học | Nguyễn Minh       | Thư    | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhất |
| 649 | Sinh học | Lê Bá             | Phú    | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 650 | Sinh học | Quang Lan         | Hương  | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhất |
| 651 | Sinh học | Nguyễn Phạm Quỳnh | Như    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 652 | Sinh học | Nguyễn Hữu Minh   | Quang  | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 653 | Sinh học | Lê Anh            | Thư    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 654 | Sinh học | Nguyễn Sơn        | Tùng   | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 655 | Sinh học | Nguyễn Trọng      | Nghĩa  | THCS Thông Tây Hội          | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 656 | Sinh học | Võ Trung          | Nghĩa  | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 657 | Sinh học | Đặng Thụy Thùy    | Dương  | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhất |
| 658 | Sinh học | Đinh Võ Quỳnh     | Như    | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhất |
| 659 | Sinh học | NGUYỄN TRẦN MINH  | NHẬT   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 660 | Sinh học | Lê Quốc Thái      | Bình   | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 661 | Sinh học | Hồ Nguyễn Minh    | Nguyên | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 662 | Sinh học | Tô Hữu            | Tuấn   | THCS Nguyễn Tri Phương      | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhất |
| 663 | Sinh học | VÕ HOÀNG          | HUÂN   | THCS Nguyễn Văn Tố          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhất |
| 664 | Sinh học | Tô Sơn            | Tùng   | THCS Lam Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhất |
| 665 | Sinh học | Nguyễn Huyền      | Linh   | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhất |
| 666 | Sinh học | Phạm Hoài         | Bảo    | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                             | Nhất |
| 667 | Sinh học | Tạ                | Võ     | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                             | Nhất |
| 668 | Sinh học | Nguyễn Thùy       | Trang  | THCS Thông Tây Hội          | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 669 | Sinh học | Văn Viết          | Nguyên | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 670 | Sinh học | Lê Thị Anh        | Thư    | THCS Nguyễn An Ninh         | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Nhì  |
| 671 | Sinh học | Đoàn Hải          | Linh   | THCS Thông Tây Hội          | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 672 | Sinh học | Tạ Hà Anh         | Thư    | THCS Phú Mỹ                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 673 | Sinh học | Nguyễn Châu       | Anh    | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 674 | Sinh học | Trần Văn          | Dũ     | THCS Phan Công Hớn          | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhì  |
| 675 | Sinh học | Mai Nguyễn Trúc   | Linh   | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                             | Nhì  |
| 676 | Sinh học | Trần Dương Anh    | Thư    | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                             | Nhì  |

|     |          |                    |        |                       |                              |     |
|-----|----------|--------------------|--------|-----------------------|------------------------------|-----|
| 677 | Sinh học | Vũ Ngọc Thanh      | Tuyền  | Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 678 | Sinh học | Nguyễn Vũ Phương   | Anh    | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 679 | Sinh học | Nguyễn Châu Phương | Uyên   | Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 680 | Sinh học | Bùi Nhật           | Vy     | Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 681 | Sinh học | Hồ Hạnh            | Nguyên | THCS Hà Huy Tập       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 682 | Sinh học | Trần Cao           | Vỹ     | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 683 | Sinh học | Đinh Mạnh          | Tuấn   | THCS Thoại Ngọc Hầu   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 684 | Sinh học | Nguyễn Ngọc Mỹ     | Tâm    | THCS Nguyễn Thị Thập  | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 685 | Sinh học | Lê Mai Anh         | Thư    | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 686 | Sinh học | Trần Quỳnh         | Giao   | THCS Hoàng Hoa Thám   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 687 | Sinh học | Trần Phạm Kim      | Yến    | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 688 | Sinh học | Lê Hoàng Vân       | Anh    | THCS Colette          | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 689 | Sinh học | Trần Ngọc Đoan     | Trang  | THCS Phan Công Hớn    | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 690 | Sinh học | Phan Minh          | Triết  | Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 691 | Sinh học | Nguyễn Vương Hoàng | Anh    | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 692 | Sinh học | Mai Hiền           | Thảo   | THCS Phan Tây Hồ      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 693 | Sinh học | Nguyễn Phương      | Khanh  | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 694 | Sinh học | Đặng Nguyễn Thanh  | Hào    | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 695 | Sinh học | Trần Trọng         | Trung  | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 696 | Sinh học | Phan Hùng          | Minh   | THCS Lạc Hồng         | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 697 | Sinh học | Vy Đặng Thanh      | Trúc   | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 698 | Sinh học | Tăng Nhật          | Hào    | THCS Tân Phú Trung    | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 699 | Sinh học | Phạm Nguyễn Đức    | Tín    | THCS Tô Ký            | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 700 | Sinh học | Đoàn Ngọc          | Ánh    | THCS Nguyễn Văn Linh  | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 701 | Sinh học | Nguyễn Lưu Ngọc    | Danh   | Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 702 | Sinh học | Trịnh Thị Ngọc     | Ánh    | THCS Tăng Nhơn Phú B  | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 703 | Sinh học | Trần Hoàng         | Phúc   | THCS Nguyễn Văn Bé    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 704 | Sinh học | Nguyễn Ngọc        | Huỳnh  | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 705 | Sinh học | TRƯƠNG BỘI         | NHI    | THCS Tân Tạo          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 706 | Sinh học | NGUYỄN THỊ         | LAN    | THCS Vĩnh Lộc A       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 707 | Sinh học | Thái Nguyên        | Hoàng  | THCS Thông Tây Hội    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |

|     |          |                    |       |                             |                           |     |
|-----|----------|--------------------|-------|-----------------------------|---------------------------|-----|
| 708 | Sinh học | Văn Minh           | Hòa   | THCS Hoàng Quốc Việt        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 709 | Sinh học | Mai Huỳnh Bích     | Tuyền | THCS Hoàng Quốc Việt        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 710 | Sinh học | Nguyễn Khương Gia  | Khánh | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                           | Nhì |
| 711 | Sinh học | Đặng Thị Hồng      | Nhung | THCS Bình Chiểu             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức  | Nhì |
| 712 | Sinh học | Đinh Đặng Phương   | Uyên  | THCS Tăng Nhơn Phú B        | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Nhì |
| 713 | Sinh học | Ngô Thị Kim        | Phước | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhì |
| 714 | Sinh học | Tăng Thị Thanh     | Tâm   | THCS Ngô Sĩ Liên            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 715 | Sinh học | Lý Thiên           | Định  | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 716 | Sinh học | Vũ Thị Thảo        | Linh  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Nhì |
| 717 | Sinh học | Âu Phương          | Thảo  | THCS Lê lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhì |
| 718 | Sinh học | Phan Thùy          | Dương | THCS Ba Đình                | Phòng GD-ĐT Quận 5        | Nhì |
| 719 | Sinh học | Phạm Thị           | Hương | THCS Trần Quốc Tuấn         | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 720 | Sinh học | Phan Nguyễn Ngọc   | Mai   | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                           | Nhì |
| 721 | Sinh học | Phạm Lâm Trung     | Hiếu  | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Nhì |
| 722 | Sinh học | Vũ Thị Tú          | Anh   | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 723 | Sinh học | Nguyễn Thúy        | Hằng  | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 724 | Sinh học | Nguyễn Như         | Quỳnh | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3        | Nhì |
| 725 | Sinh học | Huỳnh Nhữ          | Huê   | THCS Trần Bội Cơ            | Phòng GD-ĐT Quận 5        | Nhì |
| 726 | Sinh học | Cao Hoàng Khánh    | Trân  | THCS Lý Phong               | Phòng GD-ĐT Quận 5        | Nhì |
| 727 | Sinh học | Trần Lưu Thanh     | Thảo  | THCS Hồ Văn Long            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân | Nhì |
| 728 | Sinh học | Nguyễn             | Tấn   | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 729 | Sinh học | Nguyễn Nguyễn Minh | Anh   | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Nhì |
| 730 | Sinh học | Phạm Ngọc Khánh    | Linh  | THCS Đông Thạnh             | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn | Nhì |
| 731 | Sinh học | ĐOÀN LÊ HÀ         | THI   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5        | Nhì |
| 732 | Sinh học | Phạm Thanh         | Vân   | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                           | Nhì |
| 733 | Sinh học | Bùi Yến            | Nhì   | THCS Hoa Lư                 | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 734 | Sinh học | Nguyễn Đức Phương  | Thảo  | THCS Thông Tây Hội          | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp   | Ba  |
| 735 | Sinh học | Phạm Thị Bích      | Trâm  | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2        | Ba  |
| 736 | Sinh học | Lương Vĩnh         | Phú   | THCS Lý Phong               | Phòng GD-ĐT Quận 5        | Ba  |
| 737 | Sinh học | Trần Ngọc          | Dung  | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Ba  |
| 738 | Sinh học | Lê Quang Phú       | Quý   | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7        | Ba  |

|     |          |                   |       |                          |                              |    |
|-----|----------|-------------------|-------|--------------------------|------------------------------|----|
| 739 | Sinh học | Nguy Thị Như      | Quỳnh | THCS Nguyễn Bình Khiêm   | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 740 | Sinh học | Nguyễn Võ Thảo    | Vy    | THCS Nguyễn Bình Khiêm   | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 741 | Sinh học | Võ Thanh          | Sang  | THCS Lê Văn Hưu          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 742 | Sinh học | Đào Thị Ngọc      | Phú   | Chuyên Trần Đại Nghĩa    |                              | Ba |
| 743 | Sinh học | Đinh Tấn          | Tài   | THCS Linh Trung          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 744 | Sinh học | Nguyễn Thị Minh   | Nhã   | THCS Nguyễn Văn Bá       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 745 | Sinh học | Nguyễn Thị Minh   | Tâm   | THCS Đặng Tấn Tài        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 746 | Sinh học | Nguyễn Hoàng      | Lan   | THCS Phú Mỹ              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 747 | Sinh học | Nguyễn Linh Đông  | Anh   | THCS Đồng Khởi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 748 | Sinh học | Nguyễn Ngọc Diễm  | Quỳnh | THCS Văn Đồn             | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |
| 749 | Sinh học | Huỳnh Gia         | Huy   | THCS Nguyễn An Khương    | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 750 | Sinh học | Trần Ngọc         | Trâm  | THCS Nguyễn Văn Linh     | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 751 | Sinh học | Nguyễn Ngọc       | Nga   | THCS Lê Quý Đôn          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 752 | Sinh học | Diệp Thanh        | Mai   | THCS Lê Văn Việt         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 753 | Sinh học | Lương Nguyễn Phúc | Linh  | THCS Bình Lợi Trung      | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 754 | Sinh học | Đoàn Mỹ Như       | Ngọc  | THCS Nguyễn Gia Thiều    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 755 | Sinh học | Hoàng Thiên       | Tân   | THCS Lý Thường Kiệt      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 756 | Sinh học | Phạm Phú          | Quý   | THCS Tân Bình            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 757 | Sinh học | Nguyễn Thị Minh   | Tâm   | THCS Cầu Kiệu            | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 758 | Sinh học | Phạm Hồng         | Anh   | THCS Bạch Đằng           | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 759 | Sinh học | NGUYỄN NGỌC NHƯ   | QUỲNH | THCS Nguyễn Tri Phương   | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 760 | Sinh học | Nguyễn Cao Huy    | Thành | THCS Cách Mạng Tháng Tám | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 761 | Sinh học | Trần Ngọc         | Linh  | THCS Lê Anh Xuân         | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 762 | Sinh học | Dương Gia         | Yến   | THCS Phú Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 763 | Sinh học | Trần Phi          | Phổ   | THCS Dương Bá Trạc       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 764 | Sinh học | Đỗ Ngọc Thiên     | Kim   | THCS Nguyễn Hữu Thọ      | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 765 | Sinh học | Bùi Thị Ngọc      | Thoa  | THCS Hưng Long           | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 766 | Sinh học | Nguyễn Thị Hồng   | Đào   | THCS Hiệp Phước          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 767 | Sinh học | NGUYỄN PHƯỚC      | LỢI   | THCS Thạnh An            | Phòng GD-ĐT Huyện Cần Giờ    | Ba |
| 768 | Sinh học | Bùi Châu          | Anh   | THCS Phan Bội Châu       | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 769 | Sinh học | Nguyễn Yến        | Nhi   | THCS Lê Quý Đôn          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |

|     |          |                    |        |                               |                              |    |
|-----|----------|--------------------|--------|-------------------------------|------------------------------|----|
| 770 | Sinh học | Nguyễn Thái Bảo    | Trâm   | THCS Hiệp Bình                | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 771 | Sinh học | Nguyễn Tiến        | Hưng   | THCS Phan Tây Hồ              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 772 | Sinh học | Trương Thị Tiều    | Ngân   | THCS Phan Tây Hồ              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 773 | Sinh học | Võ Minh            | Hiếu   | THCS Nguyễn Văn Bé            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 774 | Sinh học | Trần Xuân          | Khôi   | THCS Lê Văn Tám               | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 775 | Sinh học | Trịnh Thiên        | Bình   | THCS Hoàng Hoa Thám           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 776 | Sinh học | Phạm Hồng          | Ánh    | THCS Lam Sơn                  | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 777 | Sinh học | Lê Trọng           | Phúc   | THCS Lê Tấn Bê                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 778 | Sinh học | Hồ Kim             | Ngân   | THCS Lê Minh Xuân             | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 779 | Sinh học | NGUYỄN THUY        | KHUÊ   | THCS Song ngữ Quốc tế Horizon | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 780 | Sinh học | Nguyễn Khánh       | Hà     | Chuyên Trần Đại Nghĩa         |                              | Ba |
| 781 | Sinh học | Lê Nguyễn Hoàng    | Mai    | THCS Linh Trung               | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 782 | Sinh học | Nguyễn Thị Hà      | Phuong | THCS Tăng Nhơn Phú B          | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 783 | Sinh học | Hoàng Mạnh         | Công   | THCS Phan Tây Hồ              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 784 | Sinh học | Lê Mỹ              | Duyên  | THCS Phan Tây Hồ              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 785 | Sinh học | Phan Phú           | Hưng   | THCS Đặng Trần Côn            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 786 | Sinh học | Huỳnh Minh         | Nguyệt | THCS Đặng Trần Côn            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 787 | Sinh học | Trương Minh        | Lộc    | THCS Bạch Đằng                | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 788 | Sinh học | Đoàn Ngọc Đình     | Đang   | THCS Nguyễn Tri Phương        | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 789 | Sinh học | Triệu Vũ Minh      | Châu   | THCS Chu Văn An               | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 790 | Sinh học | Nguyễn Phước Tường | Vy     | THCS Phú Thọ                  | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 791 | Sinh học | Nguyễn Lâm Hoàng   | Phúc   | THCS Kim Đồng                 | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 792 | Sinh học | Phạm Thị Uyên      | Trang  | THCS Bình Đông                | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 793 | Sinh học | Đoàn Công          | Duy    | THCS Bình Trị Đông            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 794 | Sinh học | NGUYỄN KIM         | NGÂN   | THCS Tân Tạo                  | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 795 | Sinh học | Nguyễn Hoàng       | Thương | THCS Bình Trị Đông A          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 796 | Sinh học | Nguyễn Trúc        | Phuong | THCS Tân Phú Trung            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 797 | Sinh học | Phan Thành         | Đạt    | THCS Tân Thông Hội            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 798 | Sinh học | Nguyễn Hữu         | Phụng  | THCS Nguyễn Hồng Đào          | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 799 | Sinh học | Trần Thị Quế       | Anh    | THCS Đặng Công Bình           | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 800 | Sinh học | Phan Kiều Nguyệt   | Ngân   | THCS Hưng Long                | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |

|     |          |                   |        |                             |                              |    |
|-----|----------|-------------------|--------|-----------------------------|------------------------------|----|
| 801 | Sinh học | ĐỖ NGỌC           | THẢO   | THCS Tân Túc                | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 802 | Sinh học | Võ Thị Mỹ         | Duyên  | THCS Nguyễn Văn Quỳ         | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 803 | Sinh học | Đào Nguyễn Anh    | Thư    | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                              | Ba |
| 804 | Sinh học | Lưu Nhựt          | Tân    | THCS An Phú Đông            | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 805 | Sinh học | Nguyễn Hoàng      | Quân   | THCS Ngô Sĩ Liên            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 806 | Sinh học | Nguyễn Võ Thanh   | Trúc   | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 807 | Sinh học | Phan Thị Thùy     | Linh   | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 808 | Sinh học | Trương Mạnh       | Khánh  | THCS Ba Đình                | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 809 | Sinh học | VÕ PHƯƠNG         | UYÊN   | THCS Phú Định               | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 810 | Sinh học | Bùi Thúy          | Hiền   | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 811 | Sinh học | Giang Cát         | Tường  | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 812 | Sinh học | Đinh Hồ Doan      | Nghi   | THCS Nguyễn Thái Bình       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 813 | Sinh học | Nguyễn Lê Như     | Quỳnh  | THCS Đức Trí                | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 814 | Sinh học | Vũ Thanh Trúc     | Quỳnh  | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                              | Ba |
| 815 | Sinh học | Nguyễn Minh       | Thư    | Chuyên Trần Đại Nghĩa       |                              | Ba |
| 816 | Sinh học | Hà Thảo           | Quyên  | THCS An Phú Đông            | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 817 | Sinh học | Trần Thùy         | Tiên   | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 818 | Sinh học | Lâm Mỹ            | Duyên  | THCS Nguyễn Hiền            | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 819 | Sinh học | Trịnh Ngọc        | Thành  | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 820 | Sinh học | Lý Gia            | Huệ    | THCS Đặng Trần Côn          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 821 | Sinh học | Đặng Ngọc Trúc    | Quỳnh  | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 822 | Sinh học | Nguyễn Lê Phi     | Nguyên | THCS Lê lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 823 | Sinh học | Bùi Tiến          | Đạt    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 824 | Sinh học | Nguyễn Huỳnh Đức  | Khôi   | THCS Lạc Hồng               | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 825 | Sinh học | Nguyễn Đoàn Thanh | Hương  | THCS Lê Lai                 | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 826 | Sinh học | Phạm Trần Thị Thu | Ngân   | THCS Bình Đông              | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 827 | Sinh học | Lê Thị Phương     | Quỳnh  | THCS Lê Minh Xuân           | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 828 | Sinh học | Nguyễn Thu        | Hà     | THCS Nguyễn Bình Khiêm      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 829 | Sinh học | Lương Gia         | Huy    | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 830 | Sinh học | LƯU TƯỜNG         | VY     | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 831 | Sinh học | Trương Hoàng Minh | Thi    | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |

|     |          |                   |          |                       |                              |      |
|-----|----------|-------------------|----------|-----------------------|------------------------------|------|
| 832 | Sinh học | Trương Hoàng Minh | Thơ      | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba   |
| 833 | Sinh học | HỒNG              | HẠNH     | THCS Long Phước       | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba   |
| 834 | Sinh học | Tạ Nguyễn Mỹ      | Phương   | THCS Phan Tây Hồ      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba   |
| 835 | Sinh học | Ngô Thanh         | Như      | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba   |
| 836 | Sinh học | Trần Kim Trúc     | Anh      | THCS Tăng Bạt Hổ A    | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba   |
| 837 | Sinh học | Trần Đại          | Phú      | THCS Kim Đồng         | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 838 | Sinh học | LÊ HUỖNH ÁI       | NHI      | THCS Phú Định         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba   |
| 839 | Sinh học | VƯƠNG VŨ          | HOÀNG    | THCS Vĩnh Lộc A       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba   |
| 840 | Sinh học | LÊ                | THỊ MỸ H | THCS Vĩnh Lộc A       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba   |
| 841 | Tin học  | Nguyễn Vũ Minh    | Duy      | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 842 | Tin học  | Nguyễn Khánh      | Hân      | THCS Bình Tây         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhất |
| 843 | Tin học  | Nguyễn Vũ Đăng    | Khoa     | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 844 | Tin học  | Bùi Nguyễn Ngọc   | Thắng    | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 845 | Tin học  | Nguyễn Phúc Huy   | Anh      | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 846 | Tin học  | Vũ Thế            | Anh      | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhất |
| 847 | Tin học  | Nguyễn Mậu Trọng  | Hiếu     | THCS Nguyễn Văn Trỗi  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 848 | Tin học  | Lê Đình Anh       | Huy      | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 849 | Tin học  | Bùi Minh          | Khải     | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 850 | Tin học  | Nguyễn Quang      | Phước    | THCS Phan Tây Hồ      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 851 | Tin học  | Nguyễn Bảo Hoàng  | Chương   | THCS Trần Đại Nghĩa   |                              | Nhất |
| 852 | Tin học  | Hoàng Nguyên      | Khôi     | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhất |
| 853 | Tin học  | Trần Bảo          | Lợi      | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 854 | Tin học  | Huỳnh Ngọc        | Tân      | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhất |
| 855 | Tin học  | Võ Vương Thanh    | Tú       | THCS Quang Trung      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 856 | Tin học  | Nguyễn Duy        | Quang    | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 857 | Tin học  | Tô Khánh          | Biêu     | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 858 | Tin học  | Trần Nhật         | Tân      | THCS Hai Bà Trưng     | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhất |
| 859 | Tin học  | Trần Dư Gia       | Bảo      | THCS Ngô Quyền        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 860 | Tin học  | Phạm Võ           | Cường    | THCS Sương Nguyệt Anh | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì  |
| 861 | Tin học  | Nhan Gia          | Khâm     | THCS Bình Tây         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì  |
| 862 | Tin học  | Trần Thanh        | Phát     | THCS Lê Lợi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì  |

|     |         |                    |       |                       |                              |     |
|-----|---------|--------------------|-------|-----------------------|------------------------------|-----|
| 863 | Tin học | Nguyễn Hữu         | Quý   | THCS Trần Đại Nghĩa   |                              | Nhì |
| 864 | Tin học | Bùi Đông           | Anh   | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 865 | Tin học | Phạm Thành         | Hưng  | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 866 | Tin học | Trương Tuấn        | Khải  | THCS Tùng Thiện Vương | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 867 | Tin học | Nguyễn Quỳnh       | Như   | THCS Hoa Lư           | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 868 | Tin học | Nguyễn Ngọc Bảo    | Trâm  | THCS Trần Quang Khải  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 869 | Tin học | Đinh Vũ Trọng      | Thắng | THCS Linh Trung       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 870 | Tin học | Nguyễn Bảo         | Anh   | THCS Trần Đại Nghĩa   |                              | Nhì |
| 871 | Tin học | Nguyễn Phúc        | Bảo   | THCS Trần Quang Khải  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 872 | Tin học | Ông Thanh          | Bình  | THCS Lý Tự Trọng      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 873 | Tin học | Lê Hoàng Anh       | Duy   | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 874 | Tin học | Trịnh Tiến         | Đức   | THCS Hai Bà Trưng     | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 875 | Tin học | Nguyễn Hoàng       | Long  | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 876 | Tin học | Trần Mỹ            | Quỳnh | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 877 | Tin học | Nguyễn Minh        | Tiến  | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 878 | Tin học | Tổng Đức           | Trung | THCS Hà Huy Tập       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 879 | Tin học | Bảo Quý            | Huỳnh | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 880 | Tin học | Phạm Quốc          | An    | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 881 | Tin học | Huỳnh Phạm Đan     | Thanh | THCS Chu Văn An       | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 882 | Tin học | Phạm Đức           | Thắng | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 883 | Tin học | Nguyễn Hoàng       | Anh   | THCS Linh Trung       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 884 | Tin học | Võ Trung           | Kiên  | THCS Tân Túc          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 885 | Tin học | Bùi Phúc           | Kiến  | THCS An Phú Đông      | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 886 | Tin học | Vĩnh Bảo           | Phúc  | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 887 | Tin học | Nguyễn Trường      | Phú   | THCS Hà Huy Tập       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 888 | Tin học | Bá Nguyễn Quốc     | Anh   | THCS Nguyễn Huệ       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 889 | Tin học | Lê Nguyễn Minh     | Anh   | THCS Đồng Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 890 | Tin học | Phạm Việt          | Hoàng | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 891 | Tin học | Nguyễn Hoàng Thanh | My    | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 892 | Tin học | Nguyễn Bảo         | Ngọc  | THCS Hoa Lư           | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 893 | Tin học | Dương Đức          | Phát  | THCS Phú Định         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |

|     |         |                  |       |                          |                             |    |
|-----|---------|------------------|-------|--------------------------|-----------------------------|----|
| 894 | Tin học | Phạm Hữu         | Phúc  | THCS Nguyễn Huệ          | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 895 | Tin học | Vũ Minh          | Quân  | THCS Trần Phú            | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 896 | Tin học | Phạm Hoàng Nhật  | Thanh | THCS Hồng Bàng           | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 897 | Tin học | Nguyễn Đức       | Thuy  | THCS Nguyễn An Ninh      | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 898 | Tin học | Đoàn Phan Thùy   | Trang | THCS Hồng Bàng           | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 899 | Tin học | Nguyễn Thanh     | Trúc  | THCS Lê Văn Tám          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 900 | Tin học | Tạ Quốc          | Cường | THCS Lê Văn Việt         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 901 | Tin học | Trương Tân Hào   | Hiệp  | THCS Phạm Đình Hổ        | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 902 | Tin học | Phan Nguyễn Tuấn | Kiệt  | THCS Lê Quý Đôn          | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 903 | Tin học | Trần Yên         | Ngân  | THCS Linh Trung          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 904 | Tin học | Nguyễn Đăng Tú   | Quyên | THCS Trần Quốc Toản      | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 905 | Tin học | Thái Mai Khánh   | Vy    | THCS Cách Mạng Tháng Tám | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 906 | Tin học | Lưu Trung        | Đức   | THCS Nguyễn Trãi         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 907 | Tin học | Đỗ Trọng         | Nhân  | THCS Lê Văn Hưu          | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 908 | Tin học | Nguyễn Hoàng     | Tín   | THCS Tân Bình            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 909 | Tin học | Lê Đông          | Thức  | THCS Hai Bà Trưng        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 910 | Tin học | Lưu Trần Vĩnh    | Anh   | THCS Trần Văn Ơn         | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 911 | Tin học | Trần Thúy        | Anh   | THCS Nguyễn Ảnh Thủ      | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 912 | Tin học | Nguyễn Quỳnh     | Giang | THCS Nguyễn An Ninh      | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 913 | Tin học | Nguyễn Bảo       | Khang | THCS Lê Văn Tám          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 914 | Tin học | Tăng Linh        | Thiên | THCS Hồng Bàng           | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 915 | Tin học | Nguyễn Bình Thục | Trâm  | THCS Đồng Khởi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 916 | Tin học | Lê Quốc          | Anh   | THCS Trần Quang Khải     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 917 | Tin học | Huỳnh Thiết      | Gia   | THCS Đặng Trần Côn       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 918 | Tin học | Văn Công Gia     | Hưng  | THCS Lê Quý Đôn          | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 919 | Tin học | Phạm Minh        | Tân   | THCS Nguyễn Du           | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 920 | Tin học | Võ Minh          | Thuận | THCS Nguyễn Du           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 921 | Tin học | Phạm Vũ Thành    | Trung | THCS Tô Ký               | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 922 | Tin học | Lâm Quốc         | Dinh  | THCS Hồng Bàng           | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 923 | Tin học | Vũ Lê            | Duy   | THCS Chu Văn An          | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 924 | Tin học | Hoàng Hải        | Lam   | THCS Thông Tây Hội       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |

|     |         |                     |       |                            |                             |      |
|-----|---------|---------------------|-------|----------------------------|-----------------------------|------|
| 925 | Tin học | Dương Tài           | Phong | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 926 | Tin học | Nguyễn Quang Nghị   | Sinh  | THCS Ngô Quyền             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba   |
| 927 | Tin học | Trần Trọng          | Trí   | THCS Hai Bà Trưng          | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 928 | Tin học | Nguyễn Ngọc Khánh   | Vy    | THCS Hà Huy Tập            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba   |
| 929 | Tin học | Nguyễn Trọng        | Khoa  | THCS Trần Đại Nghĩa        |                             | Ba   |
| 930 | Tin học | Nguyễn Đức          | Tiến  | THCS Trần Đại Nghĩa        |                             | Ba   |
| 931 | Tin học | Lê Thế              | Anh   | THCS Ngô Sĩ Liên           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba   |
| 932 | Tin học | Lê Trọng            | Nghĩa | THCS Trương Công Định      | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba   |
| 933 | Tin học | Nguyễn Trương Thanh | Tâm   | THCS Nguyễn An Khương      | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba   |
| 934 | Tin học | Trần Khánh Gia      | Uyển  | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba   |
| 935 | Tin học | Huỳnh Quốc          | Duy   | THCS Cầu Kiệu              | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba   |
| 936 | Tin học | Trần                | Hào   | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba   |
| 937 | Tin học | Nguyễn Quang Nhật   | Huy   | THCS Chu Văn An            | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba   |
| 938 | Tin học | Nguyễn Đức          | Mạnh  | THCS Đặng Trần Côn         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba   |
| 939 | Tin học | Nguyễn Hoài         | Nam   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba   |
| 940 | Tin học | Hồ Yến              | Ngọc  | THCS Ngô Chí Quốc          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba   |
| 941 | Tin học | Nguyễn Trần Minh    | Quang | THCS Tân Xuân              | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba   |
| 942 | Tin học | Phan Việt           | Quang | THCS Phú Định              | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba   |
| 943 | Tin học | Thủy Ngọc           | Toàn  | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba   |
| 944 | Tin học | Trần Minh           | Quân  | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba   |
| 945 | Tin học | Nhâm Đạt Khánh      | Toàn  | THCS Phạm Đình Hổ          | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba   |
| 946 | Tin học | Hồ Quang            | Bảo   | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 947 | Tin học | Bùi Lê Gia          | Cát   | THCS Hồng Bàng             | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba   |
| 948 | Tin học | Trương Hoàng        | Danh  | THCS Thái Văn Lung         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba   |
| 949 | Tin học | Lương Phú           | Hòa   | THCS Tam Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba   |
| 950 | Ngữ văn | Nguyễn Phương Bảo   | Ngọc  | THCS Lương Thế Vinh        | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 951 | Ngữ văn | Dư Nguyễn Phương    | Anh   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 952 | Ngữ văn | Trần Thuý           | Chi   | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 953 | Ngữ văn | Trần Thị Yến        | Nhi   | THCS Hoàng Hoa Thám        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 954 | Ngữ văn | Hoàng Gia           | Hân   | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 955 | Ngữ văn | Trương Mạng         | Ngọc  | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |

|     |         |                  |        |                            |                              |      |
|-----|---------|------------------|--------|----------------------------|------------------------------|------|
| 956 | Ngữ văn | Nguyễn Hồng      | Nhật   | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhất |
| 957 | Ngữ văn | Lê Nguyễn Quỳnh  | Như    | THCS Phạm Văn Chiêu        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 958 | Ngữ văn | Trần Ngọc Khánh  | An     | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhất |
| 959 | Ngữ văn | Hồ Ngọc Quỳnh    | Nhi    | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |
| 960 | Ngữ văn | Phạm Thụy Minh   | Anh    | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhất |
| 961 | Ngữ văn | La Ngọc Kim      | Châu   | THCS Tùng Thiện Vương      | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhất |
| 962 | Ngữ văn | Nguyễn Minh      | Hiền   | THCS Ngô Tất Tố            | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Nhất |
| 963 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Hồng  | Ngọc   | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 964 | Ngữ văn | PHẠM NGỌC THANH  | NGUYỄN | THCS Vĩnh Lộc A            | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 965 | Ngữ văn | Nguyễn Trần Tấn  | Phát   | THCS Tăng Bạt Hổ A         | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhất |
| 966 | Ngữ văn | Lê Võ Anh        | Thư    | THCS Vân Đồn               | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhất |
| 967 | Ngữ văn | Trần Hoàng Anh   | Thư    | THCS Minh Đức              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 968 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Thùy  | Dung   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |
| 969 | Ngữ văn | Lương Mỹ         | Hà     | THCS Lê Anh Xuân           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 970 | Ngữ văn | Lý Trần Thiên    | Kim    | THCS Lam Sơn               | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhất |
| 971 | Ngữ văn | Lương Thị Ngọc   | Minh   | THCS Tân Phú               | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |
| 972 | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc Thu  | Ngân   | THCS Lam Sơn               | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhất |
| 973 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Bảo   | Ngân   | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhất |
| 974 | Ngữ văn | Hoắc Tuyết       | Nhi    | THCS Nguyễn An Khương      | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhất |
| 975 | Ngữ văn | Văn Cao Quỳnh    | Như    | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 976 | Ngữ văn | Đặng Ngọc Trúc   | Quỳnh  | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 977 | Ngữ văn | Lê Minh Phương   | Quỳnh  | THCS Hai Bà Trưng          | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhất |
| 978 | Ngữ văn | ĐINH VĂN         | TIẾN   | THCS Vĩnh Lộc A            | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 979 | Ngữ văn | Trương Hiếu      | Hạnh   | THCS Đặng Trần Côn         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 980 | Ngữ văn | NGUYỄN NGỌC BẢO  | HÂN    | THCS Tân Tạo               | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhất |
| 981 | Ngữ văn | Nguyễn Phan Nhật | Đan    | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 982 | Ngữ văn | TÔ GIA           | HÂN    | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì  |
| 983 | Ngữ văn | Nguyễn Thu Kim   | Ngân   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 984 | Ngữ văn | Nguyễn Thanh     | Ngọc   | THCS Phước Thạnh           | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì  |
| 985 | Ngữ văn | Lâm Tuyết        | Nhi    | THCS Chánh Hưng            | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì  |
| 986 | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc Ý    | Nhi    | THCS Bình Tây              | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì  |

|      |         |                   |        |                            |                              |     |
|------|---------|-------------------|--------|----------------------------|------------------------------|-----|
| 987  | Ngữ văn | Kim Hồng          | Nhung  | THCS Trần Hưng Đạo         | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 988  | Ngữ văn | Nguyễn Thị Hồng   | Nhung  | THCS An Phú Đông           | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 989  | Ngữ văn | Phạm Thị          | Nhung  | THCS An Phú                | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Nhì |
| 990  | Ngữ văn | Trương Ngọc Quỳnh | Như    | THCS Hồng Bàng             | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 991  | Ngữ văn | TRƯƠNG THỊ KIM    | NHU    | THCS Bình Tân              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 992  | Ngữ văn | Thạch Ngọc Diễm   | Phúc   | THCS Tùng Thiện Vương      | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 993  | Ngữ văn | Bùi Thị Thu       | Phượng | THCS Tân Kiên              | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 994  | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc       | Thủy   | THCS Sương Nguyệt Anh      | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 995  | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc Hoài  | Thương | THCS Bình Trị Đông         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 996  | Ngữ văn | Nguyễn Thị Kiều   | Trang  | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 997  | Ngữ văn | Nguyễn Đỗ Phương  | Trúc   | THCS Nguyễn An Khương      | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 998  | Ngữ văn | Nguyễn Phương     | Nghi   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 999  | Ngữ văn | Hoàng Thị Kim     | Hoa    | THCS Đông Thạnh            | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 1000 | Ngữ văn | PHAN THANH        | NHÂN   | THCS Tân Túc               | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1001 | Ngữ văn | LÊ YẾN            | NHI    | THCS Vĩnh Lộc A            | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1002 | Ngữ văn | Nguyễn Minh       | Anh    | THCS Colette               | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1003 | Ngữ văn | Trần Quỳnh Lan    | Anh    | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1004 | Ngữ văn | Nguyễn Huy        | Cánh   | THCS Nguyễn Hữu Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 1005 | Ngữ văn | NGUYỄN THỊ NGỌC   | CHÂU   | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1006 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Tuyết  | Dung   | THCS Bình Chiểu            | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1007 | Ngữ văn | Vương Kim         | Dung   | THCS Bình Tây              | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1008 | Ngữ văn | LÂM MỸ            | DUYÊN  | THCS Tân Tạo               | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1009 | Ngữ văn | Nguyễn Đặng Thùy  | Dương  | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1010 | Ngữ văn | Trần Nguyễn Thùy  | Dương  | THCS Trần Quang Khải       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1011 | Ngữ văn | Nguyễn Thuý       | Hiền   | THCS Đặng Trần Côn         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1012 | Ngữ văn | Hoàng Gia         | Huy    | THCS Lê lợi                | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1013 | Ngữ văn | Lê Trần Minh      | Khoa   | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1014 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Thuý   | Nga    | THCS Phong Phú             | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1015 | Ngữ văn | Nguyễn Huỳnh Thu  | Ngân   | THCS Chánh Hưng            | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 1016 | Ngữ văn | Lê Nguyễn Quỳnh   | Nhì    | THCS Tân Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1017 | Ngữ văn | Bùi Thị Quỳnh     | Như    | THCS Phan Bội Châu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |

|      |         |                   |        |                        |                              |     |
|------|---------|-------------------|--------|------------------------|------------------------------|-----|
| 1018 | Ngữ văn | GIANG THỊ MỘNG    | NHU    | THCS Tân Tạo           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1019 | Ngữ văn | Nguyễn Hoàng      | Như    | THCS Kim Đồng          | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 1020 | Ngữ văn | Lê Ánh            | Phương | THCS Phạm Đình Hổ      | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1021 | Ngữ văn | Trần Minh         | Phương | THCS Đồng Đa           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1022 | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc Hương | Quỳnh  | THCS Bạch Đằng         | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1023 | Ngữ văn | Đào Lê Phương     | Thảo   | THCS Nguyễn Văn Trỗi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1024 | Ngữ văn | Phan Thanh        | Thảo   | THCS Tăng Nhơn Phú B   | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1025 | Ngữ văn | Trần Thị Thanh    | Thúy   | THCS Phan Bội Châu     | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 1026 | Ngữ văn | Lê Minh           | Thư    | THCS Phạm Văn Chiêu    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1027 | Ngữ văn | Lê Nguyễn Anh     | Thư    | THCS Diên Hồng         | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 1028 | Ngữ văn | Trịnh Kim         | Thư    | THCS Nguyễn Thái Bình  | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1029 | Ngữ văn | NGUYỄN THỊ THU    | TRANG  | THCS Hậu Giang         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1030 | Ngữ văn | Trương Thanh Thảo | Uyên   | THCS Chánh Hưng        | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 1031 | Ngữ văn | Ngô Đặng Tường    | Vy     | THCS Nguyễn Văn Quỳ    | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1032 | Ngữ văn | Nguyễn Khánh      | Vy     | THCS Lê lợi            | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1033 | Ngữ văn | Nguyễn Thùy Gia   | Hân    | THCS Tăng Bạt Hổ A     | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 1034 | Ngữ văn | TÔ NGUYỄN NGỌC    | ANH    | THCS Nguyễn Văn Tổ     | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 1035 | Ngữ văn | Hà Tú Ân          | Ân     | THCS Đồng Đa           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1036 | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc Minh  | Châu   | THCS Tân Phú           | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1037 | Ngữ văn | Phạm Nhã          | Diễm   | THCS Nguyễn Bình Khiêm | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1038 | Ngữ văn | Dụng Nguyễn Hạnh  | Dung   | THCS Hà Huy Tập        | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1039 | Ngữ văn | Huỳnh Ngọc        | Dung   | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 1040 | Ngữ văn | Nguyễn Phạm Hương | Giang  | THCS Trường Chinh      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1041 | Ngữ văn | Nguyễn Lê Như     | Hảo    | THCS Nguyễn Hữu Thọ    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 1042 | Ngữ văn | Huỳnh Thị Thanh   | Hiền   | THCS Trương Văn Ngu    | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1043 | Ngữ văn | Tô Gia            | Huệ    | THCS Bình Tây          | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1044 | Ngữ văn | Nguyễn Hoài Thùy  | Linh   | THCS Phan Tây Hồ       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1045 | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc       | Minh   | THCS Ngô Tất Tố        | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Nhì |
| 1046 | Ngữ văn | Trương Quỳnh      | My     | THCS Đặng Trần Côn     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1047 | Ngữ văn | Trần Thái         | Ngân   | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1048 | Ngữ văn | Đặng Ngọc Xuân    | Nghi   | THCS Lạc Hồng          | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |

|      |         |                    |        |                            |                              |     |
|------|---------|--------------------|--------|----------------------------|------------------------------|-----|
| 1049 | Ngữ văn | Phạm Hoàng Bảo     | Ngọc   | THCS Ngô Tất Tố            | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Nhì |
| 1050 | Ngữ văn | Trần Bảo           | Ngọc   | THCS Phan Bội Châu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1051 | Ngữ văn | Hồ Ngọc Trúc       | Nguyên | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1052 | Ngữ văn | Hà Thái Phương     | Nhi    | THCS Huỳnh Văn Nghệ        | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1053 | Ngữ văn | Nguyễn Lê Huỳnh    | Như    | THCS Bình Trị Đông         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1054 | Ngữ văn | NGUYỄN NGỌC        | NINH   | THCS Sương Nguyệt Anh      | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 1055 | Ngữ văn | HÀ THỊ THANH       | PHƯƠNG | THCS Tân Túc               | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1056 | Ngữ văn | VŨ THỊ BẢO         | PHƯƠNG | THCS Đồng Đen              | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1057 | Ngữ văn | Đào Uyên           | Thảo   | THCS Nguyễn An Khương      | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 1058 | Ngữ văn | Nguyễn Phương      | Thảo   | THCS Trần Quốc Toàn        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1059 | Ngữ văn | Vũ Thu             | Thảo   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1060 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Ngọc    | Thủy   | THCS Tân Sơn               | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1061 | Ngữ văn | Trần Nguyễn Anh    | Thư    | THCS Tăng Bạt Hổ A         | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 1062 | Ngữ văn | Trần Thị Minh      | Thư    | THCS Ngô Tất Tố            | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Nhì |
| 1063 | Ngữ văn | Nguyễn Huỳnh Anh   | Thy    | THCS Nguyễn Văn Bé         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1064 | Ngữ văn | Vũ Thị Thanh       | Trang  | THCS Phạm Văn Chiêu        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1065 | Ngữ văn | Ngô Huỳnh Thanh    | Trâm   | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1066 | Ngữ văn | Trần Hoài          | Trân   | THCS Ngô Quyền             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1067 | Ngữ văn | Nguyễn Hoàng Thiên | Trúc   | THCS Nguyễn Văn Bá         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1068 | Ngữ văn | Lê Mỹ              | Tú     | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1069 | Ngữ văn | Trần Nguyễn Phi    | Vân    | THCS Phước Bình            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1070 | Ngữ văn | Nguyễn Đình Thụy   | Vy     | THCS Phước Bình            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1071 | Ngữ văn | Trần Ngọc          | Ý      | THCS Ngô Sĩ Liên           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1072 | Ngữ văn | Vũ Lê Ngọc         | Hà     | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 1073 | Ngữ văn | Phạm Lê Uyên       | Nghi   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 1074 | Ngữ văn | Lê Hoàng Minh      | Thư    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 1075 | Ngữ văn | Nguyễn Minh        | Hạnh   | THCS Võ Trường Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 1076 | Ngữ văn | Trần Bảo           | Hân    | THCS Lê Anh Xuân           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 1077 | Ngữ văn | Dương Nguyễn Quỳnh | Anh    | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1078 | Ngữ văn | Nguyễn Văn         | Anh    | THCS Colette               | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba  |
| 1079 | Ngữ văn | Vũ Nguyễn Thị Lan  | Anh    | THCS Tam Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba  |

|      |         |                    |       |                             |                              |    |
|------|---------|--------------------|-------|-----------------------------|------------------------------|----|
| 1080 | Ngữ văn | Trương Hoàng Ngọc  | Bích  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1081 | Ngữ văn | LÊ THỊ MINH        | CHÂU  | THCS Đức Trí                | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 1082 | Ngữ văn | Lê Chí             | Cường | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 1083 | Ngữ văn | TRẦN KHÁNH         | DU    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1084 | Ngữ văn | Lưu Nhã            | Đình  | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 1085 | Ngữ văn | Phan Hiền Minh     | Đức   | THCS Kiến Thiết             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 1086 | Ngữ văn | Trần Kim           | Hào   | THCS Tân Xuân               | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1087 | Ngữ văn | Trần Thị Kim       | Hân   | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1088 | Ngữ văn | Nguyễn Thanh       | Liêm  | THCS Hoàng Quốc Việt        | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1089 | Ngữ văn | Phan Nguyễn Nhã    | Linh  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1090 | Ngữ văn | Nguyễn Hoàng       | Mai   | THCS Lê Lai                 | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 1091 | Ngữ văn | Quách Uyển         | My    | THCS Nguyễn Bình Khiêm      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1092 | Ngữ văn | Hồ Thanh           | Ngân  | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1093 | Ngữ văn | NGUYỄN NGỌC KIM    | NGÂN  | THCS Đồng Đen               | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1094 | Ngữ văn | LƯU HỒNG           | NGỌC  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1095 | Ngữ văn | Nguyễn Huỳnh Khánh | Ngọc  | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 1096 | Ngữ văn | Vũ Thị Bích        | Ngọc  | THCS Lê lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 1097 | Ngữ văn | Nguyễn Ngọc Thanh  | Nhã   | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1098 | Ngữ văn | Lê Trương Uyển     | Nhi   | THCS Ngô Tất Tố             | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 1099 | Ngữ văn | Nguyễn Huỳnh Thảo  | Nhi   | THCS Cầu Kiệu               | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 1100 | Ngữ văn | Phạm Quỳnh         | Nhi   | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1101 | Ngữ văn | Võ Yến             | Nhi   | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1102 | Ngữ văn | LÊ NGUYỄN THÙY     | NHU   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1103 | Ngữ văn | Trần Nguyễn Trọng  | Phú   | THCS Ngô Chí Quốc           | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1104 | Ngữ văn | Nguyễn Như         | Quỳnh | THCS Trần Hưng Đạo          | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 1105 | Ngữ văn | Lê Thị Hồng        | Sang  | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1106 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Thanh   | Thảo  | THCS Cầu Kiệu               | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 1107 | Ngữ văn | Phạm Xuân Thanh    | Thảo  | THCS Ba Đình                | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1108 | Ngữ văn | Vũ Thị Thanh       | Thảo  | THCS Trần Quang Khải        | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 1109 | Ngữ văn | Nguyễn Hoàng       | Thư   | THCS Giồng Ông Tố           | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 1110 | Ngữ văn | Lê Đào Kim         | Trang | THCS Trần Quốc Tuấn         | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |

|      |         |                    |       |                            |                              |    |
|------|---------|--------------------|-------|----------------------------|------------------------------|----|
| 1111 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Hồng    | Trang | THCS Nguyễn Văn Quý        | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1112 | Ngữ văn | Nguyễn Thùy        | Trang | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 1113 | Ngữ văn | Lê Tường           | Vy    | THCS Nguyễn Văn Quý        | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1114 | Ngữ văn | Phạm Hoàng Hải     | Yên   | THCS Phan Bội Châu         | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 1115 | Ngữ văn | Lê Gia             | Hân   | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1116 | Ngữ văn | Nguyễn Phạm Thu    | Hoài  | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 1117 | Ngữ văn | Trần Khánh         | Linh  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Ba |
| 1118 | Ngữ văn | Lâm Phương         | Anh   | THCS Bình Thợ              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1119 | Ngữ văn | Nguyễn Trần Minh   | Anh   | THCS Trung Lập             | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1120 | Ngữ văn | Trần Thị Vân       | Anh   | THCS Trần Quang Khải       | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 1121 | Ngữ văn | Trần Hoàng         | Ấn    | THCS Hai Bà Trưng          | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 1122 | Ngữ văn | Hà Gia             | Bảo   | THCS Trường Chinh          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 1123 | Ngữ văn | Đinh Ngọc Bảo      | Châu  | THCS Cửu Long              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1124 | Ngữ văn | Phan Thị Kim       | Chi   | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1125 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Cẩm     | Giang | THCS Tân Nhựt              | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1126 | Ngữ văn | Ngô Ngọc Mỹ        | Hà    | THCS Tùng Thiện Vương      | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 1127 | Ngữ văn | Trần Ngọc Ngân     | Hà    | THCS Hồng Bàng             | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1128 | Ngữ văn | Dương Nguyễn Khánh | Huyền | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 1129 | Ngữ văn | Trần Kim Thiên     | Hương | THCS Phú Mỹ                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1130 | Ngữ văn | Đặng Tuyết         | Kim   | THCS Khánh Hội A           | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |
| 1131 | Ngữ văn | Đoàn Võ Diệu       | Linh  | THCS Trần Quốc Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 1132 | Ngữ văn | Huỳnh Thị Trúc     | Linh  | THCS Nguyễn Thái Bình      | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1133 | Ngữ văn | Lê Nguyễn Thảo     | Linh  | THCS Nam Sài Gòn           | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1134 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Thùy    | Linh  | THCS Đồng Khởi             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1135 | Ngữ văn | Dương Hải          | My    | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1136 | Ngữ văn | Nhan Huyền         | My    | THCS Thanh Đa              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1137 | Ngữ văn | Trần Thảo          | My    | THCS Trần Quốc Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 1138 | Ngữ văn | Ngô Kim            | Ngân  | THCS Ngô Chí Quốc          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1139 | Ngữ văn | Nguyễn Hoàng Kim   | Ngân  | THCS Lam Sơn               | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1140 | Ngữ văn | Nguyễn Bảo         | Ngọc  | THCS Hoàng Hoa Thám        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 1141 | Ngữ văn | Dương Tâm          | Như   | THCS Hậu Giang             | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |

|      |         |                   |        |                            |                              |      |
|------|---------|-------------------|--------|----------------------------|------------------------------|------|
| 1142 | Ngữ văn | Phạm Nguyễn Quỳnh | Như    | THCS Tân Kiên              | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba   |
| 1143 | Ngữ văn | Trần Thị Quỳnh    | Như    | THCS Tân Thạnh Đông        | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba   |
| 1144 | Ngữ văn | Võ Tố             | Như    | THCS Nguyễn Thị Thập       | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1145 | Ngữ văn | Huỳnh Thị Ngọc    | Phương | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba   |
| 1146 | Ngữ văn | Nguyễn Kiều       | Phương | THCS An Phú Đông           | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba   |
| 1147 | Ngữ văn | Phạm Thiên        | Phương | THCS Nguyễn Hữu Thọ        | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1148 | Ngữ văn | Đào Thục          | Quyên  | THCS Nguyễn Minh Hoàng     | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba   |
| 1149 | Ngữ văn | Nguyễn Văn        | Quỳnh  | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba   |
| 1150 | Ngữ văn | Võ Phạm Nhã       | Quỳnh  | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba   |
| 1151 | Ngữ văn | Huỳnh Nguyễn Kim  | Thanh  | THCS Nguyễn Văn Luông      | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba   |
| 1152 | Ngữ văn | Đinh Thu          | Thảo   | THCS Nguyễn Huệ            | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba   |
| 1153 | Ngữ văn | Nguyễn Thị Thanh  | Thảo   | THCS Tân Thới Hòa          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba   |
| 1154 | Ngữ văn | Nguyễn Thu        | Thảo   | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1155 | Ngữ văn | Phạm Hồng         | Thảo   | THCS Phan Bội Châu         | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba   |
| 1156 | Ngữ văn | Lê Hoài           | Thương | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba   |
| 1157 | Ngữ văn | Nguyễn Ngô Nhật   | Thy    | THCS Hồng Bàng             | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1158 | Ngữ văn | Dương Thùy        | Trang  | THCS Lê Anh Xuân           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba   |
| 1159 | Ngữ văn | Đặng Thị Thu      | Trang  | THCS Phan Công Hớn         | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba   |
| 1160 | Ngữ văn | Đỗ Thị Thu        | Trang  | THCS Ngô Chí Quốc          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba   |
| 1161 | Ngữ văn | Phan Quỳnh Hương  | Trinh  | THCS Bình An               | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba   |
| 1162 | Ngữ văn | Trần Thanh        | Trúc   | THCS Trương Vĩnh Ký        | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba   |
| 1163 | Ngữ văn | Vũ Lâm Tố         | Uyên   | THCS Trần Quốc Tuấn        | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1164 | Ngữ văn | Cao Lê Thuý       | Vy     | THCS Hồ Văn Long           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba   |
| 1165 | Ngữ văn | Đoàn Nguyễn Tường | Vy     | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba   |
| 1166 | Ngữ văn | Phạm Lê Thuý      | Vy     | THCS Nguyễn Bình Khiêm     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba   |
| 1167 | Ngữ văn | Vũ Ngọc Phương    | Vy     | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba   |
| 1168 | Ngữ văn | Trần Thị Cẩm      | Xương  | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba   |
| 1169 | Ngữ văn | Trần Văn          | Anh    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Ba   |
| 1170 | Ngữ văn | Nguyễn Phúc Quỳnh | Như    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Ba   |
| 1171 | Ngữ văn | Lâm Thị Ngọc      | Giàu   | THCS Đa Phước              | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba   |
| 1172 | Lịch sử | Nguyễn Thanh      | Mai    | THCS Tăng Nhơn Phú B       | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |

|      |         |                  |        |                         |                              |      |
|------|---------|------------------|--------|-------------------------|------------------------------|------|
| 1173 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc      | Trình  | THCS Long Phước         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |
| 1174 | Lịch sử | Phạm Trần Duy    | Tân    | THCS Lý Tự Trọng        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1175 | Lịch sử | Bồ Khánh         | Ngọc   | THCS Hoàng Văn Thụ      | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhất |
| 1176 | Lịch sử | Phạm Võ Minh     | Anh    | THCS-THPT Đinh Thiện Lý | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhất |
| 1177 | Lịch sử | Bùi Ngọc         | Hương  | THCS Lý Thường Kiệt     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhất |
| 1178 | Lịch sử | Đỗ Nguyễn Quốc   | Cường  | THCS Phan Tây Hồ        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1179 | Lịch sử | Lê Huỳnh Trung   | Nguyên | THCS Thông Tây Hội      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1180 | Lịch sử | Trương Như       | Thành  | THCS Nguyễn Hồng Đào    | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhất |
| 1181 | Lịch sử | Chu Gia          | Bảo    | THCS Nguyễn Du          | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1182 | Lịch sử | Phạm Điền Vũ     | Quân   | THCS Chu Văn An         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1183 | Lịch sử | Đặng Ngọc Như    | Quỳnh  | THCS Tăng Nhơn Phú B    | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |
| 1184 | Lịch sử | Hoàng Thị Thanh  | Bình   | THCS Thông Tây Hội      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1185 | Lịch sử | Nguyễn Thế       | Huy    | THCS Phan Tây Hồ        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1186 | Lịch sử | Trương Minh      | Nguyệt | THCS Phan Tây Hồ        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1187 | Lịch sử | Bùi Thị Hoàng    | My     | THCS Lam Sơn            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |
| 1188 | Lịch sử | Chu Thị Tuyết    | Nhi    | THCS Lê Lai             | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhất |
| 1189 | Lịch sử | Lê Thanh         | Thảo   | THCS Trương Công Định   | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |
| 1190 | Lịch sử | Phạm Hồ Tú       | Uyên   | THCS Nguyễn Văn Trỗi    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1191 | Lịch sử | Nguyễn Thanh     | Nhã    | THCS Dương Bá Trạc      | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhất |
| 1192 | Lịch sử | Huỳnh Văn        | Phúc   | THCS Nguyễn Thái Bình   | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 1193 | Lịch sử | Lã Tấn Hoài      | Trâm   | THCS Nguyễn Trãi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1194 | Lịch sử | Phạm Nguyễn Ngọc | Châu   | THCS Tăng Nhơn Phú B    | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhất |
| 1195 | Lịch sử | Lê Nguyễn Quang  | Huy    | THCS Thông Tây Hội      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1196 | Lịch sử | Nguyễn Thị Thùy  | Trang  | THCS Thông Tây Hội      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1197 | Lịch sử | Trần Đoàn Phương | Trâm   | THCS Phú Hòa Đông       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhất |
| 1198 | Lịch sử | Võ Hoàng         | Dung   | THCS Văn Lang           | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 1199 | Lịch sử | Huỳnh Thị Mỹ     | Duyên  | THCS Thông Tây Hội      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 1200 | Lịch sử | Trần Đức         | Hưng   | THCS Bình Trị Đông      | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì  |
| 1201 | Lịch sử | Trần Thị Kim     | Ngân   | THCS Đồng Khởi          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì  |
| 1202 | Lịch sử | Châu Trần Bảo    | Ngọc   | THCS Tăng Nhơn Phú B    | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì  |
| 1203 | Lịch sử | Võ Nguyễn Ngân   | Nguyên | THCS Tam Bình           | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì  |

|      |         |                    |        |                            |                             |     |
|------|---------|--------------------|--------|----------------------------|-----------------------------|-----|
| 1204 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc Phương | Trâm   | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1205 | Lịch sử | Lê Hứa Uyển        | Trân   | THCS Phú Mỹ                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1206 | Lịch sử | Vũ Hồng            | Huy    | THCS Tân Thạnh Đông        | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Nhì |
| 1207 | Lịch sử | Nguyễn Thị Thanh   | Ngoãn  | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhì |
| 1208 | Lịch sử | Đoàn Gia Cát       | Tường  | THCS Tăng Nhơn Phú B       | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 1209 | Lịch sử | Trương Lê Hồng     | Diễm   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 1210 | Lịch sử | Phạm Thảo          | Nhì    | THCS Thông Tây Hội         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1211 | Lịch sử | Đỗ Hoài            | Phương | THCS Bạch Đằng             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1212 | Lịch sử | Bùi Đình           | Quang  | THCS Trương Công Định      | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1213 | Lịch sử | Nguyễn Phước Phú   | Quý    | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1214 | Lịch sử | Tổng Thị Mỹ        | Tiên   | THCS Đồng Đa               | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1215 | Lịch sử | Nguyễn Thị Thanh   | Trúc   | THCS Nguyễn Trãi           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1216 | Lịch sử | Trần Mạnh          | Tường  | THCS Nguyễn Trãi           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1217 | Lịch sử | Đặng Hoàng Phương  | Uyên   | THCS Tăng Nhơn Phú B       | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 1218 | Lịch sử | Nguyễn Đăng        | Đình   | THCS Kiến Thiết            | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1219 | Lịch sử | Kiều Quốc          | Hào    | THCS Chu Văn An            | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1220 | Lịch sử | Nguyễn Xuân        | Hoài   | THCS Bình Hưng Hòa         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Nhì |
| 1221 | Lịch sử | Vòng Thế           | Khải   | THCS Đồng Khởi             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì |
| 1222 | Lịch sử | Huỳnh Minh         | Tiên   | THCS Võ Trường Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1223 | Lịch sử | Hồ Nguyễn Gia      | Bảo    | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa | #N/A                        | Nhì |
| 1224 | Lịch sử | Hồ Nguyễn Phương   | Anh    | THCS Tam Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhì |
| 1225 | Lịch sử | Trần Ngọc Bảo      | Hân    | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1226 | Lịch sử | Phạm Sáng Thanh    | Linh   | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì |
| 1227 | Lịch sử | Tăng Như           | Mai    | THCS Hoàng Quốc Việt       | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 1228 | Lịch sử | Bùi Lê Hoài        | Thu    | THCS An Lạc                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Nhì |
| 1229 | Lịch sử | Nguyễn Hà Ngọc     | Trân   | THCS Đức Trí               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1230 | Lịch sử | Nguyễn Thanh       | Trúc   | THCS Trần Văn Ôn           | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1231 | Lịch sử | Triệu Đào Nguyên   | Tỷ     | THCS An Lạc                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Nhì |
| 1232 | Lịch sử | Lê Thanh           | Duy    | THCS Lê Lai                | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì |
| 1233 | Lịch sử | Quách Nhã          | Hoàn   | THCS Trần Bội Cơ           | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 1234 | Lịch sử | Nguyễn Phan Hoàng  | Huy    | THCS Trần Quốc Tuấn        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |

|      |         |                   |       |                       |                              |     |
|------|---------|-------------------|-------|-----------------------|------------------------------|-----|
| 1235 | Lịch sử | Trần Mạnh         | Hùng  | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 1236 | Lịch sử | Trần Thiên        | Phát  | THCS Bình An          | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 1237 | Lịch sử | Huỳnh Văn         | Sang  | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 1238 | Lịch sử | Trần Thị Mỹ       | Sang  | THCS Bình Đông        | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 1239 | Lịch sử | Trương Thanh      | Thảo  | THCS Lam Sơn          | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1240 | Lịch sử | Nguyễn Kim        | Tuyền | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 1241 | Lịch sử | Nguyễn Thị Thanh  | Tuyền | THCS Lam Sơn          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1242 | Lịch sử | Trần Thị Hiền     | Vinh  | THCS Trần Quốc Tuấn   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 1243 | Lịch sử | Chiêm Xuân        | Ánh   | THCS Bình Trị Đông    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1244 | Lịch sử | Nguyễn Hồng Thanh | Nhã   | THCS Văn Lang         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1245 | Lịch sử | Đoàn Hồng Phương  | Uyên  | THCS Giồng Ông Tố     | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Nhì |
| 1246 | Lịch sử | Phạm Thành        | Long  | THCS Trần Quốc Toàn   | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1247 | Lịch sử | Nguyễn Minh       | Anh   | THCS Tăng Nhơn Phú B  | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 1248 | Lịch sử | Nguyễn Lê Trung   | Dũng  | THCS Hoàng Hoa Thám   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 1249 | Lịch sử | Hồ Bội            | Đình  | THCS Trương Công Định | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 1250 | Lịch sử | Trần Thu          | Hiền  | THCS Đức Trí          | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 1251 | Lịch sử | Lý Thành          | Hiếu  | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 1252 | Lịch sử | Phạm Phước        | Hưng  | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 1253 | Lịch sử | Đoàn Thị Phương   | Lan   | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 1254 | Lịch sử | Trương Tuyết      | Nhi   | THCS Lê Lai           | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 1255 | Lịch sử | Huỳnh Trí         | Thiện | THCS Tân Nhựt         | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 1256 | Lịch sử | Nguyễn Trần Huyền | Trân  | THCS Trần Quốc Toàn   | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 1257 | Lịch sử | Nguyễn Thị Thanh  | Trúc  | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba  |
| 1258 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc       | Tuấn  | THCS Dương Bá Trạc    | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 1259 | Lịch sử | Hồ Ngọc Như       | Ý     | THCS Nguyễn Thị Thập  | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |
| 1260 | Lịch sử | Phùng Quốc        | Đại   | THCS Trần Quốc Tuấn   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |
| 1261 | Lịch sử | Hứa Minh          | Đạt   | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 1262 | Lịch sử | Nguyễn Thái       | Hiền  | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 1263 | Lịch sử | Trần Tấn          | Phúc  | THCS Nguyễn Thị Định  | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba  |
| 1264 | Lịch sử | Hoàng Anh         | Tâm   | THCS Bình An          | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba  |

|      |         |                  |        |                       |                              |    |
|------|---------|------------------|--------|-----------------------|------------------------------|----|
| 1265 | Lịch sử | Trương Mỹ        | Tâm    | THCS Đồng Khởi        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1266 | Lịch sử | Lê Huỳnh Minh    | Thư    | THCS Nguyễn Thị Thập  | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1267 | Lịch sử | Mai Thị Yên      | Trâm   | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1268 | Lịch sử | Huỳnh Ngọc Thanh | Trúc   | THCS Nguyễn Thái Bình | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1269 | Lịch sử | Nguyễn Thị Thanh | Trúc   | THCS Thạnh Mỹ Lợi     | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 1270 | Lịch sử | Phạm Châu        | Bình   | THCS Hoàng Văn Thụ    | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 1271 | Lịch sử | Đỗ Châu Thiện    | Thanh  | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 1272 | Lịch sử | Trang Thị Thanh  | Vì     | THCS Long Hoà         | Phòng GD-ĐT Huyện Cần Giờ    | Ba |
| 1273 | Lịch sử | Đặng Nguyễn Trâm | Anh    | THCS Trần Văn Ôn      | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 1274 | Lịch sử | Diệp Lê Hoàn     | Ấn     | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1275 | Lịch sử | Trần Như         | Hào    | THCS Võ Văn Tần       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 1276 | Lịch sử | Đoàn Thị Thanh   | Hiếu   | THCS Long Trường      | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 1277 | Lịch sử | Đặng Hoàng Tuấn  | Kiệt   | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1278 | Lịch sử | Bùi Tiến         | Nguyên | THCS Ngô Chí Quốc     | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1279 | Lịch sử | Tổng Thị Thuý    | Oanh   | THCS Trần Quốc Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 1280 | Lịch sử | Giang Tuyết      | Thanh  | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1281 | Lịch sử | Lê Uyên          | Thi    | THCS Bình An          | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 1282 | Lịch sử | Lê Ngọc Minh     | Châu   | THCS Lê Văn Hưu       | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1283 | Lịch sử | Đặng Phạm Trúc   | Linh   | THCS Tam Bình         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1284 | Lịch sử | La Cao           | Mẫn    | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1285 | Lịch sử | Nguyễn Đỗ Trà    | My     | THCS Linh Đông        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1286 | Lịch sử | Trần Thị Anh     | Thư    | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1287 | Lịch sử | Huỳnh Minh       | Ánh    | THCS Nguyễn Hiền      | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1288 | Lịch sử | Nguyễn Thị Ngọc  | Chi    | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1289 | Lịch sử | Nguyễn Nam       | Duy    | THCS Đống Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1290 | Lịch sử | Lưu Thị Thuý     | Dương  | THCS Nguyễn Thái Bình | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1291 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc Bảo  | Hân    | THCS Đống Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1292 | Lịch sử | Huỳnh Lê Ngọc    | Hiệp   | TRƯỜNG THCS Lữ Gia    | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 1293 | Lịch sử | Huỳnh Thị Tú     | Hoa    | THCS Hai Bà Trưng     | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1294 | Lịch sử | Huỳnh Song       | Hưng   | THCS Nguyễn An Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1295 | Lịch sử | Phạm Thị         | Liên   | THCS Bình Hòa         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |

|      |         |                     |        |                       |                              |    |
|------|---------|---------------------|--------|-----------------------|------------------------------|----|
| 1296 | Lịch sử | Tăng Thị Thuỳ       | Linh   | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1297 | Lịch sử | Nguyễn Hương        | Ly     | THCS Nguyễn Văn Phú   | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 1298 | Lịch sử | Lê Thị Kim          | Ngân   | THCS Tân Thạnh Đông   | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1299 | Lịch sử | Trần Kim            | Ngân   | THCS Bình Tây         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1300 | Lịch sử | Ngô Tuyết           | Nghi   | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1301 | Lịch sử | Nguyễn Minh         | Nhật   | THCS Thị Trấn 2       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1302 | Lịch sử | Hoàng Gia           | Phát   | THCS Nguyễn An Ninh   | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 1303 | Lịch sử | Tiêu Uyển           | Tâm    | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1304 | Lịch sử | Phạm Minh           | Thành  | THCS Bình Trị Đông A  | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 1305 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc Phương  | Thảo   | THCS Tăng Bạt Hổ A    | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |
| 1306 | Lịch sử | Nguyễn Thị Xuân     | Thảo   | THCS Xuân Thới Thượng | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1307 | Lịch sử | Trương Thị Thái     | Thảo   | THCS Nguyễn Hồng Đào  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1308 | Lịch sử | Phạm Thị Hồng       | Thắm   | THCS Bình Chánh       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1309 | Lịch sử | Nguyễn Thị Minh     | Thư    | THCS Lý Thường Kiệt   | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 1310 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc         | Trân   | THCS Bình Trị Đông A  | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 1311 | Lịch sử | Lương Phương        | Uyên   | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1312 | Lịch sử | Vũ Thúy             | Vy     | THCS Lam Sơn          | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1313 | Lịch sử | Phùng Ánh           | Ngọc   | THCS An Phú           | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1314 | Lịch sử | Võ Thị Ngọc         | Thư    | THCS Nguyễn Đức Cảnh  | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1315 | Lịch sử | Hứa Lê Tú           | Quyên  | THCS Lý Thánh Tông    | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 1316 | Lịch sử | Đỗ Bùi Ngọc         | Thương | THCS Nguyễn Văn Bá    | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1317 | Lịch sử | Hồ Thị Thu          | Trang  | THCS Tân Thới Hòa     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1318 | Lịch sử | Lê Hồ               | Điệp   | THCS Trần Quốc Tuấn   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1319 | Lịch sử | Cao Thanh Phương    | Giang  | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 1320 | Lịch sử | Thạch Trung         | Kim    | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 1321 | Lịch sử | Bùi Thị Hoàng       | Mỹ     | THCS Hoàng Quốc Việt  | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1322 | Lịch sử | Trần Nguyệt         | Quốc   | THCS Chu Văn An       | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 1323 | Lịch sử | Lâm Trí             | Quyên  | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1324 | Lịch sử | Lương Nguyễn Phương | Quỳnh  | THCS Nguyễn Văn Luông | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1325 | Lịch sử | Lục Huỳnh Ngọc      | Xuân   | THCS Bình Tây         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1326 | Lịch sử | Lê Thị Hoàng        | An     | THCS Xuân Trường      | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |

|      |         |                    |        |                        |                              |      |
|------|---------|--------------------|--------|------------------------|------------------------------|------|
| 1327 | Lịch sử | Lê Thúy            | An     | THCS Trần Bội Cơ       | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1328 | Lịch sử | Mai Thị Thanh      | Hằng   | THCS Lê Văn Hưu        | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba   |
| 1329 | Lịch sử | Nguyễn Phương      | Nghi   | THCS Ngô Tất Tố        | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba   |
| 1330 | Lịch sử | Nguyễn Hồng Thảo   | Nguyên | THCS Trần Bội Cơ       | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1331 | Lịch sử | Nguyễn Ngọc Yến    | Nhi    | THCS Cầu Kiệu          | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba   |
| 1332 | Lịch sử | Nguyễn Trần Thục   | Quyên  | THCS Huỳnh Tấn Phát    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1333 | Lịch sử | Nguyễn Trần Phương | Uyên   | THCS Lý Phong          | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1334 | Lịch sử | Huỳnh Ngọc         | Hân    | THCS Nguyễn Văn Phú    | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba   |
| 1335 | Lịch sử | Lê Ngọc            | Hân    | THCS Nguyễn Tri Phương | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba   |
| 1336 | Lịch sử | Hồng Gia           | Linh   | THCS Lý Phong          | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1337 | Lịch sử | Châu Ái            | My     | THCS Nguyễn Văn Phú    | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba   |
| 1338 | Lịch sử | Nguyễn Thị Quỳnh   | Nga    | THCS Nguyễn Thị Định   | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba   |
| 1339 | Lịch sử | Lê Ngọc Như        | Quỳnh  | THCS Mạch Kiếm Hùng    | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1340 | Lịch sử | Phạm Đình          | Thịnh  | THCS Hoa Lư            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba   |
| 1341 | Lịch sử | Đặng Ngọc          | Tùng   | THCS Huỳnh Tấn Phát    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1342 | Lịch sử | Nguyễn Thanh       | Tuyền  | THCS Phước Vĩnh An     | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba   |
| 1343 | Địa lý  | Phạm Ngọc Ánh      | Tuyết  | THCS Nguyễn Văn Quý    | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhất |
| 1344 | Địa lý  | Lê Nguyễn Mỹ       | Hằng   | THCS Huỳnh Tấn Phát    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhất |
| 1345 | Địa lý  | Trương Thị Hồng    | Yến    | THCS Trần Bội Cơ       | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 1346 | Địa lý  | Đặng Huỳnh Vĩnh    | An     | THCS Trần Quốc Tuấn    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhất |
| 1347 | Địa lý  | Nguyễn Quang       | Vinh   | THCS Trần Văn Ôn       | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1348 | Địa lý  | Trần Thị Nguyệt    | Nga    | THCS Vĩnh Lộc B        | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 1349 | Địa lý  | Ngô Thị Thanh      | Vân    | THCS Xuân Trường       | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhất |
| 1350 | Địa lý  | Nguyễn Thị Kim     | Anh    | THCS Phan Tây Hồ       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1351 | Địa lý  | Lê Thị Yến         | Vy     | THCS Nguyễn Văn Nghi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1352 | Địa lý  | Võ Ngọc Châu       | Anh    | THCS Nguyễn An Ninh    | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhất |
| 1353 | Địa lý  | Lê Vĩnh            | Nguyên | THCS Gò Vấp            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1354 | Địa lý  | Lê Nguyễn Thùy     | Trang  | THCS Lê Anh Xuân       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 1355 | Địa lý  | Huỳnh Thị Thanh    | Tuyền  | THCS Vĩnh Lộc A        | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 1356 | Địa lý  | Trần Tú            | Uyên   | THCS Lam Sơn           | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhất |
| 1357 | Địa lý  | Nguyễn Quỳnh       | Giang  | THCS Lê Văn Tám        | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |

|      |        |                   |       |                     |                              |      |
|------|--------|-------------------|-------|---------------------|------------------------------|------|
| 1358 | Địa lý | Võ Quang          | Nhân  | THCS Nguyễn Du      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1359 | Địa lý | Dương Thanh       | Thảo  | THCS Hồ Văn Long    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhất |
| 1360 | Địa lý | Trịnh Thị Thu     | Trang | THCS Nguyễn Trãi    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1361 | Địa lý | Bạch Xuân         | Trúc  | THCS An Lạc         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhất |
| 1362 | Địa lý | Lê Anh            | Tuấn  |                     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhất |
| 1363 | Địa lý | Trương Thanh      | Vy    | THCS Minh Đức       | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1364 | Địa lý | Hồ Việt Phương    | Giang | THCS Lê Quý Đôn     | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhất |
| 1365 | Địa lý | Nguyễn Ngọc       | Hương | THCS Nguyễn Văn Quỳ | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhất |
| 1366 | Địa lý | Lâm Yên           | Ngọc  | THCS Tân Nhựt       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhất |
| 1367 | Địa lý | Võ Thị Kim        | Ngọc  | THCS Lê Lợi         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 1368 | Địa lý | Trần Thị Mỹ       | Tâm   | THCS Huỳnh Tấn Phát | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhất |
| 1369 | Địa lý | Lê Quang          | Thanh | THCS Nguyễn Trãi    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1370 | Địa lý | Võ Thị Bích       | Trâm  | THCS Đặng Trần Côn  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 1371 | Địa lý | Lương Mỹ          | Trình | THCS Minh Đức       | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1372 | Địa lý | Nguyễn Yên        | Vy    | THCS Đồng Khởi      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhất |
| 1373 | Địa lý | Nguyễn Việt Trung | Dương | THCS Võ Trường Toản | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1374 | Địa lý | Nguyễn Thúc       | Kiều  | THCS Nguyễn Văn Quỳ | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhất |
| 1375 | Địa lý | Trương Thiện      | Nhân  | THCS Nguyễn Du      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1376 | Địa lý | Huỳnh Thanh       | Tùng  | THCS Minh Đức       | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1377 | Địa lý | Lê Hồ Hồng        | Uyên  | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 1378 | Địa lý | Lê Nguyễn Tường   | Vân   | THCS Lương Thế Vinh | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1379 | Địa lý | Hà Võ Minh        | Vy    | THCS Võ Trường Toản | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhất |
| 1380 | Địa lý | Đinh Phạm Ngọc    | Ánh   | THCS Nguyễn An Ninh | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì  |
| 1381 | Địa lý | Tạ Vũ Ngọc        | Hân   | THCS Huỳnh Tấn Phát | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì  |
| 1382 | Địa lý | Nguyễn Trúc       | Ly    | THCS Trần Quốc Tuấn | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì  |
| 1383 | Địa lý | Nguyễn Thanh Như  | Quỳnh | THCS Nguyễn An Ninh | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì  |
| 1384 | Địa lý | Hà Thúc Nam       | Son   | THCS Huỳnh Tấn Phát | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì  |
| 1385 | Địa lý | Đỗ Phạm Minh      | Thư   | THCS Nguyễn Trãi    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 1386 | Địa lý | Võ Ngọc Diệu      | Thy   | THCS Võ Trường Toản | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 1387 | Địa lý | Nguyễn Phương     | Tùng  | THCS Lê Văn Tám     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì  |
| 1388 | Địa lý | Đỗ Quỳnh          | Anh   | THCS Hoa Lư         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì  |

|      |        |                   |        |                            |                              |     |
|------|--------|-------------------|--------|----------------------------|------------------------------|-----|
| 1389 | Địa lý | Vương Thị Phương  | Anh    | THCS Bàn Cờ                | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1390 | Địa lý | Phạm Thị Hồng     | Ánh    | THCS Phạm Văn Cội          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 1391 | Địa lý | Trần Khánh        | Lynh   | THCS Cầu Kiệu              | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Nhì |
| 1392 | Địa lý | Cao Quỳnh         | Mai    | THCS Ngô Sĩ Liên           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1393 | Địa lý | Lê Trần Đông      | Trúc   | THCS Hai Bà Trưng          | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1394 | Địa lý | Nguyễn Ngô Ngọc   | Uyên   | THCS Võ Văn Tần            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1395 | Địa lý | Trần Nguyễn Nhật  | Vy     | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1396 | Địa lý | Nguyễn Duy        | Hùng   | THCS Tân Phú Trung         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 1397 | Địa lý | Đào Nguyễn Quốc   | Huy    | THCS Lê Văn Tám            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1398 | Địa lý | Nguyễn Lê Lan     | Hương  | THCS Lê lợi                | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1399 | Địa lý | Lâm Vĩ Hiều       | Quân   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1400 | Địa lý | Đinh Ngọc Tú      | Anh    | THCS Phan Tây Hồ           | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1401 | Địa lý | Ng. Thanh Tuấn    | Kiệt   | THCS Vĩnh Lộc A            | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1402 | Địa lý | Trần Nguyên       | Linh   | THCS Thị trấn 2            | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 1403 | Địa lý | Lê Hồng           | Ngọc   | THCS An Phú Đông           | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 1404 | Địa lý | Huỳnh Nguyễn Hạnh | Nguyên | THCS Nguyễn An<br>Khương   | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 1405 | Địa lý | Nguyễn Yến        | Nhì    | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1406 | Địa lý | Lưu Trần          | Phúc   | THCS Nguyễn Thái Bình      | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1407 | Địa lý | Nguyễn Hoàng      | Tâm    | THCS Nguyễn Văn Quỳ        | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1408 | Địa lý | Nguyễn Minh       | Thư    | THCS Nguyễn Trãi           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1409 | Địa lý | Võ Trần Uyên      | Thương | THCS Nguyễn Đức Cảnh       | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1410 | Địa lý | Nguyễn Thị Thủy   | Tiên   | THCS Chi Lăng              | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 1411 | Địa lý | Đặng Hoàng Minh   | Trúc   | THCS Lê Văn Hưu            | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1412 | Địa lý | Tạ Minh Thảo      | Uyên   | THCS Khánh Hội A           | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 1413 | Địa lý | Trần Phạm Khánh   | Vy     | THCS Lê Lai                | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 1414 | Địa lý | Đàm Lê Hương      | Xuân   | THCS Võ Trường Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1415 | Địa lý | Nguyễn Như Tú     | Anh    | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa |                              | Nhì |
| 1416 | Địa lý | Trần Xuân         | Ái     | THCS Hoa Lư                | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1417 | Địa lý | Lưu Nhật          | Anh    | THCS Phạm Hữu Lầu          | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 1418 | Địa lý | Phan Thành        | Đinh   | THCS Tô Ký                 | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |

|      |        |                  |       |                          |                              |     |
|------|--------|------------------|-------|--------------------------|------------------------------|-----|
| 1419 | Địa lý | Lương Mỹ         | Dung  | THCS Minh Đức            | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1420 | Địa lý | Chu Thúy         | Hiền  | THCS Bình Trị Đông A     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1421 | Địa lý | Vũ Ngọc Huy      | Hoàng | THCS Nguyễn Văn Trỗi     | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1422 | Địa lý | Nguyễn Văn Tiến  | Hung  | THCS Võ Văn Tần          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1423 | Địa lý | Cao Quỳnh        | Hương | THCS Phan Công Hớn       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 1424 | Địa lý | Tô Mai           | Hương | THCS Nguyễn Trãi         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1425 | Địa lý | Lê Doãn Đăng     | Khôi  | THCS Bàn Cờ              | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1426 | Địa lý | Tiêu Minh        | Lợi   | THCS Võ Trường Toản      | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1427 | Địa lý | Châu Trần Bảo    | Nghi  | THCS Bình Thọ            | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1428 | Địa lý | Vũ Gia           | Nhì   | THCS Tân Tạo             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 1429 | Địa lý | Phạm Phương      | Quỳnh | THCS Lam Sơn             | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1430 | Địa lý | Hà Quang         | Tín   | THCS Minh Đức            | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1431 | Địa lý | Ngô Thị          | Trang | THCS Tam Bình            | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1432 | Địa lý | Phạm Nguyễn Uyên | Trâm  | THCS Lê lợi              | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1433 | Địa lý | Lê Hải           | Yến   | THCS Tăng Bạt Hổ A       | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 1434 | Địa lý | Trần Vũ Kim      | Anh   | THCS Thạnh Mỹ Lợi        | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Nhì |
| 1435 | Địa lý | Lê Công          | Chánh | THCS Tân Túc             | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1436 | Địa lý | Lê Võ Kiều       | Diễm  | THCS Minh Đức            | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1437 | Địa lý | Nguyễn Trần Mỹ   | Duyên | THCS Linh Trung          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1438 | Địa lý | Phạm Thảo        | Hiền  | THCS Hoa Lư              | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1439 | Địa lý | Hoàng Thị        | Hồng  | THCS Bình Chiểu          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1440 | Địa lý | Bùi Nguyễn Phúc  | Khang | THCS Vĩnh Lộc A          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1441 | Địa lý | Lâm Thị Thùy     | Linh  | THCS Nguyễn Ảnh Thủ      | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 1442 | Địa lý | Lê Thị Trà       | My    | THCS Trần Hưng Đạo       | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 1443 | Địa lý | Phạm Nguyễn Hoài | Nam   | THCS Nguyễn Trãi         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1444 | Địa lý | Nguyễn Thị Yến   | Nhì   | THCS Phan Tây Hồ         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1445 | Địa lý | Phan Tấn         | Phát  | THCS Phú Hòa Đông        | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 1446 | Địa lý | Huỳnh Ngọc       | Tài   | THCS Long Phước          | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1447 | Địa lý | Phan Thanh       | Tâm   | THCS Phước Vĩnh An       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 1448 | Địa lý | Huỳnh Anh        | Thư   | THCS Nguyễn An<br>Khương | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |

|      |        |                    |        |                        |                              |     |
|------|--------|--------------------|--------|------------------------|------------------------------|-----|
| 1449 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Phương | Trang  | THCS Nguyễn Bình Khiêm | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1450 | Địa lý | Lê Thị Thanh       | Vân    | THCS Hòa Phú           | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 1451 | Địa lý | Nguyễn Thụy Nhật   | Vy     | THCS Hoa Lư            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1452 | Địa lý | Dương Gia          | Bảo    | THCS Nguyễn Thái Bình  | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 1453 | Địa lý | Trần Huỳnh Phương  | Giao   | THCS Nguyễn Trãi       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1454 | Địa lý | Tô Minh            | Hiếu   | THCS Lam Sơn           | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |
| 1455 | Địa lý | Nguyễn Thanh       | Mai    | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 1456 | Địa lý | Trần Thị Thanh     | Ngân   | THCS Nguyễn Thái Bình  | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 1457 | Địa lý | Nguyễn Hoàng       | Nhi    | THCS Huỳnh Tấn Phát    | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |
| 1458 | Địa lý | Phạm Thị Tuyết     | Nhi    | THCS Lương Định Của    | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba  |
| 1459 | Địa lý | Phan Ngọc Hương    | Quỳnh  | THCS Tân Nhựt          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 1460 | Địa lý | Trần Hoàng         | Thanh  | THCS Long Phước        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 1461 | Địa lý | Đỗ Nguyễn Thành    | Tiến   | THCS Trần Bội Cơ       | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 1462 | Địa lý | Hà Dương Bảo       | Trân   | THCS An Lạc            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba  |
| 1463 | Địa lý | Lâm Uyên           | Trân   | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba  |
| 1464 | Địa lý | Ngô Minh           | Châu   | THCS Nguyễn An Ninh    | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba  |
| 1465 | Địa lý | Hồ Thị Hồng        | Chi    | THCS Minh Đức          | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 1466 | Địa lý | Lê Nguyên Bá       | Chủ    | THCS Phan Bội Châu     | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba  |
| 1467 | Địa lý | Nguyễn Thị Quỳnh   | Giang  | THCS Xuân Thới Thượng  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba  |
| 1468 | Địa lý | Dương Quỳnh        | Giao   | THCS Bình Chiểu        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba  |
| 1469 | Địa lý | Trần Trung         | Kiên   | THCS Nguyễn An Khương  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba  |
| 1470 | Địa lý | Phan Tú            | Lâm    | THCS Long Bình         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 1471 | Địa lý | Khuru Vĩ           | Lương  | THCS Phú Thọ           | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba  |
| 1472 | Địa lý | Bùi Thu Tuyết      | Ngân   | THCS Bàn Cờ            | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba  |
| 1473 | Địa lý | Nguyễn Khắc        | Nghiêm | THCS Chu Văn An        | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba  |
| 1474 | Địa lý | Nguyễn Đặng Tuyết  | Nhi    | THCS Hậu Giang         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |
| 1475 | Địa lý | Nguyễn Thị Kim     | Quyên  | THCS Trần Hưng Đạo     | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba  |
| 1476 | Địa lý | Nguyễn Hoàng Xuân  | Thùy   | THCS Lê Lai            | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |

|      |        |                  |           |                       |                              |    |
|------|--------|------------------|-----------|-----------------------|------------------------------|----|
| 1477 | Địa lý | Trần Lê Mộng     | Thùy      | THCS Phan Công Hớn    | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1478 | Địa lý | Nguyễn           | Thị Thươn | THCS Vĩnh Lộc A       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1479 | Địa lý | Mai Thị Bảo      | Trâm      | THCS Nguyễn Trãi      | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 1480 | Địa lý | Lý Cung          | Trúc      | THCS Bình Trị Đông A  | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 1481 | Địa lý | Lê Hoàng Thái    | Tuấn      | THCS Thạnh Mỹ Lợi     | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 1482 | Địa lý | Phạm Hồng        | Ái        | THCS Huỳnh Tấn Phát   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1483 | Địa lý | Võ Thành         | An        | THCS Âu Lạc           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 1484 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Lan  | Anh       | THCS Tân Phú          | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 1485 | Địa lý | Huỳnh Thị Ngọc   | Châu      | THCS Tân Nhựt         | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1486 | Địa lý | Trần Ngọc Thùy   | Dương     | THCS Phạm Văn Cội     | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1487 | Địa lý | Đặng Nhật        | Đan       | THCS Tam Bình         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 1488 | Địa lý | Lưu Gia          | Hào       | THCS Mạch Kiếm Hùng   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1489 | Địa lý | Phan Thị Thanh   | Huyền     | THCS Vĩnh Lộc A       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 1490 | Địa lý | Đỗ Như           | Huỳnh     | THCS Trương Công Định | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1491 | Địa lý | Nguyễn Hoàng Mỹ  | Ngọc      | THCS Văn Thân         | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1492 | Địa lý | Nguyễn Thị Quỳnh | Như       | THCS Phạm Ngọc Thạch  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 1493 | Địa lý | Nguyễn Thị Kiều  | Oanh      | THCS Nguyễn Trãi      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 1494 | Địa lý | Nguyễn Tiến Anh  | Quân      | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 1495 | Địa lý | Lê Thị Thu       | Quyên     | THCS Phạm Hữu Lầu     | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1496 | Địa lý | Trần Minh        | Thư       | THCS Nguyễn Văn Quỳ   | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 1497 | Địa lý | Trương Thị Minh  | Trâm      | THCS Tân Xuân         | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1498 | Địa lý | Trần Đình Bảo    | Trân      | THCS Nguyễn Văn Trỗi  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 1499 | Địa lý | Phạm Ngô Nhật    | Trường    | THCS Phạm Đình Hổ     | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 1500 | Địa lý | Hứa Ngọc Phương  | Vy        | THCS Phạm Văn Cội     | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 1501 | Địa lý | Vũ Hoàng Vân     | Anh       | THCS Bàn Cờ           | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 1502 | Địa lý | Huỳnh Bảo        | Bảo       | THCS Phạm Hữu Lầu     | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 1503 | Địa lý | Bạch Bản         | Bộ        | THCS Bình Quới Tây    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 1504 | Địa lý | Trần Anh         | Hào       | THCS Trần Bội Cơ      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 1505 | Địa lý | Phạm Thị Mỹ      | Hoa       | THCS Nguyễn Hồng Đào  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 1506 | Địa lý | Trần Nam         | Khánh     | THCS Chi Lăng         | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |

|      |        |                   |        |                          |                             |    |
|------|--------|-------------------|--------|--------------------------|-----------------------------|----|
| 1507 | Địa lý | Lê Quốc           | Khoa   | THCS Nguyễn Văn Quý      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 1508 | Địa lý | Nguyễn Ngọc       | Khoa   | THCS Lê lợi              | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1509 | Địa lý | Lê Đăng Thanh     | Lan    | THCS Nguyễn Đức Cảnh     | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1510 | Địa lý | Nguyễn Thảo       | Mi     | THCS Kiến Thiết          | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1511 | Địa lý | Đoàn Thị Trà      | My     | THCS Trần Bội Cơ         | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1512 | Địa lý | Nguyễn Trần Kim   | Ngân   | THCS Lam Sơn             | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1513 | Địa lý | Phạm Chí          | Nghị   | THCS Lê Quý Đôn          | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1514 | Địa lý | Trần Nguyễn Việt  | Nguyên | THCS Phú Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1515 | Địa lý | Nguyễn Khắc Minh  | Nhật   | THCS Lê lợi              | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1516 | Địa lý | Huỳnh Thị Ngọc    | Nhung  | THCS Linh Trung          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 1517 | Địa lý | Võ Nguyễn Minh    | Quân   | THCS Chi Lăng            | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 1518 | Địa lý | Nguyễn Lâm Phương | Quỳnh  | THCS Đồng Khởi           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1519 | Địa lý | Trần Minh         | Thư    | THCS Xuân Thới<br>Thượng | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 1520 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Thanh | Vy     | THCS Phan Công Hớn       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 1521 | Địa lý | Nguyễn Ngọc Tường | Vy     | THCS Phạm Hữu Lầu        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1522 | Địa lý | Phan Hoài         | An     | THCS Hoa Lư              | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1523 | Địa lý | Nguyễn Thị Tú     | Anh    | THCS Lê lợi              | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1524 | Địa lý | Huỳnh Ngọc Vân    | Cát    | THCS Hai Bà Trưng        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1525 | Địa lý | Mai Thành         | Danh   | THCS Vân Đồn             | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 1526 | Địa lý | Nguyễn Thị Bích   | Hiền   | THCS Long Phước          | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1527 | Địa lý | Lê Thị Ngọc       | Hồng   | THCS Long Bình           | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1528 | Địa lý | Nguyễn Vương Gia  | Hy     | THCS Phú Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1529 | Địa lý | Nguyễn Thanh      | Lan    | THCS Bình Trị Đông A     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Ba |
| 1530 | Địa lý | Lê Thị Thanh      | Ngân   | THCS Tân Phú             | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1531 | Địa lý | Hoàng Thảo        | Nguyên | THCS Linh Đông           | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 1532 | Địa lý | Dương Tân         | Nhi    | THCS Phú Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1533 | Địa lý | Huỳnh Thị Mỹ      | Nhung  | THCS Nguyễn Văn Quý      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 1534 | Địa lý | Nguyễn Tiên       | Phát   | THCS Nguyễn Trãi         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 1535 | Địa lý | Hoàng Hà          | Phương | THCS Phan Tây Hồ         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 1536 | Địa lý | Nguyễn Thị Ngọc   | Phương | THCS Lê Văn Tám          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |

|      |           |                  |        |                            |                             |      |
|------|-----------|------------------|--------|----------------------------|-----------------------------|------|
| 1537 | Địa lý    | Đặng Minh        | Quang  | THCS Phan Công Hớn         | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba   |
| 1538 | Địa lý    | Nguyễn Ngọc Minh | Son    | THCS Âu Lạc                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba   |
| 1539 | Địa lý    | Trần Phương      | Thảo   | THCS Long Bình             | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba   |
| 1540 | Địa lý    | Trương Quang     | Thuần  | THCS Võ Trường Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba   |
| 1541 | Địa lý    | Nguyễn Phùng Anh | Thư    | THCS Xuân Thới<br>Thượng   | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba   |
| 1542 | Địa lý    | Hồ Thị Hồng      | Vy     | THCS Tân Thới Hòa          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba   |
| 1543 | Địa lý    | Võ Ngọc Tường    | Vy     | THCS Lê Quý Đôn            | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba   |
| 1544 | Địa lý    | Tào Thị Phương   | Linh   | THPT chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Ba   |
| 1545 | Tiếng Anh | Nguyễn Ngọc Minh | Trang  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1546 | Tiếng Anh | Bùi Nguyễn Thúy  | An     | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1547 | Tiếng Anh | Lê Mỹ            | Nhi    | THCS Phan Bội Châu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 1548 | Tiếng Anh | Vương Hữu        | Nam    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1549 | Tiếng Anh | Nguyễn Thị Bảo   | Trâm   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1550 | Tiếng Anh | Hoàng Quốc       | Anh    | THCS Nguyễn Văn Bé         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 1551 | Tiếng Anh | Võ Anh           | Quân   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1552 | Tiếng Anh | Huỳnh Thiện      | Nhân   | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1553 | Tiếng Anh | Trịnh Khánh      | Linh   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1554 | Tiếng Anh | Bùi Quốc Minh    | Quân   | THCS Cầu Kiệu              | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhất |
| 1555 | Tiếng Anh | Đặng Lưu Bảo     | Khánh  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1556 | Tiếng Anh | Đỗ Khắc          | Nguyên | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1557 | Tiếng Anh | Đoàn Việt        | Thành  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1558 | Tiếng Anh | Đào Nguyễn Minh  | Thông  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1559 | Tiếng Anh | Phan Lê Thành    | Tín    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1560 | Tiếng Anh | Lâm Thiên        | Nhựt   | THCS Trường Sơn            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1561 | Tiếng Anh | Võ Linh          | Đan    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1562 | Tiếng Anh | Hồ Hải           | Đặng   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1563 | Tiếng Anh | Trần Hà          | My     | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1564 | Tiếng Anh | Lương Hà Trung   | Nhi    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa |                             | Nhất |
| 1565 | Tiếng Anh | Ung Tùng         | Khang  | THCS Nguyễn Du             | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1566 | Tiếng Anh | Vương Trần Linh  | Linh   | THCS Võ Trường Toản        | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |

|      |           |                     |        |                             |                             |      |
|------|-----------|---------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 1567 | Tiếng Anh | Nguyễn Minh         | Nhật   | THCS Nguyễn Văn Tổ          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhất |
| 1568 | Tiếng Anh | Phạm Lê Linh        | Đan    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 1569 | Tiếng Anh | Lê Xuân             | Nhi    | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 1570 | Tiếng Anh | Nguyễn Hoàng Phương | Anh    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 1571 | Tiếng Anh | Trần Hồ Gia         | Bảo    | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 1572 | Tiếng Anh | Phan Đình Thiên     | Ấn     | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1573 | Tiếng Anh | Phạm Ngọc           | Thái   | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1574 | Tiếng Anh | Cam Duy             | Thông  | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhất |
| 1575 | Tiếng Anh | Trần Quỳnh          | Trúc   | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 1576 | Tiếng Anh | Nguyễn Tổ           | Uyên   | TH, THCS, THPT Việt Úc      | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhất |
| 1577 | Tiếng Anh | Chu Thanh           | Xuân   | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 1578 | Tiếng Anh | Lưu Quang           | Minh   | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 1579 | Tiếng Anh | Nguyễn Xuân         | Thịnh  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa  |                             | Nhất |
| 1580 | Tiếng Anh | Nguyễn Hoàng Tuấn   | Anh    | THCS Võ Trường Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 1581 | Tiếng Anh | Trần Bảo            | Anh    | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1582 | Tiếng Anh | Phạm Ngọc           | Ánh    | THCS Quang Trung            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1583 | Tiếng Anh | Lê Dương Khánh      | Chi    | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1584 | Tiếng Anh | Lương Nhật Ánh      | Ngọc   | THCS Hồng Bàng              | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 1585 | Tiếng Anh | Nguyễn Hoàng        | Nhân   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 1586 | Tiếng Anh | Nguyễn Lê Bảo       | Như    | TH, THCS, THPT Việt Úc      | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì  |
| 1587 | Tiếng Anh | Trần Vũ Minh        | Quân   | THCS Lê lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1588 | Tiếng Anh | Huỳnh Công Nam      | Son    | THCS Cầu Kiệu               | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhì  |
| 1589 | Tiếng Anh | Võ Thuỳ             | Trang  | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 1590 | Tiếng Anh | Mai Anh             | Duy    | THCS Phú Mỹ                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 1591 | Tiếng Anh | Hồ Nguyên           | Khang  | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1592 | Tiếng Anh | Nguyễn Tấn Phúc     | Khang  | THCS Đồng Đa                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì  |
| 1593 | Tiếng Anh | Bùi Trương Uyên     | Khanh  | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 1594 | Tiếng Anh | Huỳnh Duy           | Phúc   | THCS Nguyễn Văn Nghi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1595 | Tiếng Anh | Nguyễn Thế          | Phương | THCS Nguyễn Hiền            | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Nhì  |
| 1596 | Tiếng Anh | Đoàn Minh           | Tuấn   | THCS Võ Văn Tần             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 1597 | Tiếng Anh | Lê Vũ Gia           | Bảo    | THCS Đức Trí                | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhì  |

|      |           |                    |       |                                 |                             |     |
|------|-----------|--------------------|-------|---------------------------------|-----------------------------|-----|
| 1598 | Tiếng Anh | Tiêu Hoàng         | Long  | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 1599 | Tiếng Anh | Trương Huỳnh Bảo   | Minh  | THCS Bình Đông                  | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì |
| 1600 | Tiếng Anh | Phan Nguyễn Hoàng  | Nhật  | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1601 | Tiếng Anh | Lê Hoàng           | Phúc  | THCS Trần Văn Ôn                | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1602 | Tiếng Anh | Nguyễn Trí         | Tâm   | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1603 | Tiếng Anh | Trương Nguyễn Hùng | Thịnh | THCS Trần Quang Khải            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì |
| 1604 | Tiếng Anh | Nguyễn Minh        | Trí   | THCS Bạch Đằng                  | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1605 | Tiếng Anh | Trần Thành         | Trung | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1606 | Tiếng Anh | Bùi Vũ Thục        | Uyên  | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1607 | Tiếng Anh | Nguyễn Châu        | Duy   | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1608 | Tiếng Anh | Hồ Mai             | Hân   | THCS Nguyễn Gia Thiều           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 1609 | Tiếng Anh | Nguyễn Võ Đình     | Huy   | THCS Cầu Kiệu                   | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhì |
| 1610 | Tiếng Anh | Trần Đình          | Hưng  | THCS Kim Đồng                   | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 1611 | Tiếng Anh | Hà Minh            | Khánh | THCS Nguyễn Trãi                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1612 | Tiếng Anh | Hồ Gia             | Khiêm | Trung học thực hành Sài Gòn     | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 1613 | Tiếng Anh | Lê Anh             | Khoa  | THCS Trường Chinh               | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 1614 | Tiếng Anh | Nguyễn Li          | Li    | THCS Lê lợi                     | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1615 | Tiếng Anh | Nguyễn Trọng       | Nhân  | THCS Đống Đa                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1616 | Tiếng Anh | Nguyễn Cửu         | Phước | THCS Nguyễn Tri Phương          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 1617 | Tiếng Anh | Trần Quốc          | Thịnh | THCS Kim Đồng                   | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 1618 | Tiếng Anh | Lý Hoàng Thuỷ      | Tiên  | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1619 | Tiếng Anh | Nguyễn Cao Phương  | Trâm  | Trung học thực hành Sài Gòn     | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 1620 | Tiếng Anh | Nguyễn Trúc        | Vy    | THCS Nguyễn Hữu Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 1621 | Tiếng Anh | Trương Nhã         | Vy    | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhì |
| 1622 | Tiếng Anh | Phan Tân Hoàn      | Cương | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1623 | Tiếng Anh | Đoàn Nguyễn Khánh  | Đặng  | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1624 | Tiếng Anh | Lê Xuân            | Hoàng | THCS Nguyễn Hữu Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 1625 | Tiếng Anh | Hà Cửu Long        | Hồ    | THCS Hai Bà Trưng               | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1626 | Tiếng Anh | Huỳnh Thiên        | Kim   | THCS Lam Sơn                    | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhì |
| 1627 | Tiếng Anh | Phạm Huỳnh Phương  | Nghi  | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |

|      |           |                        |        |                                 |                             |     |
|------|-----------|------------------------|--------|---------------------------------|-----------------------------|-----|
| 1628 | Tiếng Anh | Tạ Nguyễn Thảo         | Nguyên | THCS Võ Trường Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1629 | Tiếng Anh | Vongthanasone Nguyễn H | Nguyên | THCS-THPT Đinh Thiện Lý         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì |
| 1630 | Tiếng Anh | Nguyễn Trang           | Thanh  | THCS Song ngữ Quốc tế Horizon   | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Nhì |
| 1631 | Tiếng Anh | Phan Nguyễn Minh       | Thư    | THCS Nguyễn Văn Trỗi            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1632 | Tiếng Anh | Liêu Bảo               | Trần   | THCS Nguyễn Tri Phương          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 1633 | Tiếng Anh | Nguyễn Anh             | Tuấn   | Trung học thực hành Sài Gòn     | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì |
| 1634 | Tiếng Anh | Phạm Phương            | Khanh  | THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa      | 0                           | Nhì |
| 1635 | Tiếng Anh | Võ Nguyễn Thành        | Danh   | THCS Quang Trung                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì |
| 1636 | Tiếng Anh | Nguyễn Anh Minh        | Filip  | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì |
| 1637 | Tiếng Anh | Phạm Vũ Văn            | Khánh  | THCS Hoàng Hoa Thám             | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì |
| 1638 | Tiếng Anh | Vũ Hải                 | My     | THCS Cách Mạng Tháng Tám        | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì |
| 1639 | Tiếng Anh | Huỳnh Nhật             | Nguyên | THCS Tam Bình                   | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhì |
| 1640 | Tiếng Anh | Hồ Thị Minh            | Phương | THCS Ngô Chí Quốc               | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhì |
| 1641 | Tiếng Anh | Đỗ Tuấn                | Son    | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì |
| 1642 | Tiếng Anh | Cao Thị Hồng           | Anh    | THCS Ngô Quyền                  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba  |
| 1643 | Tiếng Anh | Vũ Khải                | Anh    | THCS Lê lợi                     | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba  |
| 1644 | Tiếng Anh | Đinh Xuân              | Bách   | THCS Hoàng Văn Thụ              | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba  |
| 1645 | Tiếng Anh | Hồ Nguyễn Ngọc         | Bảo    | THCS Nguyễn Gia Thiều           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba  |
| 1646 | Tiếng Anh | Lê Minh                | Đại    | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba  |
| 1647 | Tiếng Anh | Lê Minh                | Hoàng  | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba  |
| 1648 | Tiếng Anh | Huỳnh Gia              | Huy    | THCS Minh Đức                   | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba  |
| 1649 | Tiếng Anh | Vũ Trần Đăng           | Khoa   | THCS Ngô Quyền                  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba  |
| 1650 | Tiếng Anh | Lê Uyên                | Khôi   | THCS Nam Sài Gòn                | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba  |
| 1651 | Tiếng Anh | Nguyễn Huỳnh Phương    | Ngân   | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba  |
| 1652 | Tiếng Anh | Vũ Hoàng Thảo          | Ngọc   | THCS Nguyễn Văn Nghi            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba  |
| 1653 | Tiếng Anh | Nguyễn Quốc Thanh      | Nhân   | THCS Nguyễn Trãi                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba  |
| 1654 | Tiếng Anh | Lê Phương              | Nhì    | THCS Phú Mỹ                     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba  |
| 1655 | Tiếng Anh | Trần Nguyên            | Phong  | THCS Trương Công Định           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba  |
| 1656 | Tiếng Anh | Nguyễn Đức Hoàng       | Phúc   | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba  |

|      |           |                   |       |                                 |                             |    |
|------|-----------|-------------------|-------|---------------------------------|-----------------------------|----|
| 1657 | Tiếng Anh | Nguyễn Kỳ Tường   | Phúc  | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 1658 | Tiếng Anh | Đào Ngọc          | Quang | THCS Lê Anh Xuân                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1659 | Tiếng Anh | Trần Bảo          | Thạch | THCS Võ Trường Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1660 | Tiếng Anh | Hoàng Phương      | Thảo  | THCS Đặng Tấn Tài               | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1661 | Tiếng Anh | Phạm Minh         | Thư   | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1662 | Tiếng Anh | Đinh Nguyễn Văn   | Anh   | THCS Nguyễn Văn Tổ              | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 1663 | Tiếng Anh | Võ Ngọc Phương    | Anh   | THCS Độc Lập                    | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1664 | Tiếng Anh | Nguyễn Trí        | Đức   | THCS Võ Trường Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1665 | Tiếng Anh | Cao Vũ            | Lâm   | THCS Nguyễn Văn Bé              | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 1666 | Tiếng Anh | Đậu Nhã           | Linh  | THCS Nguyễn Hữu Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1667 | Tiếng Anh | Nguyễn Tường      | Linh  | THCS Quang Trung                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 1668 | Tiếng Anh | Hồ Thanh          | Ngân  | THCS Bạch Đằng                  | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1669 | Tiếng Anh | Ninh Ngô Thanh    | Ngọc  | THCS Đồng Khởi                  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1670 | Tiếng Anh | Lê Nguyễn Hương   | Thy   | THCS Ngô Sĩ Liên                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1671 | Tiếng Anh | Đỗ Huỳnh Thanh    | Trúc  | THCS-THPT Đinh Thiện Lý         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1672 | Tiếng Anh | Hoàng Tuấn        | Anh   | THCS Thái Văn Lung              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 1673 | Tiếng Anh | Nguyễn Duy        | Anh   | THCS Nguyễn Hữu Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1674 | Tiếng Anh | Phạm Nguyễn Quang | Duy   | THCS Kim Đồng                   | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1675 | Tiếng Anh | Trang Bích        | Hà    | THCS Trương Vĩnh Ký             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1676 | Tiếng Anh | Nguyễn Ngọc       | Khánh | THCS Nguyễn Hữu Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1677 | Tiếng Anh | Trần Anh          | Kiệt  | THCS Hồng Bàng                  | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1678 | Tiếng Anh | Nguyễn Thị Tú     | Linh  | THCS Nguyễn Gia Thiều           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1679 | Tiếng Anh | Dương Trương      | Lương | THCS Bạch Đằng                  | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1680 | Tiếng Anh | Năm Trí           | Nghĩa | THCS Phú Thọ                    | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1681 | Tiếng Anh | Lê Bảo            | Ngọc  | Trung học thực hành Sài Gòn     | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1682 | Tiếng Anh | Liêu Minh         | Quang | THCS Bạch Đằng                  | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1683 | Tiếng Anh | Võ Ngọc Minh      | Thư   | THCS Lê Anh Xuân                | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1684 | Tiếng Anh | Ngô Quế           | Anh   | THCS Đức Trí                    | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1685 | Tiếng Anh | Lê Ngọc Hương     | Giang | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 1686 | Tiếng Anh | Trần Hoàng Đăng   | Khoa  | THCS Nguyễn Du                  | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |

|      |           |                   |        |                             |                             |    |
|------|-----------|-------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|----|
| 1687 | Tiếng Anh | Doãn Đức Phương   | Ngọc   | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 1688 | Tiếng Anh | Lê Thanh          | Ngọc   | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1689 | Tiếng Anh | Huỳnh Minh        | Triết  | THCS Nguyễn Văn Tố          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 1690 | Tiếng Anh | Trần Hoàng        | Yên    | THCS Ngô Tất Tố             | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1691 | Tiếng Anh | Tô Diệp Khánh     | An     | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 1692 | Tiếng Anh | Nguyễn Ngọc Khánh | Chi    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1693 | Tiếng Anh | Phan Trịnh Xuân   | Duy    | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Ba |
| 1694 | Tiếng Anh | Nguyễn Phước Toàn | Đức    | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1695 | Tiếng Anh | Nguyễn Châu       | Giang  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1696 | Tiếng Anh | Mã Thoại Minh     | Hoàng  | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1697 | Tiếng Anh | Đỗ Hà             | Khanh  | THCS Thái Bình Dương        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1698 | Tiếng Anh | Đào Xuân          | Kim    | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1699 | Tiếng Anh | Trần Thanh        | Lâm    | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1700 | Tiếng Anh | Nguyễn Vũ Thảo    | Nguyên | TH, THCS, THPT Việt Úc      | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1701 | Tiếng Anh | Lê Hồ Minh        | Tâm    | THCS Cầu Kiệu               | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1702 | Tiếng Anh | Nguyễn Thị Ngọc   | Trình  | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1703 | Tiếng Anh | Đào Anh           | Tuấn   | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1704 | Tiếng Anh | Vương Thị Phương  | Anh    | THCS Nguyễn Thị Thập        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1705 | Tiếng Anh | Phạm Nguyên Xuân  | Cát    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1706 | Tiếng Anh | Nguyễn Thị Châu   | Đăng   | THCS Bình Tây               | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1707 | Tiếng Anh | Nguyễn Vân        | Giang  | THCS, THPT Ngôi Sao         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Ba |
| 1708 | Tiếng Anh | Lê Minh           | Hiếu   | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1709 | Tiếng Anh | Bùi Lâm Quỳnh     | Hương  | THCS Lam Sơn                | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1710 | Tiếng Anh | Phạm Nguyên Bảo   | Khanh  | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1711 | Tiếng Anh | Nguyễn Mai Vũ     | Khúc   | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Ba |
| 1712 | Tiếng Anh | Lê Bá Khánh       | Linh   | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 1713 | Tiếng Anh | Lê Anh            | Minh   | TH, THCS, THPT Việt Úc      | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1714 | Tiếng Anh | Chế Hiền          | Nhi    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1715 | Tiếng Anh | Trần Thiên        | Phú    | THCS Ngô Quyền              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1716 | Tiếng Anh | Phạm Nguyễn Hoàng | Phụng  | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1717 | Tiếng Anh | Phạm Thu          | Thảo   | THCS Lương Định Của         | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Ba |

|      |           |                    |        |                                 |                             |    |
|------|-----------|--------------------|--------|---------------------------------|-----------------------------|----|
| 1718 | Tiếng Anh | Phạm Minh          | Thu    | THCS Võ Trường Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1719 | Tiếng Anh | Trần Lê Hoàng      | Bảo    | THCS Cách Mạng Tháng Tám        | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 1720 | Tiếng Anh | Trương Kỳ          | Danh   | THCS Hoa Lư                     | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1721 | Tiếng Anh | Phan Vũ Quỳnh      | Đan    | THCS Nguyễn Hữu Thọ             | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1722 | Tiếng Anh | Vũ Minh            | Đức    | THCS Phạm Ngọc Thạch            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1723 | Tiếng Anh | Nguyễn Ngọc Trúc   | Giang  | THCS-THPT Đinh Thiện Lý         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1724 | Tiếng Anh | Tăng Lê Thanh      | Hùng   | THCS Nguyễn Thị Thập            | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1725 | Tiếng Anh | Lê Huỳnh           | Khoa   | THCS Văn Đồn                    | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 1726 | Tiếng Anh | Hồ Hoàng Minh      | Ngọc   | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 1727 | Tiếng Anh | Nguyễn Đoàn Phương | Nguyên | THCS Ngô Quyền                  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1728 | Tiếng Anh | Trần Ngọc Thanh    | Nguyên | THCS Lương Định Của             | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Ba |
| 1729 | Tiếng Anh | Phan Như           | Quỳnh  | THCS Tân Tạo                    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Ba |
| 1730 | Tiếng Anh | Nguyễn Hoàng Thuỷ  | Tiên   | THCS Trần Quốc Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1731 | Tiếng Anh | Trương Thị Thu     | An     | THCS Văn Đồn                    | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 1732 | Tiếng Anh | Huỳnh Trần Phương  | Anh    | TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1733 | Tiếng Anh | Đoàn Trí           | Duy    | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1734 | Tiếng Anh | Bùi Hoàng Gia      | Hân    | THCS Nguyễn Huệ                 | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 1735 | Tiếng Anh | Trương Mỹ          | Hiền   | THCS Trần Quang Khải            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1736 | Tiếng Anh | Nguyễn Minh        | Hiếu   | THCS-THPT Đinh Thiện Lý         | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1737 | Tiếng Anh | Bùi Nhật           | Huy    | THCS Lạc Hồng                   | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 1738 | Tiếng Anh | Lê Minh            | Huy    | TRƯỜNG THCS Lữ Gia              | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1739 | Tiếng Anh | Lê Phong           | Huy    | Trung học thực hành Sài Gòn     | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1740 | Tiếng Anh | Ngô Minh           | Khang  | THCS Trung Mỹ Tây 1             | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 1741 | Tiếng Anh | Lê Trí Đăng        | Khoa   | THCS Trần Quốc Toản             | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1742 | Tiếng Anh | Võ Đăng            | Khoa   | THCS Lý Thánh Tông              | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 1743 | Tiếng Anh | Hồ Gia             | Nghi   | THCS Lê Quý Đôn                 | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1744 | Tiếng Anh | Trần Mai           | Phương | THCS Nam Sài Gòn                | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1745 | Tiếng Anh | Đoàn Ngọc Gia      | Quỳnh  | Trung học thực hành Sài Gòn     | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1746 | Tiếng Anh | Lê Anh             | Tài    | TH, THCS, THPT Việt Úc          | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Ba |
| 1747 | Tiếng Anh | Nguyễn Minh        | Thư    | THCS Lê Văn Tám                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |

|      |            |                   |           |                               |                              |      |
|------|------------|-------------------|-----------|-------------------------------|------------------------------|------|
| 1748 | Tiếng Anh  | Nguyễn Vũ Uyên    | Thy       | THCS Nguyễn Hữu Thọ           | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1749 | Tiếng Anh  | Trần Ngọc Hà      | Trang     | THCS Thế Giới Trẻ Em          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba   |
| 1750 | Tiếng Anh  | Trần Trương Khánh | Trúc      | THCS Nguyễn Huệ               | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba   |
| 1751 | Tiếng Anh  | Nguyễn Việt Minh  | Vũ        | THCS Đức Trí                  | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba   |
| 1752 | Tiếng Anh  | Nguyễn Bảo        | Duy       | THCS Trần Quang Khải          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba   |
| 1753 | Tiếng Anh  | Liêu Đăng         | Khoa      | THCS Phạm Hữu Lầu             | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1754 | Tiếng Anh  | Võ Ngọc Hoàng     | Lan       | THCS Đức Trí                  | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1755 | Tiếng Anh  | Lê Nguyên         | Phương    | THCS Song ngữ Quốc tế Horizon | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba   |
| 1756 | Tiếng Anh  | Nguyễn Quốc Bảo   | Quỳnh     | THCS Trần Văn Ôn              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba   |
| 1757 | Tiếng Anh  | Dương Hoàng Minh  | Thư       | THCS An Lạc                   | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba   |
| 1758 | Tiếng Anh  | Trần Hoàng Phương | Uyên      | THCS Trần Văn Ôn              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba   |
| 1759 | Tiếng Anh  | Vũ Thanh          | Vân       | THCS Lý Chính Thắng 1         | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba   |
| 1760 | Tiếng Pháp | Pauvarel Thuận    | Alexandre | THCS Colette                  | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhất |
| 1761 | Tiếng Pháp | Lê Nguyễn Minh    | Hà        | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 1762 | Tiếng Pháp | Lê Ngọc Minh      | Anh       | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 1763 | Tiếng Pháp | Lê Hòa Bảo        | Ngọc      | THCS Ngô Sĩ Liên              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 1764 | Tiếng Pháp | Nguyễn Minh       | Châu      | THCS Trần Văn Ôn              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 1765 | Tiếng Pháp | Đặng Mỹ           | An        | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì  |
| 1766 | Tiếng Pháp | Bùi Nguyễn Minh   | Thư       | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì  |
| 1767 | Tiếng Pháp | Nguyễn Minh       | Hùng      | THCS Ngô Sĩ Liên              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì  |
| 1768 | Tiếng Pháp | Thái Thiên        | Tú        | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì  |
| 1769 | Tiếng Pháp | Đoàn Đức Anh      | Quân      | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1770 | Tiếng Pháp | Trần Nguyễn Khánh | Duy       | THCS Chánh Hưng               | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba   |
| 1771 | Tiếng Pháp | Phan Vũ Hạnh      | Ngân      | THCS Ngô Sĩ Liên              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba   |
| 1772 | Tiếng Pháp | Võ Tường          | Minh      | THCS Colette                  | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1773 | Tiếng Pháp | Bùi Trọng         | Nhân      | THCS Colette                  | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1774 | Tiếng Pháp | Nguyễn Phạm Quỳnh | Anh       | THCS Trần Văn Ôn              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba   |
| 1775 | Tiếng Pháp | Lê Ngọc Như       | Quỳnh     | THCS Colette                  | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1776 | Tiếng Pháp | Nguyễn Phạm Gia   | Uyên      | THCS Ngô Sĩ Liên              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba   |
| 1777 | Tiếng Pháp | Lê Hoàng          | Mỹ Ngọc   | Trung học thực hành Sài Gòn   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |

|      |             |                   |        |                     |                     |      |
|------|-------------|-------------------|--------|---------------------|---------------------|------|
| 1778 | Tiếng Trung | Triệu Bích        | Phương | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Nhất |
| 1779 | Tiếng Trung | Huỳnh Võ Thủy Dẫn | Đài    | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhất |
| 1780 | Tiếng Trung | Đinh Mỹ           | Ấn     | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhất |
| 1781 | Tiếng Trung | Lư Tịnh           | Văn    | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Nhất |
| 1782 | Tiếng Trung | Quách Yến         | Ngân   | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhất |
| 1783 | Tiếng Trung | Trần Ân           | Nghi   | THCS Văn Lang       | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhất |
| 1784 | Tiếng Trung | Giang Quê         | Bích   | THCS Văn Lang       | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhì  |
| 1785 | Tiếng Trung | Trương Hạo        | Thăng  | THCS Mạch Kiếm Hùng | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhì  |
| 1786 | Tiếng Trung | Lý Gia            | Hân    | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhì  |
| 1787 | Tiếng Trung | Dư Uyển           | Hoa    | THCS Mạch Kiếm Hùng | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhì  |
| 1788 | Tiếng Trung | La Đình           | Hân    | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhì  |
| 1789 | Tiếng Trung | Quách Anh         | Quán   | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Nhì  |
| 1790 | Tiếng Trung | Diệp Bội          | Dinh   | THCS Phạm Đình Hồ   | Phòng GD-ĐT Quận 6  | Nhì  |
| 1791 | Tiếng Trung | Lương Triển       | Thăng  | THCS Văn Lang       | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Nhì  |
| 1792 | Tiếng Trung | Trần Mỹ           | Loan   | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Ba   |
| 1793 | Tiếng Trung | Lương Gia         | Gia    | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Ba   |
| 1794 | Tiếng Trung | Ngô Huệ           | Trình  | THCS Văn Lang       | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Ba   |
| 1795 | Tiếng Trung | Lâm Huệ           | Văn    | THCS Phạm Đình Hồ   | Phòng GD-ĐT Quận 6  | Ba   |
| 1796 | Tiếng Trung | Trần Nhu          | Linh   | THCS Mạch Kiếm Hùng | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Ba   |
| 1797 | Tiếng Trung | Khuru Dương       | Nhã    | THCS Phạm Đình Hồ   | Phòng GD-ĐT Quận 6  | Ba   |
| 1798 | Tiếng Trung | Lư Mỹ             | Yến    | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Ba   |
| 1799 | Tiếng Trung | Văn Liên Mỹ       | Quân   | THCS Văn Lang       | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Ba   |
| 1800 | Tiếng Trung | Lương Gia         | Tuấn   | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Ba   |
| 1801 | Tiếng Trung | Lưu Hương         | Lan    | THCS Phạm Đình Hồ   | Phòng GD-ĐT Quận 6  | Ba   |
| 1802 | Tiếng Trung | Đào Thê           | Quân   | THCS Phạm Đình Hồ   | Phòng GD-ĐT Quận 6  | Ba   |
| 1803 | Tiếng Trung | Dung Huệ          | Chi    | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Ba   |
| 1804 | Tiếng Trung | Trần Tuấn         | Kiệt   | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Ba   |
| 1805 | Tiếng Trung | Hàng Phối         | Nhì    | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Ba   |
| 1806 | Tiếng Trung | Phù Truyền Mẫn    | Duy    | THCS Trần Bội Cơ    | Phòng GD-ĐT Quận 5  | Ba   |
| 1807 | Tiếng Trung | Ngô Kim           | Vinh   | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 11 | Ba   |
| 1808 | Tiếng Nhật  | Dương Huỳnh Ngọc  | Hân    | THCS Lê Quý Đôn     | Phòng GD-ĐT Quận 3  | Nhất |

|      |                       |                    |        |                        |                             |      |
|------|-----------------------|--------------------|--------|------------------------|-----------------------------|------|
| 1809 | Tiếng Nhật            | Nguyễn Thụy Bảo    | Ngọc   | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 1810 | Tiếng Nhật            | Nguyễn Võ Trúc     | Mai    | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 1811 | Tiếng Nhật            | Nguyễn Phúc        | Nguyên | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhì  |
| 1812 | Tiếng Nhật            | Dương Ngọc Tiểu    | Minh   | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1813 | Tiếng Nhật            | Trần Đỗ Vân        | Anh    | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba   |
| 1814 | Tiếng Nhật            | Hoàng Nguyễn Khánh | Vân    | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 1815 | Tiếng Nhật            | Phan Duy           | Anh    | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 1816 | Tiếng Nhật            | Nguyễn Quốc        | Hung   | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 1817 | Tiếng Nhật            | Đoàn Minh          | Uyên   | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba   |
| 1818 | Tiếng Nhật            | Bùi Cát Duyên      | Anh    | THCS Võ Trường Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba   |
| 1819 | KT tổng hợp thực tiễn | NGUYỄN QUỐC        | BẢO    | TH, THCS, THPT Việt Úc | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhất |
| 1820 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Đại         | Nghĩa  | THCS Lê Lợi            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 1821 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trí         | Đạt    | THCS Kim Đồng          | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 1822 | KT tổng hợp thực tiễn | Phạm Châu          | Thanh  | THCS Nguyễn Gia Thiều  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 1823 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Tấn             | Cường  | THCS Bạch Đằng         | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 1824 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Gia         | Khánh  | THCS Hà Huy Tập        | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 1825 | KT tổng hợp thực tiễn | Mai Thanh          | Xuân   | THCS Đặng Trần Côn     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 1826 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thu         | Nga    | THCS Nguyễn Du         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1827 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Nho Gia     | Phúc   | THCS Cầu Kiệu          | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhất |
| 1828 | KT tổng hợp thực tiễn | Lai Hùng           | Phương | THCS Cầu Kiệu          | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhất |
| 1829 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lê Minh     | Chủ    | THCS Trần Bội Cơ       | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 1830 | KT tổng hợp thực tiễn | Ngô Minh           | Hải    | THCS Trường Chinh      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 1831 | KT tổng hợp thực tiễn | NGUYỄN ANH         | KHÔI   | THCS Nguyễn Văn Tố     | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhất |
| 1832 | KT tổng hợp thực tiễn | Hồ Việt            | Trung  | THCS Trường Thạnh      | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhất |
| 1833 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Nhật        | Hoàng  | THCS Trường Chinh      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 1834 | KT tổng hợp thực tiễn | Trương Huỳnh Bảo   | Trân   | THCS Hồng Bàng         | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 1835 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trọng       | Nhân   | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 1836 | KT tổng hợp thực tiễn | Lương Bạch         | Ngọc   | THCS Phú Mỹ            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 1837 | KT tổng hợp thực tiễn | Hoàng Đình Ngọc    | Quang  | THCS Thông Tây Hội     | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 1838 | KT tổng hợp thực tiễn | Võ Ngọc Nhất       | Huy    | THCS Tân Thới Hòa      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 1839 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Vũ Duy      | Minh   | THCS Ngô Sĩ Liên       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |

|      |                       |                    |        |                             |                             |      |
|------|-----------------------|--------------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 1840 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Minh            | Hoàng  | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 1841 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Đức         | Bảo    | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 1842 | KT tổng hợp thực tiễn | Lâm Mỹ             | Nhân   | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhất |
| 1843 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Khánh       | Uyên   | THCS Bạch Đằng              | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 1844 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Huỳnh Phúc  | An     | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 1845 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Khôi          | Nguyên | THCS Nguyễn Văn Bá          | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 1846 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trần Thanh  | Tâm    | THCS Võ Trường Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Nhất |
| 1847 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Minh        | Hiếu   | THCS Cầu Kiệu               | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Nhì  |
| 1848 | KT tổng hợp thực tiễn | Phan Anh           | Khoa   | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1849 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Uyên Phương     | Ngân   | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 1850 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Phương      | Nga    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 1851 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Nguyễn Thủy     | Vy     | THCS Nguyễn Gia Thiều       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 1852 | KT tổng hợp thực tiễn | Trang Thư          | Đình   | THCS Trần Bội Cơ            | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |
| 1853 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thanh Quyền | Oanh   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1854 | KT tổng hợp thực tiễn | Võ Minh            | Quân   | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1855 | KT tổng hợp thực tiễn | Phạm Hoàng Lan     | Anh    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 1856 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Châu            | Anh    | THCS Hoàng Hoa Thám         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 1857 | KT tổng hợp thực tiễn | Đình Khả           | Di     | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1858 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Phương          | Hân    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1859 | KT tổng hợp thực tiễn | Hồ Nguyễn Minh     | Quang  | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1860 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Nguyên       | Hải    | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhì  |
| 1861 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Khả         | Phú    | THCS Ngô Sĩ Liên            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhì  |
| 1862 | KT tổng hợp thực tiễn | Đỗ Phú             | Vinh   | THCS Tăng Nhơn Phú B        | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì  |
| 1863 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Nguyễn Mỹ     | Quỳnh  | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì  |
| 1864 | KT tổng hợp thực tiễn | Lương Thị Anh      | Thương | THCS Đặng Tấn Tài           | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Nhì  |
| 1865 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lâm Đông    | Quang  | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 1866 | KT tổng hợp thực tiễn | Vũ Minh            | Quân   | THCS Chánh Hưng             | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì  |
| 1867 | KT tổng hợp thực tiễn | Tô Lê              | Nam    | THCS Thoại Ngọc Hầu         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhì  |
| 1868 | KT tổng hợp thực tiễn | Lục Mai            | Thanh  | THCS Hoàng Quốc Việt        | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Nhì  |
| 1869 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Lê Tuấn       | Kiệt   | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Nhì  |
| 1870 | KT tổng hợp thực tiễn | ĐOÀN VŨ            | HÀO    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhì  |

|      |                       |                    |        |                             |                              |     |
|------|-----------------------|--------------------|--------|-----------------------------|------------------------------|-----|
| 1871 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Huy             | Hạo    | THCS Đa Phước               | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 1872 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Ngọc Bảo      | Hân    | THCS Võ Thành Trang         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1873 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Tiêu Xuân     | Lạc    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 1874 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hoàng Song  | Thư    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1875 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Hồng            | Ánh    | THCS Ba Đình                | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 1876 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Kim         | Chi    | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1877 | KT tổng hợp thực tiễn | NGUYỄN HƯƠNG       | GIANG  | TH, THCS, THPT Việt Úc      | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 1878 | KT tổng hợp thực tiễn | Võ Châu            | Giang  | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1879 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trọng       | Nhân   | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1880 | KT tổng hợp thực tiễn | Hoàng Bá           | Việt   | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1881 | KT tổng hợp thực tiễn | Hồ Quang           | Đặng   | THCS Cầu Kiệu               | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Nhì |
| 1882 | KT tổng hợp thực tiễn | Đinh Công          | Tiến   | THCS Phú Mỹ                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 1883 | KT tổng hợp thực tiễn | Phùng Văn          | Khải   | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1884 | KT tổng hợp thực tiễn | MAI TRỌNG          | NHÂN   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 1885 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Đăng            | Khoa   | THCS Nguyễn Ảnh Thủ         | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 1886 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Huy Diễm    | Phương | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 1887 | KT tổng hợp thực tiễn | Hoa Phương         | Tùng   | THCS Đoàn Thị Điểm          | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì |
| 1888 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lê Trung    | Kiên   | THCS Hoa Lư                 | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 1889 | KT tổng hợp thực tiễn | Trương Dạ Minh     | Châu   | THCS Trần Quang Khải        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1890 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Trung        | Kiên   | THCS Nguyễn Hữu Thọ         | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Nhì |
| 1891 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hoàng Tổ    | Như    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1892 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Nguyễn Khang | Thịnh  | THCS Nguyễn Bình Khiêm      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 1893 | KT tổng hợp thực tiễn | Đặng Ngọc Thanh    | Trúc   | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 1894 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Quang         | Kiệt   | THCS Ba Đình                | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 1895 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hoàng Bảo   | Hân    | THCS Huỳnh Văn Nghệ         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 1896 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Huỳnh Đức   | Khang  | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 1897 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Thị Bảo         | Hân    | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 1898 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Anh           | Thư    | THCS Tam Bình               | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 1899 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Nguyễn Ngọc   | Tâm    | THCS Kim Đồng               | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 1900 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thị Phương  | Anh    | THCS Lê Anh Xuân            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1901 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thanh       | Ngân   | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |

|      |                       |                   |        |                       |                              |     |
|------|-----------------------|-------------------|--------|-----------------------|------------------------------|-----|
| 1902 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Đức         | Nguyên | THCS Hoàng Lê Kha     | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 1903 | KT tổng hợp thực tiễn | Hà Thị Quỳnh      | Như    | THCS Lê Anh Xuân      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 1904 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Thị Ngọc    | Diệp   | THCS Thoại Ngọc Hầu   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 1905 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Ngân       | Giang  | THCS Trường Chinh     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 1906 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hoàng Nam  | Khánh  | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 1907 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Minh        | Phi    | THCS Nguyễn Thị Thập  | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |
| 1908 | KT tổng hợp thực tiễn | NGUYỄN VIỆT       | THÁI   | THCS Hậu Giang        | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |
| 1909 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lê Phương  | Trâm   | THCS Nguyễn Văn Luông | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |
| 1910 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Ngọc Thanh | Hiền   | THCS Nguyễn Hữu Thọ   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba  |
| 1911 | KT tổng hợp thực tiễn | Trương Lê Hà      | My     | THCS Thị Trấn 2       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba  |
| 1912 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Ngọc Thanh  | Bình   | THCS Phước Bình       | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 1913 | KT tổng hợp thực tiễn | CÁI NHÂN          | NGHĨA  | THCS Phạm Văn Hai     | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 1914 | KT tổng hợp thực tiễn | Hoàng Hoài        | Phương | THCS An Nhơn          | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1915 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Đặng Như    | Thùy   | THCS Thị Trấn 2       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba  |
| 1916 | KT tổng hợp thực tiễn | Vũ Hoàng          | Minh   | THCS Huỳnh Văn Nghệ   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1917 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lộc Đông   | Nghi   | THCS Hà Huy Tập       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 1918 | KT tổng hợp thực tiễn | Mai Minh          | Thư    | THCS Lam Sơn          | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba  |
| 1919 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Tuyên        | Khâm   | THCS Võ Trường Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 1920 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Hồ Quỳnh     | Anh    | THCS Đồng Khởi        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 1921 | KT tổng hợp thực tiễn | Võ Trần Mai       | Phương | THCS Vân Đồn          | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba  |
| 1922 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trọng      | Thiện  | THCS Nguyễn Trãi      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1923 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Thụy Thúy   | Uyên   | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 1924 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Việt       | Vương  | THCS Thị Trấn 2       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba  |
| 1925 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Ngọc        | Ánh    | THCS Lý Thánh Tông    | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba  |
| 1926 | KT tổng hợp thực tiễn | Đặng Minh         | Tân    | THCS Nguyễn Trãi      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1927 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Dương Trí    | Thiên  | THCS Hoàng Hoa Thám   | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 1928 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Minh       | Long   | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1929 | KT tổng hợp thực tiễn | Lâm Hoàng         | Anh    | THCS Trường Sơn       | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 1930 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Trung       | Hiếu   | THCS Nguyễn Văn Bá    | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba  |
| 1931 | KT tổng hợp thực tiễn | Trịnh Trọng       | Hiếu   | THCS Quang Trung      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 1932 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Thị Ngọc       | Trang  | THCS Quang Trung      | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba  |

|      |                       |                   |       |                       |                             |    |
|------|-----------------------|-------------------|-------|-----------------------|-----------------------------|----|
| 1933 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Gia            | Hưng  | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1934 | KT tổng hợp thực tiễn | Hà Tâm            | Như   | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1935 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thị Ngọc   | Trân  | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Ba |
| 1936 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Hoàng Minh   | Triết | THCS Tăng Bạt Hổ A    | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 1937 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Lâm Thanh    | Trúc  | THCS Nguyễn Hồng Đào  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 1938 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Nguyễn Phương  | Đài   | THCS Trương Văn Ngu   | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 1939 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Thanh        | Khoa  | THCS Tân Bình         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1940 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Mỹ          | Phụng | THCS Hồng Bàng        | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1941 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trần Cẩm   | Tiên  | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1942 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thị Ngọc   | Ánh   | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 1943 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Như   | THCS Thông Tây Hội    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 1944 | KT tổng hợp thực tiễn | Phạm Công         | Hoàng | THCS Lương Thế Vinh   | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 1945 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Gia         | Huy   | THCS Chu Văn An       | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 1946 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Thanh       | Vân   | THCS Đồng Khởi        | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1947 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Gia          | Tuấn  | THCS Nguyễn Văn Luông | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1948 | KT tổng hợp thực tiễn | Tăng Quốc         | Bảo   | THCS Phú Hữu          | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 1949 | KT tổng hợp thực tiễn | Huỳnh Văn         | Thanh | THCS Hoàng Quốc Việt  | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 1950 | KT tổng hợp thực tiễn | Lô Minh           | Tuệ   | THCS Trương Công Định | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 1951 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Thiên        | Ấn    | THCS Phan Tây Hồ      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Ba |
| 1952 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Trường     | Thịnh | THCS Phan Bội Châu    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 1953 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Tôn Thành  | Đạt   | THCS Lê Văn Việt      | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 1954 | KT tổng hợp thực tiễn | Khuru Minh        | Khoa  | THCS Võ Trường Toản   | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 1955 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Thị Thanh      | Bình  | THCS Trường Chinh     | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Ba |
| 1956 | KT tổng hợp thực tiễn | Trịnh Lâm Đăng    | Khoa  | THCS Lý Chính Thắng 1 | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Ba |
| 1957 | KT tổng hợp thực tiễn | PHAN THỊ          | HIỀN  | THCS Hậu Giang        | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1958 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Nguyễn Bảo   | Châu  | THCS Lý Phong         | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |
| 1959 | KT tổng hợp thực tiễn | Lương Thị Ngọc    | Hà    | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Ba |
| 1960 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Thành       | Đạt   | THCS Lê Văn Tám       | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 1961 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Tiên       | Phát  | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |
| 1962 | KT tổng hợp thực tiễn | Ngô Như           | Tâm   | THCS Bình Tây         | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 1963 | KT tổng hợp thực tiễn | Phạm Anh          | Thư   | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận  | Ba |

|      |                       |                   |        |                       |                              |      |
|------|-----------------------|-------------------|--------|-----------------------|------------------------------|------|
| 1964 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hà Bảo     | Châu   | THCS Bạch Đằng        | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1965 | KT tổng hợp thực tiễn | Lợi Thiên         | Tứ     | THCS Trần Hữu Trang   | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba   |
| 1966 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Việt       | An     | THCS Nguyễn Gia Thiều | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba   |
| 1967 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lê Thanh   | Thơ    | THCS Lý Thánh Tông    | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba   |
| 1968 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Thụy Quỳnh     | Như    | THCS Đồng Khởi        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba   |
| 1969 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Ngọc Thúy  | Quỳnh  | THCS Hai Bà Trưng     | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1970 | KT tổng hợp thực tiễn | Đoàn Yên          | Nhi    | THCS Thị Trấn 2       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba   |
| 1971 | KT tổng hợp thực tiễn | Lương Hoàng Nhật  | Hạ     | THCS Lê Quý Đôn       | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba   |
| 1972 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hoàng      | Yến    | THCS Nguyễn Du        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba   |
| 1973 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thoại Đăng | Khoa   | THCS Đồng Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba   |
| 1974 | KT tổng hợp thực tiễn | Phạm Lan          | Châu   | THCS Đồng Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba   |
| 1975 | KT tổng hợp thực tiễn | Đào Thị Mai       | Linh   | THCS Lý Thường Kiệt   | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba   |
| 1976 | KT tổng hợp thực tiễn | Lai Phương        | Quỳnh  | THCS Phú Mỹ           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba   |
| 1977 | KT tổng hợp thực tiễn | NGUYỄN KHẮC       | TÂM    | THCS Long Phước       | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba   |
| 1978 | KT tổng hợp thực tiễn | Lê Thị Minh       | Thương | THCS Thị Trấn 2       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba   |
| 1979 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Lê Tú      | Uyên   | THCS Nguyễn Hữu Thọ   | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba   |
| 1980 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Hoàng      | My     | THCS Phan Tây Hồ      | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba   |
| 1981 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Thanh        | Hà     | THCS Chánh Hưng       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba   |
| 1982 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Thị Kim    | Nguyên | THCS Nguyễn Văn Linh  | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba   |
| 1983 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Ngọc Thùy  | Dương  | THCS Chu Văn An       | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba   |
| 1984 | KT tổng hợp thực tiễn | Nguyễn Quốc       | Kiệt   | THCS Đặng Trần Côn    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba   |
| 1985 | KT tổng hợp thực tiễn | Ngô Thị Thùy      | Dương  | THCS Quang Trung      | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba   |
| 1986 | KT tổng hợp thực tiễn | Oh                | Hyo    | THCS Cầu Kiệu         | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba   |
| 1987 | KT tổng hợp thực tiễn | Dương Hoàng Phụng | Nhi    | THCS Văn Đồn          | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba   |
| 1988 | KT tổng hợp thực tiễn | Trần Huệ          | Tâm    | THCS Minh Đức         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba   |
| 1989 | Thực nghiệm KHTN      | Giảng Thế         | Cường  | THCS Đồng Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |
| 1990 | Thực nghiệm KHTN      | Phan Quốc         | Việt   | THCS Đồng Đa          | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |
| 1991 | Thực nghiệm KHTN      | Đỗ Đăng           | Khoa   | THCS Tam Bình         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhất |
| 1992 | Thực nghiệm KHTN      | Nguyễn Ngọc Bích  | Trâm   | THCS Tam Bình         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhất |
| 1993 | Thực nghiệm KHTN      | Bùi Nhật          | Huy    | THCS Phạm Văn Chiêu   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1994 | Thực nghiệm KHTN      | Nguyễn Ngọc       | Tuyết  | THCS Phạm Văn Chiêu   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |

|      |                  |                   |        |                             |                              |      |
|------|------------------|-------------------|--------|-----------------------------|------------------------------|------|
| 1995 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Minh       | Tuấn   | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1996 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Lê Minh    | Tước   | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhất |
| 1997 | Thực nghiệm KHTN | Phạm Đức          | Bằng   | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhất |
| 1998 | Thực nghiệm KHTN | TĂNG HUƠNG        | CẨM    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 1999 | Thực nghiệm KHTN | ĐỖ MINH           | PHONG  | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhất |
| 2000 | Thực nghiệm KHTN | Trần Nguyễn Anh   | Thy    | THCS Tân Phú Trung          | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhất |
| 2001 | Thực nghiệm KHTN | Phạm Hoàng Thủy   | Tiên   | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |
| 2002 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Minh       | Tuấn   | THCS Lê Văn Tám             | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhất |
| 2003 | Thực nghiệm KHTN | Đoàn Dương        | Khôi   | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 2004 | Thực nghiệm KHTN | Bùi Quang         | Phú    | THCS Phan Tây Hồ            | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 2005 | Thực nghiệm KHTN | Mai Tố            | Hào    | THCS Võ Trường Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 2006 | Thực nghiệm KHTN | Trịnh Trung       | Kiên   | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì  |
| 2007 | Thực nghiệm KHTN | Trần Phúc         | Nguyên | THCS Tô Ký                  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì  |
| 2008 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thiện      | Nhân   | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 2009 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Nguyệt     | Quế    | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì  |
| 2010 | Thực nghiệm KHTN | Trần Thị Mỹ       | Trâm   | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì  |
| 2011 | Thực nghiệm KHTN | Cao Nguyễn Đông   | Anh    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì  |
| 2012 | Thực nghiệm KHTN | Khoa Năng         | Tấn    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Nhì  |
| 2013 | Thực nghiệm KHTN | NGUYỄN THANH VINH | THUY   | THCS Tân Túc                | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì  |
| 2014 | Thực nghiệm KHTN | TRẦN THUY MỸ      | LỘC    | THCS Tân Túc                | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì  |
| 2015 | Thực nghiệm KHTN | Lê Phúc           | Điền   | THCS Bình Chiểu             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì  |
| 2016 | Thực nghiệm KHTN | Lê Thảo           | Nguyên | THCS Bình Chiểu             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì  |
| 2017 | Thực nghiệm KHTN | Đoàn Vũ Minh      | Hoàng  | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 2018 | Thực nghiệm KHTN | Cao Lê Mạnh       | Khang  | THCS Trần Văn Ơn            | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 2019 | Thực nghiệm KHTN | PHAN VĂN          | KHÔI   | THCS Vĩnh Lộc A             | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì  |
| 2020 | Thực nghiệm KHTN | Dương Lê Phương   | Nhì    | THCS Nguyễn Văn Luông       | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì  |
| 2021 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Hồng       | Son    | THCS Nguyễn Du              | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì  |
| 2022 | Thực nghiệm KHTN | Doãn Hoàng        | Thiên  | THCS Nguyễn Văn Luông       | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì  |
| 2023 | Thực nghiệm KHTN | PHAN THANH        | THỊNH  | THCS Vĩnh Lộc A             | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì  |
| 2024 | Thực nghiệm KHTN | Đình Văn Quốc     | Việt   | THCS Minh Đức               | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì  |
| 2025 | Thực nghiệm KHTN | ĐỖ THUY YẾN       | THANH  | THCS Nguyễn Tri Phương      | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì  |

|      |                  |                    |       |                        |                           |     |
|------|------------------|--------------------|-------|------------------------|---------------------------|-----|
| 2026 | Thực nghiệm KHTN | Tạ Vũ Hương        | Thảo  | THCS Hoàng Hoa Thám    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 2027 | Thực nghiệm KHTN | Hoàng Ngọc         | Trâm  | THCS Hoàng Hoa Thám    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Nhì |
| 2028 | Thực nghiệm KHTN | HOÀNG ĐỨC ANH      | TÚ    | THCS Nguyễn Tri Phương | Phòng GD-ĐT Quận 10       | Nhì |
| 2029 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thị Thanh   | Hà    | THCS An Phú            | Phòng GD-ĐT Quận 2        | Ba  |
| 2030 | Thực nghiệm KHTN | Huỳnh Nhật         | Hào   | THCS Thị Trấn          | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn | Ba  |
| 2031 |                  | Hoàng Lê Quỳnh     | Mai   | THCS An Phú            | Phòng GD-ĐT Quận 2        | Ba  |
| 2032 | Thực nghiệm KHTN | Le Minh tri        |       |                        |                           | Ba  |
| 2033 | Thực nghiệm KHTN | PHẠM LÂM THIÊN     | KIM   | THCS Đức Trí           | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Ba  |
| 2034 | Thực nghiệm KHTN | ĐOÀN NGỌC          | LINH  | THCS Đức Trí           | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Ba  |
| 2035 | Thực nghiệm KHTN | Trịnh Mỹ           | Linh  | THCS Nguyễn An Khương  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn | Ba  |
| 2036 | Thực nghiệm KHTN | Trần Tiến          | Phát  | THCS Đồng Khởi         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Ba  |
| 2037 | Thực nghiệm KHTN | Lương Nguyễn Hoàng | Thanh | THCS Phan Công Hớn     | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn | Ba  |
| 2038 | Thực nghiệm KHTN | Lâm Nguyễn Anh     | Thư   | THCS Đồng Khởi         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Ba  |
| 2039 | Thực nghiệm KHTN | Lê Ngọc            | Trâm  | THCS Nguyễn An Khương  | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn | Ba  |
| 2040 | Thực nghiệm KHTN | Phạm Lê Phương     | Trinh | THCS Phan Công Hớn     | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn | Ba  |
| 2041 | Thực nghiệm KHTN | Lê Thụy Tường      | Vy    | THCS Lê Anh Xuân       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Ba  |
| 2042 | Thực nghiệm KHTN | Trần Phước         | Vỹ    | THCS Lê Anh Xuân       | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú  | Ba  |
| 2043 | Thực nghiệm KHTN | Hoàng Lan          | Anh   | THCS Tân Phú           | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 2044 | Thực nghiệm KHTN | Trần Minh          | Anh   | THCS Tăng Nhơn Phú B   | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 2045 | Thực nghiệm KHTN | Trần Ngọc Thanh    | Tâm   | THCS Tân Phú           | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 2046 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thanh       | Tùng  | THCS Tăng Nhơn Phú B   | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 2047 | Thực nghiệm KHTN | Huỳnh Bảo Phương   | Vy    | THCS Tân Phú           | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 2048 | Thực nghiệm KHTN | Phan Hải           | Yến   | THCS Tân Phú           | Phòng GD-ĐT Quận 9        | Ba  |
| 2049 | Thực nghiệm KHTN | Lương Bảo          | Châu  | THCS Giồng Ông Tố      | Phòng GD-ĐT Quận 2        | Ba  |
| 2050 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Nhất Đăng   | Khoa  | THCS Lê Lai            | Phòng GD-ĐT Quận 8        | Ba  |
| 2051 | Thực nghiệm KHTN | Ngô Thị Thắng      | Lợi   | THCS Giồng Ông Tố      | Phòng GD-ĐT Quận 2        | Ba  |
| 2052 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Lê Anh      | Thư   | THCS Lê Lai            | Phòng GD-ĐT Quận 8        | Ba  |
| 2053 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thị Hưng    | An    | THCS Hoàng Hoa Thám    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Ba  |
| 2054 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Anh         | Huy   | THCS Hai Bà Trưng      | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè  | Ba  |
| 2055 | Thực nghiệm KHTN | PHẠM ĐẶNG KIM      | NGÂN  | THCS Đức Trí           | Phòng GD-ĐT Quận 1        | Ba  |
| 2056 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Duy         | Quang | THCS Hoàng Hoa Thám    | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình | Ba  |

|      |                  |                    |        |                     |                              |    |
|------|------------------|--------------------|--------|---------------------|------------------------------|----|
| 2057 | Thực nghiệm KHTN | NGUYỄN QUỐC ĐĂNG   | QUANG  | THCS Đức Trí        | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba |
| 2058 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Minh        | Tùng   | THCS Hai Bà Trưng   | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 2059 | Thực nghiệm KHTN | Phan Thanh         | Sang   | THCS Tân Phú Trung  | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 2060 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Ngọc        | Thuận  | THCS Tân Phú Trung  | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 2061 | Thực nghiệm KHTN | Tô Tuấn            | An     | THCS Hồng Bàng      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 2062 | Thực nghiệm KHTN | Trần Thị Thanh     | An     | THCS Chánh Hưng     | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 2063 | Thực nghiệm KHTN | TRƯƠNG GIA         | HUY    | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 2064 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Ngọc Phương | Mai    | THCS Tân Kiên       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 2065 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thị Anh     | Thư    | THCS Tân Kiên       | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 2066 | Thực nghiệm KHTN | LƯU QUỐC           | TRUNG  | THCS Hậu Giang      | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 2067 | Thực nghiệm KHTN | Triệu Minh         | Tuấn   | THCS Chánh Hưng     | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 2068 | Thực nghiệm KHTN | Trần Lư Văn        | Vũ     | THCS Hồng Bàng      | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 2069 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Hoàng Tuấn  | Anh    | THCS Lạc Hồng       | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 2070 | Thực nghiệm KHTN | Chu Gia            | Bảo    | THCS Lê Văn Tám     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 2071 | Thực nghiệm KHTN | Dương Hải          | Đức    | THCS Lạc Hồng       | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 2072 | Thực nghiệm KHTN | Võ Thị Diễm        | My     | THCS Võ Thành Trang | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 2073 | Thực nghiệm KHTN | Trần Phương        | Nghi   | THCS Hai Bà Trưng   | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 2074 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Minh        | Quý    | THCS Võ Thành Trang | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 2075 | Thực nghiệm KHTN | Trần Nguyễn Trúc   | Uyên   | THCS Lê Văn Tám     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 2076 | Thực nghiệm KHTN | Trương Thục        | Vân    | THCS Hai Bà Trưng   | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba |
| 2077 | Thực nghiệm KHTN | Trần Thanh         | Tú     | THCS Nguyễn Hữu Thọ | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 2078 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Vũ Thanh    | Tùng   | THCS Nguyễn Hữu Thọ | Phòng GD-ĐT Quận 7           | Ba |
| 2079 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Minh        | Hiếu   | THCS Tân Phú Trung  | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 2080 | Thực nghiệm KHTN | Lâm Ngọc Phương    | Mai    | THCS Trần Quốc Toản | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 2081 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thị Bảo     | Ngọc   | THCS Trần Quốc Toản | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba |
| 2082 | Thực nghiệm KHTN | Đoàn Trung         | Nguyễn | THCS Đặng Trần Côn  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 2083 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thuận       | Phát   | THCS Lý Tự Trọng    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 2084 | Thực nghiệm KHTN | Phan Nguyễn Ngọc   | Trâm   | THCS Tân Phú Trung  | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 2085 | Thực nghiệm KHTN | Nguyễn Thị Thanh   | Tú     | THCS Lý Tự Trọng    | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |
| 2086 | Thực nghiệm KHTN | Võ Thị Ngọc        | Yến    | THCS Đặng Trần Côn  | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 2087 | Thực nghiệm KHTN | Đặng Chí           | Hồng   | THCS Chu Văn An     | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |

|      |                  |                 |        |                             |                             |      |
|------|------------------|-----------------|--------|-----------------------------|-----------------------------|------|
| 2088 | Thực nghiệm KHTN | Lý Thái         | Thành  | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         |      |
| 2089 | Công nghệ        | Lê Phan Thảo    | Uyên   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 2090 | Công nghệ        | Nguyễn Thanh    | Son    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 2091 | Công nghệ        | Trần Quách Minh | Đức    | THCS Đồng Đa                | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Nhất |
| 2092 | Công nghệ        | Thái Thị Quỳnh  | Uyên   | THCS Hiệp Bình              | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 2093 | Công nghệ        | Trần Anh        | Hào    | THCS Trần Hưng Đạo          | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Nhất |
| 2094 | Công nghệ        | Vũ Tấn          | Đạt    | THCS Lạc Hồng               | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhất |
| 2095 | Công nghệ        | Lê Bá Quốc      | Huy    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhất |
| 2096 | Công nghệ        | Phạm Hoàng      | Tuấn   | THCS Tăng Bạt Hổ A          | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Nhất |
| 2097 | Công nghệ        | Nguyễn Xuân     | Du     | THCS Phan Bội Châu          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 2098 | Công nghệ        | Nguyễn Hà Bảo   | Dinh   | THCS Phú Định               | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhất |
| 2099 | Công nghệ        | Nguyễn Văn Anh  | Tuấn   | THCS Sương Nguyệt Anh       | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhất |
| 2100 | Công nghệ        | Hoàng Đức       | Trung  | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 2101 | Công nghệ        | Trần Trung      | Hiếu   | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Nhất |
| 2102 | Công nghệ        | Nguyễn Anh      | Khôi   | THCS Văn Đồn                | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Nhất |
| 2103 | Công nghệ        | Vũ Tiến Hùng    | Anh    | THCS Phú Định               | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Nhất |
| 2104 | Công nghệ        | Trần Nguyễn Nam | Anh    | THCS Lý Thường Kiệt         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình   | Nhất |
| 2105 | Công nghệ        | Huỳnh Minh      | Khôi   | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Nhất |
| 2106 | Công nghệ        | Hồ Phúc Vân     | Thiên  | THCS Dương Bá Trạc          | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhất |
| 2107 | Công nghệ        | Lê Thành        | Đạt    | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 2108 | Công nghệ        | Trần Gia        | Minh   | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp     | Nhất |
| 2109 | Công nghệ        | Nguyễn Đạt      | Khoa   | THCS Bình Chiểu             | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Nhất |
| 2110 | Công nghệ        | Trần Thành      | Thông  | THCS Lê Lợi                 | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Nhất |
| 2111 | Công nghệ        | Bùi Hoàng       | Thiện  | THCS Nguyễn Hồng Đào        | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn   | Nhất |
| 2112 | Công nghệ        | Lê Nhật         | Duy    | THCS Hai Bà Trưng           | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Nhất |
| 2113 | Công nghệ        | Nguyễn Trường   | Huy    | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3          | Nhì  |
| 2114 | Công nghệ        | Lâm Thành       | Đạt    | THCS Phan Đăng Lưu          | Phòng GD-ĐT Quận 8          | Nhì  |
| 2115 | Công nghệ        | Đỗ Duy          | Nghiệp | THCS Chu Văn An             | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Nhì  |
| 2116 | Công nghệ        | Ngô Anh         | Tuấn   | THCS Giồng Ông Tố           | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Nhì  |
| 2117 | Công nghệ        | Đinh Thị Hồng   | Đào    | THCS Vạn Hạnh               | Phòng GD-ĐT Quận 10         | Nhì  |
| 2118 | Công nghệ        | Phạm Thị Tường  | Vy     | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2          | Nhì  |

|      |           |                 |        |                        |                              |     |
|------|-----------|-----------------|--------|------------------------|------------------------------|-----|
| 2119 | Công nghệ | Phan Minh       | Huy    | THCS Vân Đồn           | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Nhì |
| 2120 | Công nghệ | Nguyễn Thanh    | Khoa   | THCS Lý Phong          | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 2121 | Công nghệ | Nguyễn Văn Bảo  | Thịnh  | THCS Tân Bình          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 2122 | Công nghệ | Huỳnh Đăng      | Khoa   | THCS Nguyễn Văn Trỗi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 2123 | Công nghệ | Đình Gia        | Nghi   | THCS Nguyễn Văn Quý    | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 2124 | Công nghệ | Trần Thị Hoài   | My     | THCS Nguyễn Du         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 2125 | Công nghệ | Nguyễn Khôi     | Nguyên | THCS Nguyễn Văn Trỗi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 2126 | Công nghệ | Đăng Gia        | Vinh   | THCS Hậu Giang         | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 2127 | Công nghệ | Võ Tiến         | Đạt    | THCS Lê Văn Hưu        | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 2128 | Công nghệ | Lý Gia          | Hưng   | THCS Thị Trấn          | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 2129 | Công nghệ | Võ Văn Đăng     | Khoa   | THCS Bình Chánh        | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Nhì |
| 2130 | Công nghệ | Trần Hồng       | Hưng   | THCS Trần Bội Cơ       | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 2131 | Công nghệ | Vũ Cao          | Minh   | THCS Hoa Lư            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 2132 | Công nghệ | Phan            | Tú     | THCS Trần Văn Ôn       | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Nhì |
| 2133 | Công nghệ | Phan Trí        | Vinh   | THCS Đồng Khởi         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 2134 | Công nghệ | Lý Gia          | Hào    | THCS Văn Thân          | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Nhì |
| 2135 | Công nghệ | Trần Văn        | Mừng   | THCS Trung Lập         | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Nhì |
| 2136 | Công nghệ | Phạm Trần Thiên | Thảo   | THCS Trường Chinh      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Nhì |
| 2137 | Công nghệ | Nguyễn Tuấn     | Hưng   | THCS Lê Lợi            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Nhì |
| 2138 | Công nghệ | Chang Jar       | Shin   | THCS Vạn Hạnh          | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 2139 | Công nghệ | Nguyễn Thành    | Tài    | THCS An Lạc            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 2140 | Công nghệ | Dương Trọng     | Tuấn   | THCS Nguyễn Tri Phương | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Nhì |
| 2141 | Công nghệ | Hoàng Hải       | Đăng   | THCS Bình Chiểu        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Nhì |
| 2142 | Công nghệ | Nguyễn Diệu     | Thảo   | THCS Huỳnh Văn Nghệ    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Nhì |
| 2143 | Công nghệ | Huỳnh Hữu       | Tiến   | THCS Nguyễn Du         | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 2144 | Công nghệ | Trần Văn        | Đạt    | THCS Tân Phú           | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 2145 | Công nghệ | Nguyễn Thị Kim  | Ngân   | THCS Lương Thế Vinh    | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Nhì |
| 2146 | Công nghệ | Hoàng Đức       | Nghĩa  | THCS Trần Quốc Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 2147 | Công nghệ | Nguyễn Lưu Quốc | Huy    | THCS Hoa Lư            | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 2148 | Công nghệ | Bùi Vũ Minh     | Thiên  | THCS Nguyễn Văn Nghi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Nhì |
| 2149 | Công nghệ | Nguyễn Minh     | Tuấn   | THCS Nguyễn Văn Phú    | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |

|      |           |                  |        |                             |                              |     |
|------|-----------|------------------|--------|-----------------------------|------------------------------|-----|
| 2150 | Công nghệ | Võ Văn           | Sâm    | THCS Tăng Nhơn Phú B        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Nhì |
| 2151 | Công nghệ | Lâm Minh         | Tuấn   | THCS Lê Lai                 | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 2152 | Công nghệ | Nguyễn Thị Mỹ    | Ngọc   | THCS Lê Văn Hưu             | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Nhì |
| 2153 | Công nghệ | Hồ Vi            | Tùng   | THCS Sương Nguyệt Anh       | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Nhì |
| 2154 | Công nghệ | Đinh Thị Ánh     | Tuyết  | THCS Bình Lợi Trung         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Nhì |
| 2155 | Công nghệ | Trần Duy         | Khang  | THCS Kim Đồng               | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Nhì |
| 2156 | Công nghệ | Phùng Chấn       | Hào    | THCS Hậu Giang              | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Nhì |
| 2157 | Công nghệ | Nguyễn Minh      | Nhật   | THCS An Phú                 | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Nhì |
| 2158 | Công nghệ | Trần Tiến        | Văn    | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Nhì |
| 2159 | Công nghệ | Huỳnh Ngọc       | Hiếu   | THCS Đồng Khởi              | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 2160 | Công nghệ | Lý Vĩnh          | Phát   | THCS Trần Quang Khải        | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba  |
| 2161 | Công nghệ | Hồ Trúc          | Nguyên | THCS Vạn Hạnh               | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba  |
| 2162 | Công nghệ | Lê Phạm Quỳnh    | Anh    | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 2163 | Công nghệ | Hồ Thanh         | Hòa    | THCS Bình Lợi Trung         | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba  |
| 2164 | Công nghệ | Tô Bá Quốc       | Khánh  | THCS Tăng Nhơn Phú B        | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 2165 | Công nghệ | Lâm Võ Hoàng     | Phi    | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 2166 | Công nghệ | Nguyễn Diệu      | Thơ    | THCS An Lạc                 | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba  |
| 2167 | Công nghệ | Lâm              | Huy    | THCS Trần Văn Ôn            | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 2168 | Công nghệ | Trần Vũ Phương   | Thùy   | THCS Phước Bình             | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 2169 | Công nghệ | Trần Thị Cẩm     | Duyên  | THCS Nguyễn Văn Quỳ         | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba  |
| 2170 | Công nghệ | Trần Tú          | Tú     | THCS Nguyễn An Khương       | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba  |
| 2171 | Công nghệ | Nguyễn Phú Đăng  | Khê    | THCS Mạch Kiếm Hùng         | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 2172 | Công nghệ | Trần Lê          | Đạt    | THCS Nguyễn Văn Trỗi        | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 2173 | Công nghệ | Lê Nhật          | Minh   | THCS Văn Lang               | Phòng GD-ĐT Quận 1           | Ba  |
| 2174 | Công nghệ | Huỳnh Ngọc       | Thạch  | THCS An Nhơn                | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba  |
| 2175 | Công nghệ | Trần Hữu Quốc    | Đạt    | THCS Trường Chinh           | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba  |
| 2176 | Công nghệ | Nguyễn Thị Thanh | Thúy   | THCS Trần Quốc Toản         | Phòng GD-ĐT Quận 9           | Ba  |
| 2177 | Công nghệ | Nguyễn Thành     | Đạt    | THCS Long Hoà               | Phòng GD-ĐT Huyện Cần Giờ    | Ba  |
| 2178 | Công nghệ | Nguyễn Anh       | Hiếu   | THCS Vĩnh Lộc A             | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba  |
| 2179 | Công nghệ | Trần Chu         | Lai    | Trung học thực hành Sài Gòn | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba  |
| 2180 | Công nghệ | Nguyễn Ngọc Minh | Quân   | THCS Lê Quý Đôn             | Phòng GD-ĐT Quận 3           | Ba  |

|      |           |                   |        |                        |                              |    |
|------|-----------|-------------------|--------|------------------------|------------------------------|----|
| 2181 | Công nghệ | Phạm Gia          | Huy    | THCS Đồng Khởi         | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú     | Ba |
| 2182 | Công nghệ | Nguyễn Thị Hạnh   | Nhân   | THCS Huỳnh Văn Nghệ    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 2183 | Công nghệ | Nguyễn Trần Hoàng | Oanh   | THCS Nguyễn Tri Phương | Phòng GD-ĐT Quận 10          | Ba |
| 2184 | Công nghệ | Ka Li Sa          | Mad    | THCS Dương Bá Trạc     | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 2185 | Công nghệ | Thái Thành        | Trung  | THCS Tân Thạnh Tây     | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi     | Ba |
| 2186 | Công nghệ | Tiêu Tuấn         | Đạt    | THCS Hậu Giang         | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 2187 | Công nghệ | Trần Trí          | Đức    | THCS Đông Thạnh        | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 2188 | Công nghệ | Nguyễn Hoàng Mộng | Trình  | THCS An Lạc            | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 2189 | Công nghệ | Danh Thụy Phương  | Anh    | THCS Lê Quý Đôn        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 2190 | Công nghệ | Lê Đức            | Long   | THCS Phú Định          | Phòng GD-ĐT Quận 6           | Ba |
| 2191 | Công nghệ | Quách Văn         | Sanh   | THCS Kim Đồng          | Phòng GD-ĐT Quận 5           | Ba |
| 2192 | Công nghệ | Trần Ngọc Khánh   | Trâm   | THCS Tân Bình          | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 2193 | Công nghệ | Đặng Hải          | Dương  | THCS An Phú            | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 2194 | Công nghệ | Trần Đăng         | Khoa   | THCS Đồng Đa           | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh  | Ba |
| 2195 | Công nghệ | Hồ Tấn            | Phong  | THCS Hiệp Phước        | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 2196 | Công nghệ | Nguyễn Huỳnh      | Phúc   | THCS Đồng Đen          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 2197 | Công nghệ | Đỗ Phương         | Anh    | THCS Linh Trung        | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức     | Ba |
| 2198 | Công nghệ | Nguyễn Thiện      | Nhân   | THCS Cầu Kiệu          | Phòng GD-ĐT Quận Phú Nhuận   | Ba |
| 2199 | Công nghệ | Trần Võ Minh      | Nhật   | THCS Nguyễn Văn Quỳ    | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 2200 | Công nghệ | Ngô Bảo           | Phúc   | THCS Chu Văn An        | Phòng GD-ĐT Quận 11          | Ba |
| 2201 | Công nghệ | Nguyễn Duy        | Quang  | THCS Văn Đồn           | Phòng GD-ĐT Quận 4           | Ba |
| 2202 | Công nghệ | Đình Trọng        | Cường  | THCS Đồng Đen          | Phòng GD-ĐT Huyện Bình Chánh | Ba |
| 2203 | Công nghệ | La Khánh Kim      | Nguyên | THCS Bình Đông         | Phòng GD-ĐT Quận 8           | Ba |
| 2204 | Công nghệ | Hứa Viết          | Thức   | THCS Bình Trị Đông     | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân    | Ba |
| 2205 | Công nghệ | Dương Đoàn Thúy   | Vi     | THCS Trần Quang Khải   | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 2206 | Công nghệ | Trịnh Gia         | Huy    | THCS An Phú Đông       | Phòng GD-ĐT Quận 12          | Ba |
| 2207 | Công nghệ | Nguyễn Nhật       | Khánh  | THCS Trường Chinh      | Phòng GD-ĐT Quận Tân Bình    | Ba |
| 2208 | Công nghệ | Nguyễn Thanh      | Khâm   | THCS Nguyễn Văn Trỗi   | Phòng GD-ĐT Quận 2           | Ba |
| 2209 | Công nghệ | Cao Thọ Minh      | Dương  | THCS Tam Đông 1        | Phòng GD-ĐT Huyện Hóc Môn    | Ba |
| 2210 | Công nghệ | Nguyễn Lê Thành   | Nhân   | THCS Phước Lộc         | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè     | Ba |
| 2211 | Công nghệ | Lê Hữu            | Phúc   | THCS Nguyễn Văn Nghi   | Phòng GD-ĐT Quận Gò Vấp      | Ba |

|      |           |                  |       |                        |                             |    |
|------|-----------|------------------|-------|------------------------|-----------------------------|----|
| 2212 | Công nghệ | Nguyễn Đình      | Khôi  | THCS Linh Đông         | Phòng GD-ĐT Quận Thủ Đức    | Ba |
| 2213 | Công nghệ | Cao Anh          | Thùy  | THCS Trần Văn Ôn       | Phòng GD-ĐT Quận 1          | Ba |
| 2214 | Công nghệ | Võ Thị Phương    | Anh   | THCS Nguyễn Bình Khiêm | Phòng GD-ĐT Huyện Nhà Bè    | Ba |
| 2215 | Công nghệ | Đặng Thế         | Huy   | THCS Lê Lợi            | Phòng GD-ĐT Quận Tân Phú    | Ba |
| 2216 | Công nghệ | Trịnh Ngọc       | Minh  | THCS Trần Quốc Toản    | Phòng GD-ĐT Quận 9          | Ba |
| 2217 | Công nghệ | Ngô Thị Hương    | Phấn  | THCS Phước Thạnh       | Phòng GD-ĐT Huyện Củ Chi    | Ba |
| 2218 | Công nghệ | Phạm Quang       | Huy   | THCS An Phú Đông       | Phòng GD-ĐT Quận 12         | Ba |
| 2219 | Công nghệ | Huỳnh Minh       | Nhật  | THCS Chu Văn An        | Phòng GD-ĐT Quận 11         | Ba |
| 2220 | Công nghệ | Lê Đình Vĩnh     | Khang | THCS Lê Văn Tám        | Phòng GD-ĐT Quận Bình Thạnh | Ba |
| 2221 | Công nghệ | Nguyễn Đức       | Tiến  | THCS Nguyễn Hiền       | Phòng GD-ĐT Quận 7          | Ba |
| 2222 | Công nghệ | Nguyễn Phạm Hoài | Nam   | THCS Huỳnh Văn Nghệ    | Phòng GD-ĐT Quận Bình Tân   | Ba |
| 2223 | Công nghệ | Bùi Minh         | Ngọc  | THCS Nguyễn Văn Luông  | Phòng GD-ĐT Quận 6          | Ba |
| 2224 | Công nghệ | Trần Ngọc        | Nhi   | THCS Vân Đồn           | Phòng GD-ĐT Quận 4          | Ba |
| 2225 | Công nghệ | Đặng Chí         | Thành | THCS Lý Phong          | Phòng GD-ĐT Quận 5          | Ba |

***Tổng cộng danh sách có 2225 học sinh đạt giải.***

**Ngày 28 tháng 3 năm 2017**

**KT. GIÁM ĐỐC**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Hiếu**